# Sơ đẳng Phật Học Giáo Khoa Thư (Thiện Nhơn biên soạn; HT Thích Hành Trụ dịch)

*Giáo trình Phật học*

SƠ ĐẲNG PHẬT HỌC GIÁO KHOA THƯ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM Dịch giả : HT. THÍCH HÀNH TRỤ

Soạn giả : Cư sĩ THIỆN NHƠN Đính chánh : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO HÀ NỘI – PL.2549 – DL.2006

THAØNH HOÄI PHAÄT GIAÙO TP. HOÀ CHÍ MINH
TOẢ IN AÁN VAØ PHAÙT HAØNH KINH SAÙCH
Thöïc hieän
Ñòa chæ : 294 Nam Kyø Khôûi Nghóa P.8 - Q.3 - TP.HCM
ÑT : 8469721

TỰA DẪN Đạo Phật là đạo vị tha bình đẳng. Mục đích của Đạo Phật là làm lợi lạc cho nhân sanh và đồng được giác ngộ, không luận người giai cấp nào hay căn cơ nào, nếu mọi người đều có ý niệm giải thoát. Cho nên trước đây 25 thế kỷ, Đức Bổn Sư Thích Ca ra đời ở Trung Ấn Độ; lúc bấy giờ xã hội Ấn Độ chia ra từng giai cấp. Giữa sự chênh lệch của giai cấp này với giai cấp nọ và những sự bất công giữa người và người, người và vật tất cả đều được Đức Phật trình bày một cách tỉ mỉ và rõ ràng, bởi Ngài nhận thấy hết thảy mọi loài đều có một sự sống như nhau. Do đó, hơn bốn mươi chín năm Ngài đi thuyết pháp giáo hóa khắp cùng năm xứ Ấn Độ và Ngài thuyết minh chủ nghĩa Từ Bi Bình Đẳng; nên giáo lý của Ngài lập ra phải chia làm năm bậc (Ngũ thừa), bởi trình độ văn hóa của con người có sự sai khác nhau. Đức Phật tùy cơ giáo hóa để đem con người từ thấp lên cao, hoán cải đời sống con người xấu xa trở nên tốt đẹp, Ngài không bỏ sót một người nào nếu người ấy biết nhận rõ chơn giá trị của mình. Thể theo mục đích trên, nên chúng tôi cho ra quyển sách nhỏ này nhan đề là : “SƠ ĐẲNG PHẬT HỌC GIÁO KHOA THƯ”, với bổn ý của soạn giả : Làm sao cho người mới vào đạo có quyển sách giản dị và dễ hiểu; từ đấy, lần tiến lên tầng giáo lý cao siêu huyền diệu hơn. Người xưa đã nói : “Muốn đi con đường xa nghìn dặm, cần phải có bước đầu ra cửa. Lên cây thang cao mười nấc, lẽ phải bước nấc dưới hết làm đầu”.

Cũng thế ấy, nên quý vị sơ cơ muốn tìm hiểu giáo lý cao sâu Phật-đà, cần phải đón đọc những quyển sách dễ dàng như quyển sách này trước hết. Quyển sách này theo lối trình bày có chia ra từng bài một và câu văn rất tóm tắt dễ đọc và dễ nhớ. - Quý vị cố gắng đọc cho hết quyển sách này rồi mới thấy chỗ hay. - Đọc quyển này lúc ta còn tại gia thì là một Phật tử có trình độ hiểu đạo. Mà lúc sau này có nhân duyên được đi xuất gia cũng có thể gọi là bước lên được một bước, khỏi phải hổ thẹn với trang xuất gia đầu tròn. Dịch giả

NỘI DUNG : “Lời phụ” là lời thêm của dịch giả viện dẫn các chỗ khác vào để sáng tỏ lời chánh văn trên.

SƠ ĐẲNG PHẬT HỌC GIÁO KHOA THƯ PHẦN I BÀI THỨ 1 PHẬT PHẬT, tiếng gọi tắt của hai chữ “Phật đà” tức là đức hiệu của bậc đã Giác ngộ nơi tự tâm và cứu độ mọi loài đạt đến quả vị viên mãn. Cùng một cách như dân tộc Trung Hoa tôn xưng đức Khổng Tử là một bậc Thánh nhơn, có lịch sử, có sự thật. Song trí tuệ và năng lực của Phật thì lớn hơn, cho nên chúng ta tôn xưng là Phật. Trí tuệ của Phật, mục đích phá trừ bao nhiêu phiền não : tham, sân, si và mạn v.v... Năng lực của Phật quyết làm cho tất cả mọi loài, xa lìa tất cả khổ, hoàn toàn an hưởng những sự vui. Vì lẽ ấy, chúng ta cần phải lập chí học Phật.

8 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 2 PHÁP

PHÁP, tức là phép tắc. Tất cả muôn sự muôn vật trong thế gian này, vật nào cũng đều có lý nhứt định và đều có khuôn mẫu của nó. Loài người cũng thế, nhưng khuôn phép của loài người càng chu đáo hơn. Cho nên các bậc Thánh nhơn trong mỗi nước. Vị Thánh nhơn nào cũng đều có những phương pháp làm cho con người đi vào con đường chơn chánh như : lễ giáo, pháp luật và quy ước v.v... Còn phương pháp của Đức Thế Tôn chúng ta dạy không những thế thôi, đối với phương pháp dạy người đời, chỗ đại khái cũng rất giống nhau. Nhưng chỗ cốt yếu hơn hết là dạy chúng ta mỗi người cần phải giữ gìn năm giới cấm và thực hành theo pháp “Bát Chánh đạo”, để cho khỏi mất tư cách làm người. Vì lẽ ấy, chúng ta cần phải học Phật pháp.

PHAÀN I 9

BÀI THỨ 3 TĂNG

TĂNG, là tiếng gọi tắt của hai chữ “Tăng-già” có nghĩa là “Hòa hợp chúng”, ý nghĩa là một nhóm người có tánh cách hòa hợp và cùng ở chung với nhau. Hòa hợp có sáu nghĩa : 1- Đồng một giới luật để cùng nhau tu tập. 2- Sự thấy biết hòa thuận để giải thích cho nhau hiểu. 3- Thân thì hòa thuận để cùng ở chung với nhau. 4- Có lợi lộc nên cùng nhau hòa thuận để chia đồng đều. 5- Lời nói phải hòa thuận không nên cãi lẫy tranh hơn thua. 6- Tâm ý luôn hòa thuận, vui vẻ tán thành ý kiến hay và tùy hỷ học hạnh tốt... Đủ sáu nghĩa trên mới gọi là “Tăng”. Chữ Tăng đây, chính là một danh từ chỉ chung cho một đoàn thể đệ tử của Phật vậy. Một người, hai người, ba người đều không thể gọi là Tăng, từ bốn người sắp lên mới được gọi Tăng. Chữ Tăng đã là tiếng gọi chung cho một đoàn thể đệ tử của Phật, thì lẽ tất nhiên ta phải củng cố đoàn kết Tăng già hiệp lực hộ pháp, không phải là việc ngoài bổn phận vậy.

10 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

PHAÀN I 11

BÀI THỨ 4 THÍCH CA MÂU NI

Thích Ca là họ của Phật; Mâu Ni là tên của Phật. Hán dịch : “Năng nhơn Tịch mặc”. Năng, tức là Năng lực; Nhơn tức là từ bi; Tịch, là không bị sự khổ vui làm bận lòng; Mặc, là không bị việc phiền não làm rối loạn. Tự độ và độ tha, công đức được viên mãn.

Cho nên hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni. Ngày nay, chúng ta đã là đệ tử của Ngài thì lẽ dĩ nhiên phải học theo cái đức tánh "Năng nhơn Tịch mặc" của Ngài. Thế mới đáng gọi là một Phật tử chơn chánh.

12 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 5 LA HÁN VÀ BỒ TÁT

La-hán có ba nghĩa : 1- Phá giặc tam độc (tham, sân và si) 2- Đáng thọ sự cúng dường của người và trời 3- Đời sau không còn sanh tử (luân hồi) nữa. Bồ-tát nói đủ theo tiếng Ấn Độ là "Bồ-đề Tát-đỏa, Hán dịch : "Giác hữu tình". Giác, tức là giác ngộ; Hữu tình là chúng sanh. Nghĩa là Bồ-tát đem Phật pháp dạy người và có năng lực khiến cho chúng sanh được tỏ ngộ và ra khỏi biển khổ.

PHAÀN I 13

BÀI THỨ 6 TU HÀNH

Tu hành : Sửa đổi hành vi, bỏ dữ làm lành, xa lìa thế tục, theo đạo. Và khi đi, đứng, ngồi, nằm phải có oai nghi; lúc nói năng cần phải ôn hòa nhã nhặn và khiêm nhường. Ý không tham sân và si. Thân không sát sanh, trộm cắp và dâm ô. Miệng không nói hai lời (lưỡi đôi chiều : tới đây nói kia, tới kia nói đây, tỷ như đòn xóc nhọn hai đầu). Không nói lời hung dữ (thế tục gọi là nói đùa, hỗn ẩu v.v...). Không nói dối trá. Không nói lời thêu dệt, chuyện ít xích cho nhiều, (như không đến số trăm người mà nói người ta đông như kiến cỏ). Không ăn những đồ rượu thịt v.v... Thế gọi là tu hành.

14 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 7 LỄ TỤNG

Lễ, là lễ bái; Tụng là phúng tụng. Phúng tụng là để cho hột giống Bát-nhã huân sâu vào tạng thức. Lễ bái, thì ba nghiệp được thanh tịnh : 1- Để tâm ta vào với tâm Phật. 2- Cầu tâm Phật vào với tâm ta. Cả hai nhiếp nhập lẫn nhau thì con đường cảm ứng được giao thông vậy.

PHAÀN I 15

BÀI THỨ 8 SÁM HỐI

Sám hối, theo tiếng Ấn Độ là "Sám-ma". Tiếng Trung Hoa dịch : "Hối quá". Nghĩa là chính mình tự biết những nghiệp ác đã lỡ gây ra từ trước, thật không đáng làm ! Mà sanh lòng biết hổ thẹn, cho nên ngày nay ta tắm gội thân tâm sạch sẽ, rồi đến trước Phật đài, đốt nén hương trầm, một lòng thành kính lễ bái, tỏ bày các tội lỗi, cầu xin sám hối. Và lập lời thệ nguyện như vầy : Từ nay về sau, con thà nuốt hoàn sắt nóng và cục lửa to, chớ quyết không còn phạm giới của Phật, mà làm các việc ác nữa !

16 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 9 NAM MÔ, NHƯ LAI, HÒA NAM

Tiếng Phạm gọi là Nam mô cũng gọi là Nẵng mồ. Hán dịch : Quy y hay Quy mạng : là những lời rất thành kính, tâm hướng về với Đức Phật. Như Lai : Là nương theo thật tánh Chơn như, mà được thành ngôi Chánh giác. Đây, cũng là một đức hiệu (trong 10 đức hiệu) của Phật vậy. Hòa nam : Là tiếng Ấn Độ. Hán dịch là "Lễ bái" nghĩa là năm vóc (đầu, hai tay và hai chân) mọp sát, là ý nói lòng thành kính rất tột vậy.

PHAÀN I 17

BÀI THỨ 10 QUAN ÂM

Quan Âm là tên tắt, nói cho đủ là Quan Thế Âm. Nghĩa là vị Bồ-tát này luôn luôn xem xét tiếng tăm của người đời xưng niệm đến danh hiệu của Ngài, rồi Ngài liền đến độ cho chúng sanh ấy. Nhưng, vì sao Ngài xem xét được tiếng tăm ? – Đáp : Bởi vị Bồ-tát này đã chứng được viên thông có thể sáu căn dung lẫn nhau. Nếu căn cứ theo mặt tự giác mà giải thích, thì vị Bồ-tát này, đem cái nghe tiếng tăm trong đời mà nghe trở lại tự tánh của mình, đến khi thuần thục mà được ngộ đạo vậy. LỜI PHỤ. – Hỏi : Bồ-tát sẵn lòng từ bi, sao còn đợi chúng sanh xưng danh mới đến cứu ? – Đáp : Có cảm mới có ứng, không cảm làm sao ứng được.

18 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 11 VI ĐÀ

Hộ Pháp Vi Đà vị thần Kim Cang, nơi tay cầm gậy Kim Cang dùng oai lực để hộ pháp. Căn cứ theo bộ "Nam Sơn Cảm Thông Lục" : Ở cõi trời Tứ Thiên Vương có vị Thiên đại tướng quân, tên là Vi Côn, thường qua lại ba châu (Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu và Tây Ngưu Hóa châu) để ủng hộ Phật pháp. Vốn không có tượng của vị thần ấy nhưng người đời muốn kỷ niệm, mới tạo ra tượng của ngài Vi Đà Thiên để thay thế. Còn bên Mật giáo thì căn cứ vào bộ Kinh "Kim Quang Minh" nên thờ tượng của một vị Đại tướng tên là Tán Chỉ.

PHAÀN I 19

BÀI THỨ 12 TÒNG LÂM, GIÀ LAM, AM VIỆN

Tòng lâm là gì ? – Là chỗ của chúng Tăng tụ họp vậy. Thuở Đức Phật còn tại thế, thường cùng các đệ tử nhóm ở nơi rừng Kỳ Đà, hoặc ở Trúc Lâm mà thuyết pháp, nên gọi những chỗ ấy là Già-lam. Già-lam là tiếng Ấn Độ, Hán dịch Tòng lâm. Chữ Am nghĩa là Yên : tức là chỗ Tăng chúng yên ở, cũng gọi là Thiền lâm hay Thiền viện, đều là những nơi thanh tịnh để cho chúng Tăng tu tập và thiền định vậy. LỜI PHỤ : – Tòng lâm : Tòng, là rừng cây che mát, nhiều vô số, cũng có nghĩa là có vô số chúng Tăng hòa hiệp ở chung một chỗ mà tu hành. – Rừng Kỳ Đà : Là rừng cây của Thái tử Kỳ Đà với quan đại thần Cấp Cô Độc. Cùng nhau xây dựng tinh xá dâng cúng cho Đức Phật để thuyết pháp vậy.

20 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 13 TỰ

Tự, là công sở để làm việc chánh trị ngày xưa, như ngày nay gọi là Quan thự (chỗ làm việc quan). Đời Hán lập ra Hồng Lô Tự; để tiếp đãi khách khứa bốn phương. Đến niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10, có hai vị Tôn giả là ngài Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, là hai vị Tổ sư bên Ấn Độ, là người đầu tiên đem Kinh và Phật tượng truyền sang Trung Quốc (nước Tàu). Khi mới sang, vua Hán Minh Đế nhường cái Hồng Lô Tự thỉnh hai vị Tôn giả tạm trú nơi ấy, sau rồi xây cất những chỗ đàng hoàng hơn cho chúng Tăng ở, từ đó gọi chỗ chúng Tăng ở là "Tự". LỜI PHỤ. – Tôn giả : Là người đầy đủ đức hạnh, đáng cho dân chúng tôn kính.

PHAÀN I 21

BÀI THỨ 14 BA Y, BÁT, CỤ

Ấn Độ nói Ca-sa, Hán dịch : Bất chánh sắc y, cũng dịch : Phước điền y. Y, có ba hạng : 1- An-đà-hội, tức y năm điều. 2- Uất-đa-la-tăng, tức là y bảy điều. 3- Tăng-già-lê, tức Đại y cũng gọi là y Tổ. Tiếng Ấn Độ nói : Bát-đa-la, Hán dịch : Ứng khí, chính là cái dụng cụ đựng thức ăn, để lãnh lấy thức ăn trong khi người cúng thí (cũng dịch là Ứng lượng khí, là cái bát để lường thức ăn, nhiều hoặc ít v.v... như cái bát đi khất thực của nhà sư). Cụ, là một thứ đồ lót ngồi hoặc nằm bằng vải hoặc bố. LỜI PHỤ. - Bất chánh sắc y : Là y nhuộm nhiều màu pha lộn, không thành màu gì, nên gọi là hoại sắc. Y Tổ : Là Tổ Tổ tương truyền cái y này, y này là y 25 điều, nên cũng gọi là Đại y.

22 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 15 PHƯƠNG TRƯỢNG

Phương trượng trong Tòng lâm là chỗ ở của bậc trụ trì. Trong bộ Truyền Đăng Lục Thiền Quy Thức nói : Bậc Trưởng lão đã làm vị Hóa chủ, thì nên ở nơi phương trượng. Đồng như cái thất của ngài Tịnh Danh, chớ không phải cái thất dành riêng để ngủ nghỉ vậy. Ngày xưa cái thất của ngài Tịnh Danh vuông vức một trượng nhưng có thể dung nạp được ba ngàn tòa sư tử; đức Văn Thù Bồ-tát hỏi pháp nơi ấy, cho nên chỉ chỗ nào hỏi pháp, thì gọi Phương trượng. LỜI PHỤ. – Trụ trì : Là người giữ gìn kho tàng Chánh pháp của Như Lai, (tác Như Lai sứ hành Như Lai sự) gọi là trụ Như Lai thất : trì Chánh pháp Nhãn tạng. – Trưởng lão : Là bậc đầy đủ phước đức và nhiều tuổi tác. – Ngài Tịnh Danh : Tức ngài Duy Ma Cật. Ngài xưa là một vị Cổ Phật thị hiện làm thân Cư sĩ mà vì tứ chúng thuyết pháp ở Ấn Độ. – Tòa sư tử : Là chỗ chưng dọn để thuyết pháp, có treo tấm hình Sư tử phía sau. Sư tử là chúa của các loài thú ở sơn lâm, khi sư tử rống lên một tiếng là các loài thú đều trốn mất, vì sợ oai thế của sư tử. Nay mượn sự tích này để dụ khi Phật thuyết pháp ra một tiếng thì tất cả tà ma (nội ma, ngoại ma, phiền não ma, và vô minh ma) đều tiêu sạch.

PHAÀN I 23

24 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 16 ĐIỂN TỌA, ĐÀN NA

Người chủ một công việc, thì gọi là “Điển”. Điển tọa là người coi ngó sàng tòa v.v... Coi chín việc : 1- Chủ trương coi ngó phân trao sàng tòa. 2- Chủ trương coi ngó sai người mời nhóm. 3- Chủ trương coi ngó phân phát phòng nhà. 4- Chủ trương coi ngó phân áo quần, phòng nhà. 5- Chủ trương coi ngó phân hương hoa. 6- Chủ trương coi ngó phân dưa trái. 7- Chủ trương coi ngó cắt người nấu nước uống. 8- Chủ trương coi ngó phân bánh và các thức ăn v.v... 9- Chủ trương coi ngó tùy theo ý mình mà cử người có thể làm việc được. Ấn Độ gọi là Đàn-na. Hán dịch : Bố thí, cũng gọi là Đàn việt : Nghĩa là những người bố thí để cầu vượt qua khỏi biển khổ bần cùng trong ba cõi vậy.

PHAÀN I 25

BÀI THỨ 17 YẾT MA

Ấn Độ nói Yết-ma. Trung Hoa (Hán) gọi Tác pháp biện sự : Nghĩa là bao nhiêu việc trong Phật pháp, đều do pháp (Yết-ma) này mà thành tựu vậy. Mỗi khi làm pháp Yết-ma phải đủ bốn điều kiện : 1- Giữ theo phép tắc : Nghĩa là phải tuân theo những điều kiện chính trong khi cử hành. 2- Sự thật : Nghĩa là như những việc phạm tội và sám hối. 3- Số người : Từ 4 người, 5 người cho đến 10 người hoặc 20 người v.v... 4- Giới hạn : Nghĩa là định đoạt cho những chỗ như thế nào, để làm pháp kết thành giới hạn. LỜI PHỤ. – Yết-ma : Tức là phương pháp nhóm hội đồng của toàn chúng Tỳ-kheo, cách cử hành này cũng như một cuộc hội nghị. Có bốn điều kiện : Điều kiện thứ nhứt. – Tuân theo phép tắc, cũng như nguyên tắc hội nghị. Điều kiện thứ hai. – Phán đoán, xem xét, cũng như những việc đem bàn cãi giữa hội nghị. Điều kiện thứ ba. – Số người : Cũng như số người nhóm họp để thành phần cuộc hội nghị. Nhưng phải từ bốn người (4 vị Tỳ-kheo) sắp lên mới đúng quy tắc.

26 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

Điều kiện thứ tư. – Cũng phải thành lập một cảnh trí nhứt định vừa thuận lợi vừa gọn gàng và có ranh giới để không lộn xộn. Dụ như : làng nào có ranh giới của làng ấy, cho đến nước nào đều có ranh giới của nước ấy v.v...

PHAÀN I 27

BÀI THỨ 18 PHÙ ĐỒ, XÁ LỢI, BẢO THÁP

Phù đồ : Là tiếng nói trại của chữ Phật Đà. Bản dịch xưa : là Minh giác. Bản dịch nay : là Cúng dường xứ (Những chỗ để cúng dường như chùa, am, tháp v.v...). Xá lợi : Là linh cốt của Phật. Bảo tháp : Dùng các thứ ngọc báu (thất bảo : vàng, bạc v.v...) tán ra thành bột rồi hòa trộn, nhồi lại xây đắp thành cái tháp (theo lối xưa ở Ấn Độ) nên gọi là Bảo tháp. Hoặc là trong tháp ấy có nhiều ngọc báu để cúng dường Xá lợi của Phật. Tiếng Phạm gọi là Tháp, cũng gọi là Tột-đổ-ba. Hán dịch : Cao hiển đại phần (Cái phần mộ vừa to rộng, vừa tốt đẹp lộng lẫy). LỜI PHỤ.- Minh Giác : Những bậc đã giác ngộ nơi bản tâm được sáng suốt tức là danh hiệu của Phật. Cúng dường xứ : Là chỗ tháp thờ Xá lợi Phật để người cúng dường, chiêm bái cầu phước. Xá lợi : Là linh cốt của Phật. Những bậc tu hành giới hạnh thanh tịnh như Phật, nên sau khi tịch (chết) trong tủy kết khối thành hột như viên ngọc nên gọi là Xá lợi. Tháp : Đây lược nói theo tầng cấp của

tháp. Kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói : Tháp của Như Lai từ 8 tầng sắp lên, Bồ-tát 7 tầng, Duyên-giác 6 tầng, La-hán 5 tầng, A-na-hàm 4 tầng, Tư-đà-hàm 3 tầng, Tu-đà-hoàn 2 tầng, Chuyển luân vương 1 tầng. Nhưng chúng Tăng không lễ



bái, vì Chuyển luân vương không phải là bậc Thánh nhơn xuất thế. Trong Kinh Đại Niết Bàn, Phật dạy ngài A-nan : Sau khi Ta tịch làm lễ trà tỳ xong, lấy Xá lợi Ta để vào bình bát bằng thất bảo, rồi đem để ngay giữa ngã tư đường trong thành Câu-thi-na-già (ở Ấn Độ), dựng xây tháp bằng thất bảo, bề cao 13 tầng : Trên chót làm cái hình bánh xe, đấy là tiêu biểu : “Pháp luân thường chuyển”. Tuy là Ta nhập diệt, nhưng chỉ là thị hiện tướng nhập diệt thôi ! – Y theo bộ Luật Tăng Kỳ : Những vị phàm Tăng như : Pháp sư trì luật, Tỳ-kheo lo việc Tam Bảo, Tỳ-kheo đức hạnh, mặc dù chưa phải Thánh nhơn nhưng cũng cho dựng tháp, nhưng chỉ làm suông, chớ không làm tầng và bảo dựng chỗ vắng. Nếu trái thì mắc tội. Căn cứ theo đây, thì đời bây giờ đệ tử làm thế là sai phép tắc. (Trích trong Phật Học Đại Từ Điển). Cao hiển đại phần : Phần mộ lớn cao vòi vọi tức là Tháp.



BÀI THỨ 19 TUẦN LIÊU, QUÁI THÁP

Tuần liêu có 2 cách : A- Chức tuần liêu thuở xưa phần nhiều do vị trụ trì đi xem xét các liêu của chúng Tăng. Trong Luật Tăng Kỳ nói : Đức Thế Tôn vì năm việc nên mỗi ngày xem xét liêu của chúng Tăng một lần : 1- Lo đệ tử đắm nhiễm những việc hữu vi (hữu lậu). 2- Lo đệ tử đắm nhiễm những tục luận (sách vở thế tục có tính cách làm cho con người phải trụy lạc). 3- Lo đệ tử ham mê ngủ nghỉ. 4- Vì thăm chúng Tăng khi có bệnh. 5- Để cho thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi coi theo oai nghi thứ lớp của Phật mà bắt chước. B- Cách tuần liêu đời nay : Nếu Thầy Tỳ-kheo trái với pháp Thanh quy (kỷ luật), thời cần phải đi tới mỗi liêu cầu xin sám hối. Quái tháp : Là những kẻ Thiền khách (khách Tăng) đi hành khất (đi du phương) đến chùa, ta bằng lòng và chỉ chỗ cho họ treo bát, máng y ở nơi đất (chùa) vậy.



BÀI THỨ 20 SA DI, TỲ KHEO, SA MÔN

Tiếng Phạm gọi Sa-di. Hán dịch : Tức từ. Tức, có nghĩa là dứt các sự nhiễm ô ở đời; Từ, có nghĩa là ban bố lòng lành tế độ chúng sanh vậy. Tiếng Phạm gọi Tỳ-kheo. Hán dịch : Khất sĩ. Khất sĩ : trên thì xin cầu Chánh pháp của chư Phật để thấm nhuần nơi tâm; dưới thì xin cơm của người Đàn việt nuôi thân này được sống còn để thừa hành giáo pháp của Phật. Sa-môn : Sánh với Sa-di thì chẳng đồng nhau, bởi tiếng Phạm gọi Sa-môn. Hán dịch : Cần tức. Cần có nghĩa là siêng năng làm các việc từ thiện; Tức có nghĩa là dứt hết những điều ác (nhiễm ô theo dục lạc). LỜI PHỤ.- Sa-di chẳng đồng với Sa-môn; là Sa-di cũng có nghĩa là dứt ác, làm lành. Nhưng chỉ giữ có 10 giới thôi; còn Sa-môn thì giữ đến 250 giới của Tỳ-kheo vậy.

BÀI THỨ 21 DUY NA, TĂNG TRỊ, KIỀN CHÙY, TÍCH TRƯỢNG

Duy-na : Chức Duy na ở bên Ấn Độ cùng với nước ta không đồng nhau. Vì sao ? Bởi Ấn Độ thẳng ngay chức Duyệt chúng gọi là Duy na, còn ở nước ta ngoài chức Duy na có thêm chức Duyệt chúng. Tăng trị : Trong chúng Tăng luân phiên trị nhựt, để xem xét các việc chùa và chúng vậy. Kiền chùy : Tức là bên Tây Vức (Ấn Độ) mỗi khi tới kỳ nhóm chúng, thường đánh lên những tiếng : Chuông, trống, mõ, và khánh v.v... để chúng Tăng biết thời nhóm họp gọi là tiếng Kiền chùy. Tích trượng : Tích trượng cũng gọi là Trí trượng. Thầy Tỳ-kheo đi khất thực, khi đến ngoài cửa nhà của người, thì rung cây tích trượng cho có tiếng kêu lên nghe lích tích, lích tích, để cho người biết đúng thời mà đem cơm ra cúng thí. Trên đầu cây tích trượng có làm 4 khâu 12 vòng, để tiêu biểu cho pháp Tứ đế và pháp Thập nhị nhân duyên vậy. LỜI PHỤ. – Duy na : Là người đứng bên chuông (Khi khóa lễ để ra ni mẫu cách thức cho chúng noi theo, cũng như người chỉ huy ra hiệu lịnh). Còn Duyệt chúng : Là người đứng bên mõ, đánh mõ cho có trường canh, theo điệu "tiền bần hậu phú". Ban đầu tụng tiếng nhỏ và hưỡn đãi, sau lần lớn và mau, làm



cho trong chúng sanh lòng vui thích nên gọi là Duyệt chúng. Tích trượng : Tích, là sắt, trượng, là gậy, nghĩa là cây gậy bằng sắt, có ba ý : 1- Khi rung làm cho người trong nhà biết đem cơm ra cúng dường. 2- Khi đi đường gặp chó dữ nó nhảy ra muốn cắn; liền đưa cái đầu gậy tích (có 4 khâu, 12 hườn) này cho nó cắn, nó cắn một hồi mệt mỏi thì nó phải thua. 3- Khi qua sông, rạch, trước hết phải lấy cây tích dò thử coi cạn sâu để tránh sự ướt át... hiểm nguy. Trí trượng : Có nghĩa là người tu hành nương nhờ cây gậy này mà sự tu hành càng thêm tăng tiến và phát sanh trí huệ, nên gọi là Trí trượng.

PHAÀN I 33

BÀI THỨ 22 XUẤT GIA, THIỀN HÒA, PHÁP SƯ

Xuất gia : Xuất gia có ba nghĩa : 1- Ra khỏi nhà tam giới (ba cõi), 2- Ra khỏi nhà phiền não, 3- Ra khỏi nhà tham, sân, si, mạn v.v..., chớ chẳng ra khỏi nhà thế tục mà thôi đâu. Thiền hòa : Người tu theo pháp tham thiền, cần phải giữ gìn đủ sáu pháp hòa kính. Pháp sư : Là người miệng giảng Phật pháp; thân thì làm Phật sự, chắc chắn người ấy (Pháp sư) có thể làm rường cột trong Phật pháp và quyết chí đem lại sự đại giác ngộ cho nhân sanh, nên gọi là Pháp sư. LỜI PHỤ : – Sáu pháp hòa : (nên xem chữ Tăng bài thứ ba...) đã giải ở trang 9. Rường cột : Cũng như nói căn bản, là người có thể làm giềng mối cho Phật pháp vậy.



BÀI THỨ 23 BA TẠNG, MƯỜI HAI BỘ KINH

Ba tạng : Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng vậy. Bài kệ mười hai bộ Kinh : Trường hàng, Trùng tụng cùng Cô khởi, Thí dụ, Nhân duyên với Tự thuyết, Bổn sanh, Bổn sự, Vị tằng hữu, Phương quảng, Luận nghị và Ký biệt. LỜI PHỤ. – Chữ Tạng : Có nghĩa cất chứa, cũng đồng với chữ tàng (chứa trữ), kho tàng chứa. Trữ những lời lẽ vừa thích hợp

với chơn lý và vừa thích hợp với căn cơ của chúng sanh, mà Đức Phật Thích Ca đã nói, rồi các Tổ ghi chép thành văn tự để lại cho đến ngày nay. Mười hai bộ : Chữ bộ cũng như chữ phần, như Mười hai phần v.v... Trong Mười hai phần này gồm đủ sự và lý. Trong một thời gian thuyết giáo của đức Bổn Sư gần năm mươi năm có chia làm Ba tạng và Mười hai bộ.

PHAÀN I 35

BÀI THỨ 24 THIỀN, LIÊU NGUYÊN, HÒA THƯỢNG

Thiền, tiếng Phạm gọi là Thiền-na. Hán dịch : Tịnh lự, cũng dịch : Tư duy tu (tu bằng cách suy nghĩ). Liêu nguyên : Cũng gọi là Liêu thủ tọa, nghĩa là những bậc có trọng trách xem xét những điều phi pháp trong các liêu, và điều hòa những việc tranh luận không thỏa thuận, cùng dạy vẽ những quy củ (phép tắc) cho những người mới tới (ở đạo) vậy. Hòa thượng : Là tiếng nước Hồ (Ấn Độ). Hán dịch : Lực sanh : Nghĩa là đạo lực của Ngài có thể làm cho đệ tử phát sanh trí huệ vậy. Cũng dịch là Thân giáo sư. LỜI PHỤ. – Tịnh lự : Những việc lo lắng lăng xăng trong tâm đã được yên lặng, tức là "Định". Tư duy tu : Theo pháp Chánh tư duy. Chánh tư duy : Là một trong tám pháp (Bát Chánh đạo). Liêu nguyên : Là người đầu liêu, tức là vị Thủ tọa là người làm đầu trong liêu đó "Liêu thủ". Đệ tử : Chữ Đệ là em : nghĩa là người học sau thầy cũng như em; Tử là con : nghĩa là nhờ thầy dạy vẽ mới sanh được trí huệ. Tức là trí huệ của đệ tử do thầy khai sáng mới phát sanh được nên gọi là Tử. Cũng như con.

36 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

PHAÀN I 37

BÀI THỨ 25 BA CÕI , SÁU ĐƯỜNG, VÔ MINH

Ba cõi : Cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô sắc. Sáu đường : Trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vô minh : Không sáng suốt. Không sáng suốt có ba : 1- Không nhận rõ được thân thể của ta đây là không thật có (vô ngã). 2- Không nhận rõ được muôn vật cõi đời này, rốt cuộc phải tan rã (vô ngã sở) tất cả đều không thật. 3- Không nhận rõ được tất cả đều giả dối (như huyễn không thật thể, như mộng v.v...). LỜI PHỤ.- Cõi Dục (Dục giới) : Chúng sanh ở trong cõi này tâm ham muốn rất nhiều (đa dục) mặc dù vẫn nhiều sự ham muốn, nhưng tóm lại cũng không ngoài năm món dục lạc (Tài, sắc, danh, thực và thùy. Hay : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp). Cõi Sắc (Sắc giới) : Chúng sanh ở cõi này tuy đã bớt sự ham muốn, nhưng còn có sắc thân, còn phải chịu nhiều điều khổ sở, bởi có thân nên phải có sự "ngũ suy tướng hiện" v.v... Cõi Vô Sắc (Vô sắc giới) : Chúng sanh ở cõi này tu thiền cao hơn hai cõi trước, nhưng cũng không tránh khỏi luân hồi, bởi ý thức chưa chuyển được. Mặc dù chứng đặng năm phép thần thông, thí cũng như bốn anh

38 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

em của giòng Phạm chí... hay hơn nữa như ông Uất-đầulam-phất kia vậy. Tu-la : Thần A-tu-la. Loại thần này ở gần đỉnh trời Đao Lợi vẫn được sung sướng như trời. Tu-la trai xấu, Tu-la gái rất đẹp, đẹp hơn tiên nữ, nên trời Đế Thích thường xuống theo ve vãn

Tu-la gái, bị Tu-la trai ghen tức, nên cùng chiến đấu với nhau luôn. Tu-la cũng là người, nhân vì có tu thiện, nhưng tánh đa sân (sân lắm) v.v... Tu-la có 4 loại : Đây là một trong bốn loại ấy. Ngạ quỷ : Loại quỷ đói, đâây là do nguyên nhân đời trước tham lam, keo rít bỏn sẻn, lường gạt người v.v... nên nay mới mang lấy cái quả báo ấy... Vô minh : Một món căn bản phiền não, là món ngu dại đầu tiên trong các sự ngu dại. Không có cái gì khổ hơn cái khổ vô minh (không nhận rõ được sự thật của các pháp). Đức Phật dạy : Con lạc đà, lừa, ngựa, trâu chịu sự khổ vì chuyên chở nặng nề. Nhưng cũng chưa gọi đó là khổ; chỉ có người si ám tối dốt (vô tri) mới thật là khổ. Vô tri tức là Vô minh vậy.

PHAÀN I 39

BÀI THỨ 26 DIÊM LA

Tiếng Phạm : Diêm-la. Hán dịch : Song vương. Trong Kinh nói : Xưa có hai anh em, em (em gái) đều làm chủ trong địa ngục, người anh thì coi xếp việc trị phạt đàn ông; người em thì cai quản việc trị phạt phái đàn bà cho nên nói : Song vương (hai vua). Trong bộ "Pháp Uyển Chu Lâm" nói : Vua Diêm-la đời trước làm quốc vương nước Tỳ-bà-sa, nhân một hôm gây hận chiến tranh với vua Duy-đà-như-sanh, nhưng đánh không lại, cùng trí, nổi giận mới lập lời nguyền : Ta sẽ làm chủ địa ngục. LỜI PHỤ.- Địa ngục : Tiếng Phạm gọi : Na-lạc-ca. Địa : là đất; Ngục : là nhà lao để giam những người có tội, tùy theo chỗ mà đặt tên, như : ở dưới đất gọi là Địa ngục v.v..., cũng gọi là chỗ không vui mừng và không hý vị; đáng ghê tởm và đáng chán ghét ! ! Hai vua thệ làm chủ địa ngục : Đó là nhân nào quả nấy, chúng sanh trong sáu đường cũng không ngoài nhân với quả. Cho đến bốn bậc Thánh đi nữa, cũng không ngoài quả với nhân ! Vậy hàng Phật tử chúng ta phải thận trọng nơi lời nói, nhứt là đừng thề thốt. Nên phát nguyện tu cho thành Phật !

40 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 27 TỨ PHẦN LUẬT, A TĂNG KỲ, HẰNG HÀ SA SỐ

Tứ Phần Luật : 1.- Phần đầu nói rõ về việc của Tỳ-kheo. 2.- Phần thứ hai, nói rõ về việc của Tỳ-kheo-ni. 3.- Phần thứ ba, nói rõ về việc An cư Tự tứ. 4.- Phần thứ tư, nói rõ về những việc phòng xá (Tăng phòng). Tiếng Phạm A-tăng-kỳ. Hán dịch : Vô ương số. Hằng hà : Là một con sông lớn nhứt ở xứ Ấn Độ, những cát trong lòng sông rất nhỏ, nhuyễn như bột và nhiều vô số. Mỗi khi Đức Thế Tôn thuyết pháp những việc gì nhiều và con số nào mà chúng sanh không thể đếm được thì Phật thường mượn để thí dụ. LỜI PHỤ.- An cư : An cư là mỗi năm Tăng chúng kiết hạ ở một chỗ. Từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy. Một là : Mùa ấy là mùa mưa, nếu đi ra ngoài thường quá thì đạp hại loại trùng kiến. Hai là : Mỗi năm Tăng chúng nhóm họp lại tu trong ba tháng để cùng nhau kiểm điểm giới hạnh trong một năm qua; mỗi một hạ thì được lãnh thêm một tuổi đạo. Tự tứ : Cũng gọi là tùy ý. Nghĩa là ngày giải hạ "Rằm tháng Bảy" là ngày chúng Tăng tự tứ. Trong ba tháng tu tập đã sửa đổi hành vi thanh tịnh, nhưng ngày ấy, còn phải cần cầu toàn thể chúng Tăng đồng giới, chỉ cho những tội nào mà chúng Tăng có ai thấy, nghe và

PHAÀN I 41

nghi. Tùy ý chúng Tăng chỉ cho tội nào, mà tội ấy nếu ta nhớ rõ và nhận, ta đều hoan hỷ sám hối, để cho được hoàn toàn thanh tịnh của một hạ v.v...” Đây không chép hết, xin xem phần kiết hạ an cư trong bộ Luật Tứ Phần”.

42 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 28 THUẤN NHÃ ĐA TÁNH, THƯỚC CA LA TÂM, THẬP PHƯƠNG TAM THẾ

Thuấn nhã đa tánh : Hán dịch : Không tánh (tánh như hư không). Thước-ca-la tâm : Hán dịch : Kiên cố tâm (tâm bền chắc). Thập phương : Mười phương : Đông, Tây, Nam Bắc, bốn góc và thượng hạ. Bốn góc là gì ? Là : Góc Đông Nam, góc Tây Nam, góc Đông Bắc và góc Tây Bắc. Tam thế : Ba đời : Quá khứ, hiện tại và vị lai. LỜI PHỤ.- Mỗi một vật gì không luận lớn nhỏ cũng liên lạc cả mười phương (thập phương). Dầu nhỏ như hạt bụi cũng thế. Bởi vậy, người sanh trong vũ trụ này, chẳng luận làm tội hay phước, lớn hay nhỏ hoặc trung bình cũng đều có đem lại sự kết quả cho ta đủ số không thiếu cũng không dư. Xem đây, người tu phải nên thận trọng !

PHAÀN I 43

BÀI THỨ 29 TIỂU TAM TAI, TAM ĐỒ

Tiểu tam tai : 1- Tai ôn dịch; 2- Tai đói rét; 3- Tai đao binh Tam đồ : 1- Hỏa đồ : Chỗ bị lửa dữ thiêu đốt trong địa ngục. 2- Huyết đồ : Chỗ bị ăn nuốt lẫn nhau trong loài súc sanh. 3- Đao đồ : Chỗ dùng đao gươm áp bức với nhau trong loài ngạ quỷ.

LỜI PHỤ.- Tiểu tam tai : Trong một kiếp trụ có 20 kiếp tăng và giảm, khi ba tai này nổi lên là sau kiếp giảm. Ba tai : 1- Tai đao binh (nạn chiến tranh : chiến tranh từ cá nhân đến đoàn thể). Thời kỳ này, con người làm việc phi pháp lòng sâu độc quá mạnh, thấy nhau là có tâm muốn hại nhau, tuy nắm tay nhau mà vẫn tàn hại lẫn nhau. 2- Tai tật dịch : Thời kỳ này, con người không những chịu sự tai hại như trên, mà còn bị loài phi nhân phun khí độc nên chúng sanh bị tật dịch. Hễ ai vô phước ruông nhằm khí độc ấy, liền bỏ mạng. 3- Tai cơ cẩn (đói rét) : Thời kỳ này, chúng sanh không những bị hai cái tai hại như trên, mà còn bị đói chịu không nổi phải chết. Đây là ba tai nhỏ nên gọi là tiểu.

44 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 30 TÁM NẠN VÀ ĐẠI TAM TAI

Tám nạn : 1- Sanh lên cõi trời Vô tưởng. 2- Sanh nơi châu Bắc Câu Lô. 3- Sanh trước khi Phật ra đời, sanh sau khi Phật nhập diệt. 4- Thông minh biện tài giỏi theo pháp thế gian. 5- Đui điếc câm ngọng. 6- Đọa vào địa ngục. 7- Đọa làm ngạ quỷ. 8- Đọa làm loài súc sanh. Đại tam tai : 1- Tai nước. 2- Tai lửa. 3- Tai gió. LỜI PHỤ.- Đại tam tai : Ba tai lớn. Qua khỏi kiếp trụ, bước qua kiếp hoại. Kiếp hoại cũng có 20 kiếp tăng và giảm, 19 kiếp trước là làm hư hoại loài hữu tình (chúng sanh) trong thế gian, 1 kiếp sau là làm hư hoại loài vô tình (của địa cầu) tức là làm hư hoại cả thế giới ! Ba tai lớn : 1- Tai lửa : Bảy mặt trời mọc ra một lượt, sức nóng thiêu đốt cả thế giới này. Dưới từ cõi địa ngục, trên đến cõi trời Tứ thiền, về cõi Dục. 2- Tai nước : Nước dâng lên từ dưới Kim cang (lớp

cuối cùng của trái đất) cho đến cõi trời Nhị thiền. 3- Tai gió : Gió thổi từ dưới địa ngục Vô gián, trên đến cõi trời Tam thiền, về cõi Sắc giới, tất cả sự vật giữa cõi này bị gió thổi tan tành. Cứ thứ lớp như vậy, trước 7 lần tai lửa thì đến một lần tai nước. Rồi lại 7 lần tai lửa, thì có một lần tai nước. Như vậy, cứ 7 lần lửa, một lần nước; 7 lần nước rồi trải qua 7 lần tai lửa thì có thêm một tai gió thế là 3 tai giáp



một vòng. Tổng cộng có 87 lần tai lửa, 1 lần tai nước, lẫn tai gió. Tóm lại kể có 64 đại tai tức là 64 đại kiếp. Trong một đại kiếp có : Thành, trụ, hoại và không (4 kiếp) mà kiếp hoại là kiếp cuối cùng, có một lần đại tai vậy. (Lược chép trong Phật Học Đại Từ Điển).



BÀI THỨ 31 TỨ ÂN, TAM HỮU

Tứ ân : (bốn ơn) : 1- Ân cha mẹ sanh trưởng. 2- Ân sư trưởng giáo hóa cho nên người. 3-Ân chánh phủ bảo hộ 4- Ân đàn việt bố thí (giúp đỡ). Tam hữu (ba cõi) : 1- Cõi còn có tánh tham, có xác thân (Dục giới). 2- Cõi không còn tánh tham, nhưng còn có xác thân (Sắc giới). 3- Cõi không còn tánh tham và xác thân thô, nhưng còn có ý thức (cõi Vô sắc). Tam giới cũng gọi là Tam hữu, nghĩa là những chúng sanh ở trong ba cõi ấy là đều có phiền não; có sanh tử, có đau khổ, cho nên gọi là Tam hữu (ba cõi đều có đau khổ). LỜI PHỤ.- Tam giới, tức là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tam hữu cũng thế.



BÀI THỨ 32 TỨ SANH, CỬU HỮU

Tứ sanh : 1- Loài sanh bằng bào thai (như loài người, trâu, bò, lừa, ngựa v.v...). 2- Loài sanh bằng trứng (như loài chim, gà, vịt, rắn v.v...). 3- Loài sanh chỗ ẩm ướt (như loài trùng, cá, tôm, v.v...). 4- Loài sanh do sự biến hóa (trên như : chư thiên, dưới như : địa ngục, chính giữa như : ruồi, muỗi, ong, bướm v.v... trong thời kỳ mới sanh v.v...) tùy nghiệp lực hóa sanh ra đều có sanh mạng vậy. Cửu hữu : (Chín cõi này còn có đau khổ vì còn sanh tử) : 1- Lục đạo, 2- Trời Sơ thiền, 3- Trời Nhị thiền, 4- Trời Tam thiền, 5- Trời Tứ thiền, 6- Trời Không xứ, 7- Trời Thức xứ, 8- Trời Vô sở hữu xứ, 9- Trời Phi phi tưởng xứ. LỜI PHỤ.- Tứ sanh : Sanh bằng bào thai, sanh bằng trứng, sanh nơi ướt át và sanh do sự biến hóa. Nhưng cũng có một loài mà sanh đủ cả bốn nơi : 1- Người sanh ra người gọi là thai sanh 2- Trứng sanh ra người như : trứng hạt sanh ra ông Do-thế-la và ông Ô-ba-thế-la (?) 3- Súc sanh sanh ra người như thuở xưa Lộc mẫu (nai cái) sanh ra 500 người con như vua Bậccha-la-vương 500 người v.v...



4- Chỗ ẩm ướt sanh ra người, như : Đàm-đà-la, Giálô, Ô-ba-giá-lô, Cấp-phái và Am-la-vệ v.v... 5- Biến hóa sanh ra người, như người sơ kiếp (kiếp ban đầu) Hỏi : Thai, trứng, ướt sanh ra loài súc sanh thì chúng ta còn thấy được, còn biến hóa sanh thì làm sao biết được ? Đáp : Như loại rồng, chim Yết-lộ-trà và cũng như tằm hóa nhộng v.v... Ong hóa bướm. Kế đây, loài ngạ quỷ cũng có hai thứ : thai sanh và hóa sanh. Thai sanh như ngạ

quỷ cái, ngày đêm nó ăn năm đứa con của nó. Hóa sanh như : những người dưới địa ngục, chư Thiên và trong loài người, cũng đều có biến hóa sanh, vì tùy nghiệp lực tự nhiên bỗng phát sanh để chịu khổ trả quả (xem Luận Câu Xá quyển thứ 8 có nói rõ), căn cứ theo đây thì sự sanh tử luân hồi của chúng sanh không biết đâu là bờ mé, nếu còn sa mê theo vật dục !

PHAÀN I 49

BÀI THỨ 33 TAM QUY

Mình quy y theo Phật, cầu cho chúng sanh nhận rõ đạo lớn (Đại thừa) phát tâm Vô thượng. Mình quy y theo Pháp, cầu cho chúng sanh, rõ suốt Kinh tạng, trí huệ rộng như biển. Mình quy y theo Tăng, cầu cho chúng sanh, thống lý đại chúng, tất cả đều không ngại. Nhận rõ đạo Đại thừa, phát tâm Vô thượng v.v... hai câu, xét trong phẩm Tịnh Hạnh, nguyên là câu : "Nối giòng Phật thạnh hành, phát ý Vô thượng". Quy y bậc Lưỡng Túc Tôn (Phật), là phước huệ đầy đủ. Phước đức và trí huệ đầy đủ hai món ấy, cho nên được chúng sanh tôn ngưỡng. Quy y bậc pháp Ly Dục Tôn (Pháp), là bậc đã xa lìa được những pháp tham dục, cho nên được người đời tôn kính. Quy y bậc Chúng Trung Tôn (Tăng), là bậc đại Đạo sư trong đại chúng, cho nên chúng Tăng phải tôn trọng. LỜI PHỤ.- Đạo lớn : Là đạo Đại thừa. Vô thượng : Tức là Vô thượng Bồ-đề tâm, tâm này trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Kinh tạng, cũng như kho tàng, là chỉ ba tạng Kinh của Đức Phật, Ngài diễn nói trong 49 năm, đủ cả lý Đại thừa và Vô thượng.

50 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

Thống trị đại chúng : Nói về sự, thì bậc thông hiểu ba tạng, biết đủ oai nghi, chỉ dạy cho cả đại chúng. Còn luận về lý, thì bậc này đã dẹp trừ được tất cả phiền não nơi tâm mà được giải thoát, ấy cũng nhờ hiểu sâu Kinh tạng, trí tuệ rộng lớn như biển. Đạo sư : Là người dắt đường, nghĩa là dắt ta đi đến đường giác ngộ và giải thoát vậy.

PHAÀN I 51

BÀI THỨ 34 TỨ CHÂU, NHỊ THẬP NGŨ HỮU

Tứ đại bộ châu : (bốn châu lớn trong vũ trụ) : - Tiếng Phạm gọi : "Diêm-phù-đề" tức là Nam Thiệm Bộ châu (tên cây) dịch ý là Thắng kim (của quý lạ rất nhiều.) - Tiếng Phạm gọi : "Phất-bà-đề" tức là Đông Thắng Thần châu, vì thân người ở châu này rất đẹp. - Tiếng Phạm gọi : "Cù-đà-ni" tức là Tây Ngưu Hóa châu vì châu này sản xuất loại trâu rất nhiều (mua bán, đổi chác đều nhờ trâu cũng như cõi này nhờ tiền). - Tiếng Phạm gọi : "Uất-đơn-việt" tức là Bắc Cu Lô châu. Hán dịch : "Thắng xứ" (phong cảnh của châu này rất đẹp). Bài kệ nhị thập ngũ hữu : Tứ vực, Tứ ác thú, Lục dục, Tịnh cư thiên, Tứ thiền, Tứ vô sắc; Vô tưởng, cấp Bất hoàn.

52 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

PHAÀN I 53

Vô tưởng (Vô tưởng thiên) và cõi Bất hoàn (Tịnh cư thiên). LỜI PHỤ- Diêm-phù-đề : Là một thứ cây ở giữa châu Nam Thiệm Bộ này, hoa sắc vàng rất đẹp hơn vàng thiệt, nên

gọi là Thắng kim. Đông Thắng Thần châu : Vì châu này con người xinh đẹp lạ thường, nên gọi Thắng thần hay Thắng thân. Tây Ngưu Hóa châu : Châu này sản xuất loại trâu rất nhiều, người ta lấy trâu làm của cải mua bán, đổi chác, nên gọi châu Ngưu hóa. Bắc Cu Lô châu : Người sanh vào châu này, sự sung sướng như cõi trời, nên gọi là Thắng xứ, rất thù thắng (thiệt đẹp). Bốn châu đây, mỗi châu cũng gọi là quả địa cầu, hay bốn thế giới, mỗi thế giới có nhựt, nguyệt, có núi Tu Di. Song, trong bốn châu này không phải như năm châu : Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi, mà người đời thường gọi.

54 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 35 A DI ĐÀ PHẬT (Vô Lượng Thọ hay Vô Lượng Quang)

Kinh A Di Đà nói : Phật bảo : Này Xá-lợi-phất ! Đối với ý ông nghĩ sao ? Phật kia tự sao hiệu là A Di Đà. Này Xá-lợi-phất ! Bởi Đức Phật kia hào quang vô lượng, soi sáng cùng khắp mười phương, không chỗ nào ngăn ngại, thế cho nên hiệu Ngài là A Di Đà ! Lại nữa, này Xá-lợi-phất ! Đức Phật và nhân dân trong nước của Ngài, sống lâu không lường, không ngằn mé, kiếp số A-tăng-kỳ, thế nên hiệu Ngài là A Di Đà. Này Xá-lợi-phất ! Phật A Di Đà từ khi thành Phật đến nay kể có hơn mười đại kiếp. LỜI PHỤ. – Phật bảo (gọi) đó là Phật Thích Ca hỏi ông Xá-lợi-phất. Kinh này không ai hỏi, mà Phật tự hỏi ông Xá-lợi-phất. Rồi Phật tự giãi bày, để cho ông và chúng hội được hiểu bản nguyện của Phật A Di Đà đặng cầu sanh về cõi Tịnh Độ. Tại sao đệ tử vẫn nhiều mà Phật chỉ kêu ông Xá-lợi-phất ? - Do ông là bậc Trí huệ đệ nhứt trong hàng Thinh- văn, mới lãnh hội được thâm ý của Phật muốn giới thiệu cảnh giới Bất khả tư nghì của Đức Phật A Di Đà kia cho chúng sanh biết. Cũng như trong Kinh nói : Kinh này là pháp khó tin mà nếu ông tin; thời tất cả chúng hội đều tin. Cũng như ngài Văn Thù là bậc Đại trí trong hàng Bồ-tát, mà ngài tin thì cả chúng hội đồng tin. Hơn nữa,

PHAÀN I 55

Kinh này việc độ sanh là việc cần gấp. Nên Đức Phật không đợi ai thỉnh, mà Ngài tự thuyết. Bởi vì phương pháp độ sanh là thuyết pháp vậy.

56 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 36 A DI ĐÀ PHẬT (tiếp theo)

Lại nữa này Xá-lợi-phất ! Đức Phật kia có vô lượng vô biên đệ tử Thinh-văn đều là bậc La-hán, chẳng phải dùng toán số thí dụ mà có thể biết được. Các Bồ-tát đông nhiều cũng lại như vậy.

Thoï maïng voâ löôïng Chuû Quang minh voâ löôïng Phaät A Di Ñaø coù chuû vaø baïn La haùn voâ löôïng Baïn Boà-taùt voâ löôïng LỜI PHỤ.- Thinh-văn : Là nghe tiếng tăm của Phật nói pháp Tứ Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) mà ngộ đạo nên gọi là Thinh-văn. Hoặc nghe pháp Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ, thì gọi là Duyên-giác, hay là ra đời không gặp Phật, tự mình quán sát pháp Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ thì gọi là bậc Độc-giác.

PHAÀN I 57

BÀI THỨ 37 BỒ ĐỀ, ĐẠT MA, A NAN, XÁ LỢI PHẤT

Tiếng Phạm nói : Bồ-đề, Hán dịch : Giác đạo, tức là cái quả vị Phật chứng vậy. Đương ngày Đức Thích Tôn ngồi dưới gốc cây Tất-bát-la thành Phật, nhân đó đặt tên cây ấy là Bồ-đề. Tiếng Phạm : Đạt-ma, Hán dịch : Pháp. Chữ Đạt-ma dịch là pháp đây so với chữ Đạt-ma tên của một vị Tổ sư bên Thiền tông thì không đúng. Vì sao ? Bởi chữ Đạt-ma kia là Bồ-đề Đạt-ma là tên người, Tổ ở xứ Nam Thiên Trúc Ấn Độ. A-nan, Hán dịch : Khánh Hỷ : Nghĩa là ngày sanh ông lại nhằm ngày Đức Thế Tôn thành đạo, do sự vui mừng mà đặt tên ông là Khánh Hỷ. Xá-lợi-phất, Hán dịch : Thu Tử. Vì cặp mắt của mẹ ông sáng long lanh như mắt chim Thu-lộ. LỜI PHỤ.- Bồ-đề : Dịch là Giác tri (trí sáng suốt). Đức Phật ngồi dưới gốc cây Tất-bát-la mà chứng quả Bồ-đề, nên gọi cây ấy là Bồ-đề. Thế đủ biết không những cây Tất-bát-la mới là Bồ-đề (?) Đạt Ma : Dịch là Pháp, là một trong ba ngôi Tam Bảo (Phật-đà-da, Đạt-mạ-da và Tăng-già-da.) Còn đức Đạt-ma Tổ sư thứ 28 bên cõi Tây Thiên Trúc (Ấn Độ), khi qua Trung Hoa truyền đạo Ngài là vị Sơ Tổ tức là vị Tổ bên phái Thiền tông.

58 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

A-nan : Là em con nhà chú, tức là con vua Hộc Phạn vương, còn Phật là anh con nhà bác tức là con vua Tịnh Phạn. Khi Thái tử Sĩ-đạt-ta thành Phật, đồng thời trong cung người chú lại sanh Thái tử, cũng trong một ngày mà cả nước nhận được hai tin mừng, thật là ít có và khó được, nên đặt tên là (Khánh Hỷ). Xá-lợi-phất : Dịch là Thu Tử. Tử là con. Thu là chim Thu-lộ. Ông này tức là con của bà Thu-lộ, đó là một danh từ đáng quý để gọi một vị có trí huệ bậc nhứt.

PHAÀN I 59

BÀI THỨ 38 ĐỒNG TỬ CÚNG PHẬT

Ngày xưa, có người Đồng tử hỏi thầy Tỳ-kheo : Các cõi trời do phước báu gì mà được ? Thầy Tỳ-kheo đáp : Phước báu ấy do nhờ cúng dường Phật và chúng Tăng một bữa ăn. Đồng tử rất vui mừng, liền đi làm công cho người, lãnh được một số tiền, về mua sắm cỗ chay thỉnh Phật và chúng Tăng để cúng dường, chúng Tăng đến trước, đồng tử đi thỉnh Phật. Phật dạy : Nguyện vọng của người đã thỏa mãn rồi. Gặp nhằm ngày Tiết nhựt (lễ) chúng Tăng không ăn chiều, đồ ăn còn thừa (dư), bỗng có năm trăm người lái buôn, mua cơm không được, đói, đồng tử vội lấy cơm còn thừa ra đãi cho, những người lái buôn kia cảm tình, mỗi người tặng cho một hột châu để làm kỷ niệm. Đồng tử ban đầu từ chối, từ chối không được, đến bạch Phật. Phật dạy : Đó là phước báu hiện tại của người vậy. Khi ấy đồng tử mới dám nhận. Sau đó người trưởng đoàn lái buôn hỏi ra mới biết con của người bạn cũ của mình, thế rồi làm mối con gái ông Trưởng giả, Trưởng giả gả cho. Việc này đồn thấu đến triều đình, vua rất khen ngợi và ban tước là Trưởng giả... LỜI PHỤ.- Đồng tử : Là kẻ thanh niên hay thiếu niên (trẻ tuổi).. Tiết nhựt : Những ngày lễ hay tết v.v...

60 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

Trưởng giả : Tiếng tôn xưng những người giàu có, phước đức, tuổi tác. Ôi ! Cúng dường Phật và chúng Tăng một bữa ăn mà được công đức cùng phước báu như thế, đấy đều do lòng chí thành và hoan hỷ mới được, như đồng tử không tiền, nghe nói, phát nguyện đi làm công v.v... thì ta đủ biết tấm lòng chơn thành, nó đem lại sự kết quả như thế nào !

PHAÀN I 61

BÀI THỨ 39 THẬN VẬT PHÓNG DẬT

Tối sáng như tên bắn, ngày tháng tợ thoi đưa, sự vô thường rất nhanh chóng, chúng ta đâu nên dần dà ! Ngày nay đã qua, thân người cũng già lần, như cá thiếu nước, nào có vui sướng gì ? Đại chúng hãy siêng năng tinh tấn, như cứu lửa cháy trên đầu, chỉ nhớ vô thường; cẩn thận chớ buông lung. LỜI PHỤ.- Vô thường : Chỉ cho thân tứ đại (đất, nước, lửa và gió) giả hợp, không ai làm chủ tể được sự sanh, già, bệnh và chết. Vô thường cũng là một cái tên "chết", và kêu bằng cách khác vậy. Phật bảo : Ta phải nghĩ cái thân vô thường, thì tự nhiên lòng chấp ngã cũng bớt dần, cái chấp ngã đã giảm bớt, thì lòng Từ bi nảy nở, biết thương mình thương người, thì thái độ tranh đấu giành giựt giữa người và người, người và vật lần chấm dứt, ấy cũng là một quy luật hòa bình trong đời hiện tại cho đến tương lai. Có vậy, mới trừ được lòng tham, sân, si mà trở nên giới, định, huệ, mới minh tâm kiến tánh thành Phật tác Tổ được.

62 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 40 NGỘ SÁT HỮU BÁO

Ngày xưa, có thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi, hầu hạ một thầy Tỳ-kheo già, trời đã sắp tối, mà đi qua một con đường hiểm trở. Ông mới xô đẩy hối đi cho mau, thầy Tỳ-kheo già vấp té chết. Đại chúng đem việc ấy bạch Phật và kiết tội Bất cộng trụ (Không cho ở chung). Phật hỏi thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi : – Ông có ác ý như thế không ? Thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi bạch : – Bạch Đức Thế Tôn ! Con không có ác ý như thế. Nhân đó Phật kể chuyện lại cho đại chúng nghe : – Thầy Tỳ-kheo trẻ này đời trước là cha của thầy Tỳkheo già ấy. Một hôm, ông ngồi giặt áo ở bờ sông, người cha nằm ngủ dưới gốc cây, trên trán người cha có một con muỗi đậu cắn, người con thấy thế liền đuổi mà nó không bay, tức giận lấy chày đập muỗi, lỡ tay bể trán cha chết. Như thế đời nay và đời trước đều giết lầm lẫn nhau cả. Nên không phạm (giới) tứ trọng tội. Song mà nhân với quả không bao giờ sai lạc. LỜI PHỤ.- Bất cộng trụ : Là tội Tứ khí : Bốn tội bỏ ra ngoài chúng Tăng không cho ở trong Phật pháp, nhưng mà vô tâm thì không phạm, chỉ phạm cái tội nhẹ hơn, theo Luật tông có phân rành v.v...

PHAÀN I 63

64 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 41 KÍNH PHẬT

Kinh Pháp Hoa nói : Vào trong tháp miếu có thờ Phật tượng mà niệm một tiếng "Nam mô Phật" hay đưa tay lên hoặc cúi đầu xuống để tỏ lòng cung kính, đều được thành

Phật. Thế cho nên khi vào Phật điện cần phải nghiêm trang cung kính, không được mang đồ vật theo, và trông qua ngó lại, hoặc nói cười khạc, nhổ, nương tựa hay ngồi nằm v.v... Khi lễ Phật phải hết lòng chăm chú cho tinh thành để quán xét, không đặng thô tháo. Lúc đi nhiễu Phật phải đi quanh về phía phải (tay mặt), nhiễu tháp cũng thế. LỜI PHỤ. – Xưng Nam mô Phật : Ngày xưa, Phật còn tại thế có một người giòng Phạm chí tên Tu-bạt-đà-la 120 tuổi ở ngoài thành Câu-thi-na tu theo ngoại đạo, chứng được năm phép Thần thông, và đặng phép định "Phi phi tưởng" thông minh đa trí, nhưng chưa xả được cái lòng kiêu mạn. Bấy giờ, nghe Đức Phật nhập Niếtbàn lần đến thăm, nghe Phật thuyết pháp. Ông nhận rõ đặng lý đạo nhiệm mầu, liền chứng quả A-la-hán. Đây là một vị đệ tử sau rốt của Phật. Nhắc lại khi ông Tu-bạt-đà-la xin vào hầu Phật, ngài A-nan không cho, Đức Phật xem biết ông này có căn lành tu hành trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thường làm ông tiều đốn củi trên núi, cọp rượt, ông sợ hãi nhảy



thót lên cây chỉ niệm một tiếng Nam mô Phật mà cũng chưa hết câu. Từ đó trải qua vô lượng kiếp cho đến ngày nay còn được gặp Phật độ cho. Xem đây, thì sự niệm Phật hằng ngày của chúng ta nếu lòng thành không lui sụt thì chắc chắn được Phật độ và thành Phật không sai.



BÀI THỨ 42 NƠI VÁCH PHẬT ĐIỆN CHỚ DỰNG ĐỒ VẬT

Ngày xưa có một anh học trò vào chùa lễ Phật, đi giữa đường gặp ông thầy tướng bảo ngài có tướng Thiên tử, tôi sẽ gả con gái cho ngài. Học trò đáp : – Đợi tôi lễ Phật trở về. Khi vào đến chùa, anh đem cây gậy dựng dựa vách tường Phật điện. Khi lễ xong, trở ra, ông thầy tướng không chịu gả con cho anh. Anh hỏi lý do ... ông thầy tướng đáp : – Vì quý tướng của ông đã mất rồi, công đức của ông cũng tiêu vậy. Luận theo đây là vách Phật điện và tháp, chúng ta không nên dựng đồ vật, nếu không tin mà dựng, thì phạm giới, lại mất công đức v.v... LỜI PHỤ.- Học giả : Cũng như học sinh. Thiên tử : Con của trời, theo tục xưa, các nhà vua mới được gọi là Thiên tử. Theo lý trong Phật pháp vô tâm không phạm, nhưng học giả mất tướng Thiên tử vì có tâm kiêu mạn, không cung kính và đem gậy dựng dựa vào vách chùa, cho nên mới tổn phúc như thế.



Xem đây thì mỗi khi ta vào điện Phật, phải cởi mở giày dép để ở ngoài, rồi vào. Thế là phước đức mới được đầy đủ.



BÀI THỨ 43 ĐÂM MÌNH ĐỂ CẦU PHÁP

Thuở xưa có người bình dân, sanh ra sau khi Phật nhập diệt mà cũng không có Tỳ-kheo Tăng để cầu pháp cho được, khóc lóc than thở... Khi đó, có người hàng xóm bảo : "Tôi biết được bài kệ ba giới". Người bình dân nghe nói rất vui mừng, quỳ xuống khẩn cầu... Người hàng xóm bảo : "Phật pháp là Vô thượng, thế mà ông muốn nghe suông sao được

?". Người bình dân hỏi : "Vậy phải làm thế nào ?" Người hàng xóm đáp : "Cứ mỗi lỗ chân lông thì đâm vào một cây kim, khi nào máu chảy ra như thác đổ, mà lòng không hối hận mới được". Người bình dân rất sung sướng nói : "Dầu cho tan nát thân này tôi cũng làm theo được huống chi còn sống ư ?!". Nói rồi, liền đi ngay ra chợ mua kim, đem về cứ mỗi chân lông đâm vào một cây kim, máu chảy ra như suối đổ. Người hàng xóm khen ngợi anh là người có chí, mới nói cho bài kệ như vầy : Phải giữ lời và ý, Thân không phạm điều ác, Trừ được ba hạnh ấy, Là thành bậc Thánh Hiền. Người bình dân nghe xong rất đỗi vui mừng, liền đó thân thể bình phục lại như cũ. Người, Trời đều khen



ngợi. Do đó, người ấy càng thêm tinh tấn trải qua nhiều kiếp không hề giải đãi, cho đến ngày nay thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. LỜI PHỤ.- Đâm thân ra máu để cầu Chánh pháp : Nghĩa là vì pháp quên mình, hơn nữa nhận thấy tứ đại này giả hợp vô thường chỉ cầu lấy cái Pháp thân thanh tịnh là thân Kim cang bất hoại. Người bình dân : Là hạng người thường mà có tâm chánh tín. Đấy là tiền thân của Phật Thích Ca. Phật ngày xưa đi cầu học Phật pháp rất khó khăn như thế. Còn ta ngày nay đã sẵn có giáo pháp của Ngài để lại, nếu ta biếng lười ngày sau phải chịu sa đọa. Cũng như cha mẹ để lại nghề nghiệp sanh nhai cho con cháu, mà con cháu không giữ gìn ắt phải chịu đói. Tinh tấn : Cương quyết đi tới đích không hề lui sụt, và ghé hai bên (có, không). Trải qua nhiều kiếp, kiếp này rồi đến kiếp khác, không kiếp nào giải đãi. Còn sự tu học của chúng ta thì "nhứt bộc thập hàn" (Một ngày làm mười ngày nghỉ) ấy cũng là nghiệp giải đãi trong nhiều kiếp cho đến ngày nay, ngày nay nếu không cương quyết thì..., kéo mãi đến đời vị lai vô cùng tận !



BÀI THỨ 44 KỈNH PHÁP

Thân người khó được, pháp của Phật khó có nhân duyên mà nghe được. Người xưa một lời nói ra mà không giải quyết được thì dù trải qua muôn dặm cầu thầy để giải quyết. Sự nghe pháp khó khăn như thế xem đây đủ biết vậy. Thế cho nên khi ta xem Kinh điển cũng phải xem như Phật không khác. Không nên cầm một tay nắm coi, không được cuốn tròn như hình cái ống. Không được tự ý đụng đâu để đó (bỏ bậy bạ); khi đọc Kinh, phải nghiêm trang yên tịnh, sửa sang áo mão, đốt hương, ngồi ngay thẳng không được dựa nương vách và bàn ghế mà nói cười v.v... không được thổi bụi trên Kinh bằng miệng, và khi người khác xem Kinh, ta không được đi ngang qua gần trước bàn. Kinh điển hư rách ta phải mau sửa sang lại. Khi tay mình cầm quyển Kinh, không được chào xá người. LỜI PHỤ.- Phật pháp khó có nhân duyên được nghe là : Có khi ta muốn nghe mà không có người nói, khi có người nói thì ta lại bị bệnh hoạn không đi nghe được; có khi ta có sức khỏe mà người nói lại đau. Còn nhiều hoàn cảnh không thuận tiện khác nữa v.v... Xem Kinh cũng như xem Phật : Vì Kinh là do lời vàng của Phật nói ra. Thổi bụi trên Kinh bằng miệng : Vì sợ hơi hôi trong miệng. Cầm cuốn Kinh xá người, có nghĩa

PHAÀN I 71

là đem Phật xá người, thế thì có lỗi. (Còn nhiều oai nghi nữa, nên xem 24 oai nghi trong bộ Sa Di Luật Giải có nói rõ).

72 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 45 GIỚI SÁT (Cấm không được sát sanh)

Pháp luật của thế gian chỉ cấm giết người. Pháp luật của Phật không những thế, mà cấm giết tất cả : trên đến các Đức Phật, Thánh nhơn, Thầy, chúng Tăng và cha mẹ; dưới đến loài bò, bay, cựa, động như côn trùng nhỏ nhít. Tóm lại, hễ loài nào có mạng sống thì ta không được cố giết hại, mình giết hoặc bảo người giết hay thấy người giết mà sanh tâm tùy hỷ đều là phạm giới. Kinh chép : Qua tháng mùa đông thường hay sanh rận. Vậy nên bắt nó bỏ vào trong ống tre, muốn cho nó ấm, thì lấy bông tơ, muốn cho nó sống thì dùng bông gòn thấm nước mồ hôi để nuôi nó tránh khỏi sự đói rét mà chết vậy. Hơn nữa : Cần phải lọc nước, che đèn và không nuôi những loại mèo, chồn v.v... đây là cái đạo từ bi vậy. Những loại nhỏ mọn còn giữ gìn như thế, đối với loài lớn nên xét biết vậy. Than ôi ! Chúng ta đâu nên không cẩn thận cho lắm ư? LỜI PHỤ.- Sát sanh : Giết hại những loài có mạng sống. Vì loài nào cũng có thức tánh : biết ham sống, sợ chết như ta, nếu chúng ta giết (để ăn) tức là làm cho nó phải đau khổ, nghĩa là nó phải chịu những nỗi khổ vì phải xa lìa bà con, quyến thuộc của nó; so sánh như ta, thì biết loài vật cũng thế. Trong Kinh Phạm Võng nói : Sau khi đức Sĩ-đạt-ta thành Phật, Ngài dùng đạo nhãn

PHAÀN I 73

xem khắp trong mười phương thế giới, thấy chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ của Ngài. Ngài nói : Từ vô thỉ kiếp lại đây, Ta cùng với chúng sanh luân hồi trong sáu đường. Khi chúng sanh làm cha mẹ Ta, khi Ta làm cha mẹ chúng sanh, ngày nay Ta thành đạo rồi và muốn chúng sanh cũng được giải thoát như Ta, chỉ trừ những người không tin, Ta cũng không biết làm sao để độ họ ! Đức Phật vì lòng từ bi, vì yêu chuộng nghĩa tự do bình đẳng, nên dạy tất cả chúng sanh không nên sát hại lẫn nhau. Lại nữa, đứng về mặt nhân quả mà luận, hễ sát sanh thì gây nên nghiệp báo, oán thù thì phải trả vay. Thế nên, những người làm việc phước thiện, không những không sát sanh, mà còn phải thi hành hạnh phóng sanh. Vậy, trong những khi có lễ đám kỳ siêu, hoặc những ngày kỵ giỗ hay cưới gả v.v... ta cần phải tránh những việc sát sanh. Vì cưới gả mục đích cầu sanh con đẻ cháu, gia đình sung túc, quyến thuộc sum vầy, mà chúng ta lại sát sanh là trái với lẽ phải. Còn kỳ siêu, là muốn cho vong giả được siêu sanh Tịnh Độ mà lại giết chết mạng sống của loài sinh vật thì linh hồn của các loài vật quyết phải theo đòi trả quả. Đấy là cái định luật vay trả hiển nhiên vậy !

74 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 46 GIỚI ĐẠO (Cấm trộm cắp)

Phàm tài sản của người ta, người không cho, mình không đặng phép lấy, đến như vật nhỏ mọn : cây kim, ngọn cỏ cũng thế. Hoặc vật của Thường trụ, vật của tín thí, hay vật

của chúng Tăng, hoặc của quan, của dân và của tất cả. Nếu không cho thì không được phép lấy. Hoặc trộm, cướp và dối gạt mà lấy, cho đến trốn thuế, dối đò v.v... đều khép vào một tội trộm cướp cả. Trong Kinh chép : Xưa có ba thầy Sa-di : một thầy hái trộm bảy trái cây của Thường trụ, một thầy lấy trộm hai cái bánh của chúng Tăng và một thầy nữa ăn trộm một ít đường phèn của chúng Tăng cả ba đều phải đọa vào địa ngục. Nên trong Kinh dạy : "Thà chịu chặt tay chớ không nên lấy của phi tài". Than ôi ! Chúng ta đâu nên không chừa bỏ ư ? LỜI PHỤ.- Vật của thường trụ có bốn : 1- Thường trụ thường trụ : Chúng Tăng có những vật như : Kho, lẫm, chùa, nhà, các món hoa quả rừng, ruộng, vườn, người ở làm công quả v.v... thuộc về thường trụ; chỗ này (chùa này) thì nhứt định để tại chỗ này, không được phép dời đi chỗ khác, cho nên nói vật của thường trụ đó, thì để cho thường trụ đó, nên gọi Thường trụ thường trụ.



2- Thập phương thường trụ : Như những vật cần dùng mỗi ngày, thí chủ cúng dường cho chúng Tăng mỗi ngày ăn dùng như lúa, gạo, cơm, nước v.v... mà trước kia đem để vào trong kho của thường trụ (chùa) đó, để làm món vật thực hằng ngày cho chúng Tăng ở đó ăn tu, của này tuy thuộc về của chúng Tăng trong mười phương. Nhưng, hễ có đến đó thì được phép cùng hưởng một cách như nhau, đến khi đi, thì không được mang xách theo, nên gọi là Thập phương thường trụ. 3- Hiện tiền hiện tiền : Là những vật sở hữu của mỗi thầy Tỳ-kheo như : Y, bát, Kinh, sách, mùng, mền, chiếu, gối v.v... đó là vật hiện tiền của chúng Tăng hiện tiền. 4- Thập phương hiện tiền : Nghĩa là những vật sở hữu của ông Tăng đó, nhưng ông Tăng đó đã qua đời, thời vật đó thuộc về của mười phương Tăng. Đến khi làm pháp Yết-ma để chia đồ rồi thì mỗi thầy Tỳ-kheo đều có thể chia lấy một trong những vật đó, nên gọi là vật của chúng Tăng hiện tiền (xem trong bộ Hành Sự Sao quyển nhứt có nói rõ).



BÀI THỨ 47 GIỚI DÂM (Cấm dâm dục)

Người cư sĩ tại gia Phật cấm làm việc tà dâm, người xuất gia hoàn toàn đoạn tuyệt dâm dục, hễ phạm đến thân phần của kẻ nam người nữ trong đời đều gọi là phá giới. Trong Kinh Lăng Nghiêm chép một đoạn : Có cô Tỳ-kheo-ni hiệu là Bảo Liên Hương, tự ý làm việc dâm dục rồi lại tự nghĩ : Làm việc dâm dục đây, đâu phải sát sanh, và cũng không phải trộm cắp, chắc không có tội báo gì. Nhân đó rồi nơi thân người cô tiết ra lửa dữ thiêu đốt thân cô, còn sống mà như đã sa vào địa ngục. Người đời cũng vì việc dâm dục đến nỗi hại mình và tan nát gia đình. Chúng ta là người xuất gia, làm ông thầy, xa lìa thế tục đâu nên trái phạm. Căn bản của con đường sanh tử thứ nhứt là việc dâm dục. Cho nên trong Kinh đã dạy : "Dù cho dâm dục mà sống, không bằng trinh tiết mà chết". Than ôi ! Chúng ta đâu nên không cẩn thận lắm ư ? LỜI PHỤ.- Cư sĩ : Là người tu ở nhà (tại gia). Tà dâm : Là ngoài vợ chồng chánh thức, như trai có vợ, gái có chồng, thế mà còn ngoại tình với người khác... Người xuất gia : Từ thọ Sa-di giới (giữ 10 giới) sắp lên gọi là Thế độ. Thế độ : Thế phát (cạo tóc) độ cho đi xuất gia.

Không phải sát sanh và cũng không phải ăn trộm : Ý nói sát sanh là hại sanh mạng của loài người và vật. Trộm cắp là lấy trộm của người, còn dâm dục đâu có hại như thế ! Nhưng cô đâu có biết cái hại của sự dâm dục còn hơn trộm cướp và sát sanh, vì mất một kho tàng trí huệ. Nên phải sa vào hố địa ngục. Địa ngục : Là nghĩa tối tăm, cũng là danh từ vô minh mà kêu có khác. Nói thân còn sống mà như sa vào địa ngục là vậy... Lửa dữ là lửa dâm dục. Người đời cũng vì việc dâm dục mà phải giết chết đời người, còn phải tan nát gia đình, như : Vua U, vua Kiệt, vua Trụ ngày xưa. Câu "Tuy dâm dục mà sống chẳng bằng trinh khiết mà chết" là câu thí dụ để đối lại câu "Nếu ta không dâm dục ta sẽ sống một cuộc đời trong sạch".

78 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 48 TRINH BẠCH MÀ CHẾT

Ngày xưa có một thầy Tỳ-kheo, tu ở trên núi, một hôm sai ông Sa-di xuống nhà người thường dân khất thực, gặp lúc thường dân kia cả nhà đều đi khỏi, chỉ để lại một thiếu nữ ở nhà. Thiếu nữ thấy ông Sa-di ấy, hình dung đẹp đẽ, bèn quỳ xuống cầu xin việc vừa lòng. Ông Sa-di thấy việc nguy khổn (với hạnh thanh tịnh của mình) liền vào trong phòng đóng cửa lại, cắn ngón tay lấy máu viết lên trên vách : "Ta thà bỏ mạng, chớ không phạm giới cấm của nhà Phật". Viết xong liền thắt cổ mà chết. Việc này đồn thấu đến triều đình, ai nấy đều khen ngợi việc chưa từng thấy ! Nhà vua cho xe chở thây về kinh đô, đem những củi thơm lại để làm lễ trà tỳ và dựng tháp cúng dường. LỜI PHỤ.- Trà tỳ : Là tiếng Ấn Độ, Hán dịch : Là Phần hóa, tức là thiêu. Câu "Ta thà bỏ mạng chớ không phạm giới cấm của Phật" là ý nói làm việc gì, phải đi cho đến mức cuối cùng không nên nửa chừng gặp hoàn cảnh trở lực rồi thối lui, cũng như cưa cây để lấy lửa, cưa chưa nóng đã thôi v.v... Đức Phật Thích Ca ngày xưa khi còn làm chúng sanh gây tạo nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, phải đọa vào địa ngục Hỏa Xa, từ ấy Ngài phát tâm cương quyết đời nào cũng như đời nào, vẫn tinh tấn cho đến ngày thành Phật. Chúng ta ngày nay chưa có chi đã chán bỏ. Tạo nghiệp nhiều kiếp, mà bảo tu một lát cho thành thì làm sao được !

PHAÀN I 79

80 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 49 GIỚI VỌNG NGỮ

Vọng ngữ có bốn cách : 1- Nói dối : Việc phải cho là quấy; cũng như việc quấy cho là phải; thấy nói chẳng thấy; chẳng thấy nói thấy v.v... (do lòng thương ghét không ngừng). 2- Nói thêu dệt : Thêm hay bớt cho lời lẽ được hay ho để gạt gẫm và hại người v.v... cho đến như văn chương diễn tả những khúc diễm tình đưa con người đi đến chỗ trụy lạc. 3- Nói lời hung ác : Lời nói thô tục, mắng nhiếc trù rủa và hỗn ẩu với người v.v... 4- Nói hai lời (lưỡi đôi điều) nghĩa là : Tới người này nó xấu người kia, tới người kia nói xấu người này, làm cho hai bên xa lìa sự ơn nghĩa và đâm thọc để cho hai người đấu chiến với nhau v.v... Nhẫn đến trước mặt người thì khen, sau lưng thì chê; trước mặt thời nói là phải, mà sau lưng lại nói là quấy. Dối làm chứng để buộc tội người (không sợ tổn đức) vạch bày lỗi của người, những hạng người như trên đều khép vào

tội vọng ngữ cả. LỜI PHỤ.- Vọng ngôn : Là nói dối; Ỷ ngữ : Nói thêu dệt, chuyện ít xích cho nhiều, như chợ một vài ngàn người mà nói đông như kiến cỏ v.v... Lưỡng thiệt : Là hai lời, như đòn xóc hai đầu, đâm đầu này thọc đầu kia, làm cho hai đàng ấu đả với nhau,

PHAÀN I 81

để mình đứng giữa vui cười hay thủ lợi, như trong truyện Thuyết Đường ông Trình Giảo Kim khiêu khích cho La Thành đánh với Đơn Hùng Tín v.v... đến nỗi Đơn Hùng Tín phải chết về tay La Thành.Con người như thế thật đáng thương thay ! Ác khẩu : Là lời nói hung dữ, làm cho người ta ra sầu vào thảm, ngồi khóc đứng than v.v... lời tục thường gọi : một tiếng nói mà hư gia bại sản và cũng một tiếng nói mà ích quốc lợi dân, là nghĩa đây vậy.

82 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 50

Phàm phu mà tự xưng mình là chứng quả Thánh, thế gọi là đại vọng ngữ, tội đó rất nặng. Còn như vì lòng từ bi, phương tiện để cứu người qua khỏi tai nạn gấp rút, thì không phạm. Ngoài ra, tất cả trường hợp khác thì không được nói vọng. Kinh chép có một ông Sa-di chê cười một vị Tỳkheo già tụng Kinh như tiếng chó sủa; nhưng vị Tỳ-kheo già kia đã chứng quả A-la-hán, trái lại người còn thương xót liền dạy ông Sa-di phải mau mau sám hối. Sa-di kia khỏi đọa vào địa ngục, nhưng còn phải đọa làm thân chó. Đấy một câu nói ác mà phải chịu tai hại đến thế. Than ôi ! Chúng ta không dè dặt lắm ư ! LỜI PHỤ.- Phàm phu : Là người phàm tục, còn ở trong vòng sanh tử luân hồi. Chứng Thánh : Là bậc đã thoát ra ngoài vòng phàm tục; tiếng như chó sủa là tiếng ồ ề không được thanh tao. A-la-hán : Là bậc đã ra ngoài ba cõi (Dục, Sắc và Vô sắc giới), là bậc đã dứt hết luân hồi sanh tử. Nói ác một câu mắc hại đến thế, thì ai cũng biết một lời nói dữ có thể làm chết mình được. Ông Sa-di chê cười là vì không nhận được giọng thanh với đục cũng chỉ là tương đối trong vòng sanh diệt thôi, cho nên còn chấp tiếng hay tiếng dở v.v...

PHAÀN I 83

84 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 51 GIỚI TỬU (Cấm uống rượu)

Rượu là thứ nước có chất kích thích, uống vào có thể làm say người. Khi uống say rồi, có thể phạm luôn ba mươi sáu điều tội lỗi, nên Phật cấm không cho uống rượu. Nếu như có bệnh nặng, không dùng rượu thì trị bệnh không lành, thời bạch (xin) trước với chúng Tăng, rồi mới được phép uống. Còn không bệnh thời một giọt nhỏ cũng không được thấm nếm vào môi, ngửi vào mũi, cho đến không được vào đứng nơi quán bán rượu, và cũng không được đưa rượu cho người khác uống, nếu đưa ly rượu cho người khác uống, mắc quả báo cụt tay năm trăm đời. Huống chi mình uống ư ? Ngày xưa có một ông Ưu-bà-tắc do phá một giới rượu mà bao nhiêu giới khác đều phá luôn v.v... Những người ham uống rượu, chết đọa vào địa ngục Phất-thỉ (nước tiểu tiện) ngu si

nhiều đời, vì mất giống trí huệ. Rượu thiệt là một thứ thuốc dại mê hồn, độc hơn vị Phê-đam. Cho nên trong Kinh đã dạy : Thà uống nước đồng sôi mà chết, dè dặt chớ ham uống rượu. Than ôi ! Chúng ta đâu nên không răn chừa ư ? LỜI PHỤ.- Ba mươi sáu điều lỗi : Kinh Thiện Ác Sở Khởi nói : 1- Của cải bị tiêu tan. 2- Mắc nhiều chứng bệnh. 3- Ưa tranh đấu với người. 4- Tăng thêm sự giết hại. 5- Thêm nhiều sân hận. 6- Nhiều việc không toại ý. 7- Trí huệ



giảm lần. 8- Phước đức không tăng. 9- Phước đức lần giảm. 10- Lộ bày các việc bí mật v.v... và v.v... Ông Ưu-bà-tắc (Cư sĩ) nhân phá một giới rượu mà phá luôn các giới, như trong Tỳ Bà Sa Luận có nói rằng : Ngày xưa có một kẻ Cận sự nam tánh chất nhơn hiền, thọ trì năm giới, ròng chuyên giữ giới qua thời gian sau, có dịp đi xa về nhà, lúc về giữa đường, trời nắng quá khát nước, ghé lại nhà bên đường, cả nhà người đi vắng, anh ta vì khát nức nở, thấy rượu lầm cho là nước, liền múc uống, uống xong (phạm giới rượu), lúc say loạn, thấy gà hàng xóm tới, lại bắt giết mà ăn (thế đã phạm hai giới là giới đạo và giới sát). Bấy giờ, có cô gái hàng xóm đến tìm gà vào nhà, anh ấy lại cưỡng bức thông gian (thế là phạm thêm giới dâm). Lúc ấy, người trong xóm thưa quan, bắt anh đến, anh chối cãi không chịu (thế là anh phạm thêm tội vọng ngữ) cho đến ba mươi sáu lỗi (còn nhiều trong giới Sa Di Luật Giải có nói đủ). Phê-đam : Phê là phê sương, là một thứ thuốc độc, tức là vị thạch tín; Đam là đam độc, là cái độc giết người được hay là đam tửu, là rượu độc, ngày xưa người ta lấy lông con công mà dầm rượu để làm thuốc độc. Hễ uống vô là chết liền lập tức, nhưng độc mà chỉ chết cái thân tứ đại này mà thôi. Còn rượu làm si mê mất trí huệ, nên phải sa đọa đến nhiều kiếp... Nước đồng sôi : Là đồng nấu chảy ra nước sôi sùng sục cũng như dầu thắng đang sôi, mà bưng rót vào miệng thì nóng biết bao. Đây, nói thà là uống nước đồng sôi chớ không phạm giới, là lời cương quyết giữ giới, giữ giới tức là giữ trí huệ...





BÀI THỨ 52 GIỚI ĐEO TRÀNG HƯƠNG HOA VÀ LẤY BỘT HƯƠNG XOA VÀO MÌNH

Tràng hương hoa là người bên nước Tây Vức (Ấn Độ) xỏ xâu các thứ hoa thơm làm thành tràng, để trang sức trên đầu. Còn cõi này (Trung Hoa) thì dùng các thứ lụa, nhung, vàng, ngọc, để chế tạo trang sức những loại áo mão vậy. Lấy bột hương xoa vào mình là người bên xứ Tây Vức những người sang, hay dùng các thứ danh hương nghiền thành bột, rồi sai trẻ thanh y xoa vào mình. Còn ở cõi này (Trung Hoa) thì dùng các thứ hương đeo, hương sáp, và những loại son phấn ấy vậy. Nhưng chúng ta là người xuất gia, đâu nên dùng các thứ ấy. LỜI PHỤ.- Danh hương : Là những thứ hương tốt có danh tiếng. Thanh y : Là những người hầu hạ cho mặc áo xanh.



BÀI THỨ 53

Đức Phật chế ra ba y, đều dùng những thứ vải gai thưa xấu. Còn những thứ lông thú miệng tằm, đã hại loài sanh mạng, lại tổn thương tâm từ bi, chẳng phải đồ của người xuất gia nên dùng vậy. Chỉ trừ cho những người tuổi đến bảy mươi, già yếu quá đỗi nếu không dùng lụa thì không thể ấm được, thì tạm cho dùng, còn ngoài ra, người chưa đến tuổi ấy, đều chẳng dùng. Kìa như vua Võ nhà Hạ mặc áo xấu; ông Công Tôn đắp mền vải, đó là bậc vương thần tôn quý (cao sang) việc đáng làm mà không làm, lẽ nào người hành đạo trở ham trang sức ! Nên dùng đồ hoại sắc làm áo mặc, chầm vá che thân, việc đó nên làm vậy. Ngày xưa có một vị cao Tăng, trong ba mươi năm mà chỉ mang có một đôi giày gai, huống chi ta là hạng phàm phu ? Than ôi ! Chúng ta đâu chẳng khá răn chừa vậy ư ? LỜI PHỤ.- Ba y : Là y 5 điều, y 7 điều và y 25 điều. Hạ Võ là vua đời nhà Hạ ở nước Trung Hoa là một nhà vua nhân từ biết thương dân chúng. Công Tôn : Là ông Công Tôn Hoằng, một vị Đại thần rất tột bậc thanh liêm. Y hoại sắc : Là cái y nhuộm không thành màu sắc gì, nghĩa là không thành màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; mà



là trộn lẫn cả lại mà nhuộm, để khác với cái màu sắc của người trong thế gian thường mặc. Cao Tăng : Là những vị Tăng đạo cao, đức trọng, tức như đời Đường, ngài Huệ Hưu Pháp sư vậy. Ba mươi năm, mang một đôi giày, khi gặp chỗ mềm thì đi chân không. Có người hỏi ? - Ngài nói : Của tín thí khó tiêu, ngày nay ta cũng đáng tàm qúy. Thí chủ không đem tới thì trông, còn đem hoài ta lại sung sướng đó, đều là cái nợ của tín thí nan tiêu, mà ta đâu có biết ! ... Như đời Đường, ngài Thông Huệ Thiền sư sau khi ngài đại ngộ (tỏ ngộ lý đạo Đại thừa) tuổi đã già, mà chỉ có một quần, một mền, một đôi giày đan bằng gai, trải qua hai mươi năm, áo vải chầm vá nhiều lớp từ mùa Đông đến mùa Hạ vẫn mặc có một cái. Ngài Tả Khê Tôn giả chỉ có một y bảy điều mãi đến hơn bốn mươi năm, một cái Ni-sư-đàn (đồ lót để ngồi, hoặc nằm) trọn đời không thay cái mới, khi rửa bát bầy khỉ giành bưng, lúc tụng Kinh thì loài chim sè cánh che cho mát, các bậc cao Tăng đại đức như vậy chẳng phải Thánh thì cũng bậc Hiền, còn biết xét mình chọn chỗ chắc thật như thế ! Huống chi chúng ta là kẻ phàm mà không dè dặt thân tâm để tích công bồi đức hay sao ?

90 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 54 GIỚI (CẤM) CA MÚA ĐÀN HÁT VÀ ĐI XEM NGHE

Ca, là từ trong miệng nói ra lời ca. Múa, là thân đứng ra làm trò múa giỡn. Đờn địch : Những loại đờn cầm, đờn sắc, ống tiêu, ống quản ấy vậy. Chẳng đặng mình làm cũng chẳng đặng khi người làm cố ý đi xem nghe. Ngày xưa, có một đoàn tiên nhơn (người tiên) do nghe tiếng ca của bọn cung nữ (cung phi mỹ nữ) tiếng tăm dịu dàng liền mất Thần túc thông. Xem nghe còn phải hại như thế, huống chi mình làm ? Đời này có hạng người ngu, nhân thấy trong Kinh Pháp Hoa có câu Tỳ bà nảo-bạt, rồi mặc lòng học theo nghề âm nhạc. Song trong Kinh ấy nói là để cúng dường các Đức Phật, chớ không phải để cho mình vui chơi. Nhẫn đến không đánh cờ vây, cờ lục bát, đánh đầu trịch, đánh xu bồ, các việc cờ bạc v.v... đều là làm loạn đạo tâm và tăng thêm tội lỗi. Than ôi ! Chúng

ta đâu chẳng răn dè ư ? LỜI PHỤ.- Thần túc thông : Là đi bằng Thần thông, (đi cách nhẹ nhàng như bay.) Ngày xưa, có ông vua Chất-đà-diễn-na đem toàn những cung nữ đến non Thủy tích, lõa hình múa hát, tấu lên năm món âm nhạc, tiếng tăm vừa thanh vừa dịu, mùi hương bát ngát. Khi đó, năm trăm người tiên, vừa vận Thần thông bay qua, ông thì thấy sắc, ông thì nghe tiếng, ông thì ngửi mùi hương, tất cả đều đứt Thần thông, đồng thời sa xuống như chim gãy cánh v.v...

PHAÀN I 91

Đánh nhạc cúng Phật là các vị chư Thiên, các vị Thần âm nhạc, các hàng Cư sĩ tấu nhạc để cúng dường chư Phật, để tỏ lòng thành của các vị ấy cúng Phật. Hơn nữa, những nghề hay khéo, và những vật sở hữu của các vị đó là âm nhạc; ngoài ra, thì các vị không có chi nữa để mà cúng Phật, nên Đức Phật cũng chứng cho lòng chí thành của các vị ấy, thật ra nghề âm nhạc không phải để cho người xuất gia học tập.

92 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 55 GIỚI (CẤM) NGỒI GIƯỜNG CAO RỘNG LỚN

Phật chế thứ giường bện bằng dây, cao không quá tám ngón tay của Đức Như Lai, nếu quá thì phạm, cho đến những loại giường có sơn thếp, chạm trổ và màn nệm bằng các thứ tơ lụa v.v... cũng chẳng nên dùng. Người xưa dùng cỏ làm tòa ngồi, ngủ dưới gốc cây, ngày nay đã có giường chõng, cũng đã hơn nhiều. Vì sao lại còn muốn cao rộng, để buông lung xác thân huyễn hóa này ? Kia như ngài Hiếp Tôn giả một đời lưng chẳng bén chiếu ! Ngài Cao Phong Diệu Thiền sư lập nguyện ba năm không nương giường ghế ! Ngài Ngộ Đạt đắm nhiễm cái pháp tòa bằng trầm hương của vua cúng dường còn phải tổn phước mà mắc quả báo. Than ôi ! Chúng ta đâu chẳng cẩn thận lắm ư ? LỜI PHỤ.- Giường dây : Lấy cỏ, gai, mây v.v... bện thành, chân có cong và ngay, hoặc giường dây, hoặc giường bằng cây, nhưng quá cái lượng tám ngón tay của Đức Như Lai thì phạm. Tay của Đức Như Lai một ngón rộng hai tấc, tám ngón là một thước sáu tấc, lấy theo thước đời nhà Châu (Châu Chiêu Vương). Lưng không bén chiếu : Nghĩa là không đặt lưng xuống chiếu và không nương dựa giường ghế, là nói hạnh tu của các ngài rất kham khổ mà tinh tấn.

PHAÀN I 93

Ngài Ngộ Đạt : Tức là ngài Tri Huyền Pháp sư đời nhà Đường, con nhà họ Trần, tu giới định huệ tinh nghiêm nổi danh một thuở, mười bốn tuổi biết làm thi. Vua Hiến Tôn ban cho bảo tọa bằng trầm hương cao hơn một trượng, vua Hy Tôn phong hiệu là Ngộ Đạt Quốc sư, hai vua yêu đãi quá trọng. Nhắc lại tiền thân của ngài là Viên Án đại thần của vua đời nhà Hán, tâu vua chém tên Triệu Thố nơi Đông thị. “Huyền” mười đời xuất gia tu làm vị Cao tăng. “Thố” theo dõi để trả thù đời trước, nhưng Huyền tu đức hạnh đầy đủ, Thố trả báo không được, nhân một hôm vua cúng dường pháp tòa bằng trầm hương, giữa chúng hội quá ư cao sang, Huyền có chút tâm móng về danh lợi, đối với phước có tổn, thừa dịp Triệu Thố nhập vào đầu gối của Huyền làm thành mụt ghẻ độc, trên mặt mụt ghẻ có hiện hai chữ Triệu Thố v.v... trong “Bổn truyện và Sa Di Luật Giải” có giải rõ. Xem sự tích này thì chúng ta đủ biết người tu mà còn tham danh lợi rất là có

hại.

94 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 56 GIỚI (CẤM) ĂN PHI THỜI

Phi thời là gì ? – Là quá giờ ngọ, chẳng phải thời chúng Tăng ăn vậy. Chư Thiên ăn sớm mai, Phật ăn giờ ngọ, loài súc sanh ăn sau giờ ngọ, loài quỷ ăn ban đêm. Ông Tăng phải học theo hạnh của Phật, quá giờ ngọ đừng ăn. Bởi loài ngạ quỷ nghe tiếng bát, đọi; thời trong cổ, lửa đói khởi lên, cho nên ăn giờ ngọ còn phải vắng lặng, huống chi quá giờ ngọ ư ? Ngày xưa có vị cao Tăng, nghe ông Tăng ở phòng gần sau giờ ngọ, nổi bếp nấu, bùi ngùi rơi lụy, vì thương Phật pháp sắp suy tàn vậy ! Người đời nay vóc yếu, nhiều bệnh, thường thường muốn ăn hoài, hoặc không thể giữ được giới này, cho nên bậc Cổ nhân nói bữa ăn chiều là vị thuốc hay, là cái ý để chữa lành chứng bệnh vậy. Đành rằng như thế, nhưng cũng biết trái lời Phật dạy, rất sanh tâm hổ thẹn, nghĩ thương sự khổ của loài ngạ quỷ, nên thường làm việc cứu giúp, chẳng ăn nhiều, chẳng ăn ngon, chẳng yên lòng mà ăn, thì họa may mới có thể được. Còn hoặc chưa được như vậy, thì mắc tội rất nặng. Ôi ! Khá chẳng răn chừa ư ? LỜI PHỤ.- Nhựt ngọ (giờ ngọ) : Giờ ngọ là nói theo phương này, nếu y theo luật, thì nói là nhựt trung (lúc mặt trời đứng bóng). Nghe tiếng chén bát trong cổ khởi lửa đây là do người khi còn sống xan tham (bỏn sẻn) lúc

PHAÀN I 95

chết đọa trong loài Ngạ quỷ, cổ nhỏ như cây kim, bụng to như cái trống, thường bị đói khát ép ngặt, nếu nghe tiếng chén bát khua, thời trong cổ phát ra lửa đỏ mà tự thiêu đốt lấy mình.

96 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 57 GIỚI (CẤM) CẦM GIỮ SANH TƯỢNG VÀNG BẠC VẬT BÁU

Chữ Sanh tức là vàng. Chữ Tượng là giống – giống như vàng, nhưng nó là bạc vậy. Nghĩa là vàng bản chất nó tự sanh ra màu vàng. Còn bạc nếu đem nhuộm vàng, thì cũng giống như vàng vậy (nhưng mạ vàng). Chữ Bảo, là loại thất bảo... các món nói trên, đều là nuôi lớn tham tâm, ngăn bỏ đạo nghiệp. Khi Đức Phật còn ở đời, Tăng chúng đều đi khất thực, không sắm bếp để nấu, còn áo mặc, phòng nhà đều nhờ ngoại duyên giúp đỡ (thí chủ hộ cho), như thế vàng bạc ta để cũng không dùng vào đâu. Nắm cầm còn cấm, thì những kẻ thanh liêm khá tự biết vậy ! Cuốc đất gặp vàng không thèm ngó lại, đó là kẻ thế Nho còn như thế, huống chi trang Thích tử xưng là bần Tăng, mà còn cất chứa tiền bạc để làm gì ? LỜI PHỤ. – Vàng bạc : Là một vật có tên mà không có nghĩa. Thất bảo : Vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, mã não, trân châu, và bao nhiêu san hô, hổ phách, nhựt châu, nguyệt châu, ma ni châu v.v... đều là loại thất bảo vậy. Kẻ thế Nho là : Đời nhà Hán, ông Quảng Ninh người ở quận Bắc Hải. Lúc trẻ, cùng làm bạn với Hoa Hâm, một hôm hai người cùng nhau cuốc đất trồng rau, khi

PHAÀN I 97

cuốc lên, xem thấy dưới đất có vàng. Quảng Ninh vác cuốc bỏ đi nơi khác không ngó đến, Hoa Hâm đến lượm lên xem, rồi cũng ném đi, trông những mảnh vàng kia cũng như ngói, gạch.

98 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 58 (tiếp theo)

Người tu đời nay không thể đều đi khất thực, có người vào chốn Tòng lâm, có người ở nơi am viện, có người đi phương xa, thế cũng không khỏi sự hao phí về tiền bạc. Như vậy, phải biết trái lời Phật dạy, mà sanh tâm hổ thẹn và phải luôn luôn nghĩ đến những người nghèo thiếu, mà thường làm việc bố thí, đừng kinh doanh, đừng chứa để, đừng buôn bán và cũng đừng lấy đồ thất bảo để trang sức áo mão và các vật khác... ngõ hầu mới tránh khỏi. Nếu không được như thế, mắc tội rất nặng. Than ôi ! Chúng ta đâu không cẩn thận lắm ư ? LỜI PHỤ.- Không đều đi khất thực : Vì cũng có vị ở tại chùa làm đạo, dịch Kinh, giảng giáo v.v... Có vị đi tu học phương xa, thì lẽ cố nhiên phải tốn phí tiền bạc. Đã biết trái với lời Phật dạy, thì phải biết tiết kiệm, đừng làm việc phi pháp... Hơn nữa, thời kỳ Phật còn tại thế, nhằm thời gió hòa mưa thuận, nhân dân (thiện tín) được rảnh rang mua bán dồi dào, mỗi khi gặp Phật và chúng Tăng đi đều có các Cư sĩ hộ pháp đi theo để cấp hộ... Về sau, Phật pháp truyền sang Trung Hoa và nước Việt Nam ta, thì các vị thiện tín phải lo việc gia đình, quốc gia và xã hội không được rảnh rang, vì nạn chiến tranh, nên chỉ dâng cúng một ít vào chùa để cho chúng Tăng tự tiện nấu ăn tu hành. Nếu như đi đâu có những vị Cư sĩ đi theo, thì những vị (Cư sĩ) ấy giữ tiền để phòng khi đi xe, đò, tàu

PHAÀN I 99

như thế phải tốn phí bằng hai mà lại mất thì giờ nữa, nên quý vị ấy chỉ giao tiền cho các Sư tự tiện trả lấy thôi. Ngày nay, các nước Phật giáo trên thế giới như Ấn, Miến, Xiêm, Lào và Cao Miên trên còn nhờ vua tận tâm ủng hộ, tạo lập chùa chiền, dưới tín đồ hết lòng giúp đỡ chúng Tăng khỏi phải cày sâu, lam lũ hằng ngày, nên sự tu hành còn hơi giống như xưa.

100 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 59 TỨ QUẢ A LA HÁN

Bốn quả : 1- Sơ quả : Quả vị ban đầu, Tu-đà-hoàn. Hán dịch : Dự lưu, vị này mới bắt đầu dự vào giòng Thánh. 2- Nhị quả : Quả thứ hai, Tư-đà-hàm. Hán dịch : Nhứt lai, vị này còn sanh trở lại trong cõi Dục này một lần nữa. 3- Tam quả : Quả thứ ba, A-na-hàm. Hán dịch : Bất lai, vị này không còn sanh trở lại trong cõi Dục này nữa. 4- Tứ quả : Quả thứ tư, A-la-hán. Hán dịch : Bất sanh hay Vô sanh, vị này ra khỏi ba cõi (Dục, Sắc và Vô sắc). Sơ quả, cũng như kẻ đi đường, nhưng chân bước đi cách đất năm tấc, khỏi hại loài trùng kiến, còn ba quả kia tự xét biết... LỜI PHỤ.- Sơ quả : Gọi là Dự lưu hay Nghịch lưu. Dự lưu là dự vào giòng Thánh, còn Nghịch lưu là ngược lại dòng sanh tử của phàm phu. Vị này đã đoạn hết Kiến hoặc trong ba cõi, Kiến hoặc : là sự thấy và hiểu biết sai lầm; ba cõi : là Dục, Sắc và Vô Sắc. Nhị quả, dịch : Nhứt lai, vị này tuy đoạn được chín

món Tư hoặc ở cõi Dục, nhưng chỉ đoạn được sáu món trước, ba món sau vẫn còn. Vì ba món sau vẫn còn nên phải sanh trở lại cõi nhân gian (cõi Dục) một lần nữa.

PHAÀN I 101

Tam quả, dịch : Bất lai, vị này chẳng những sáu món hoặc trước đoạn hết mà cả ba món sau đồng thời đoạn hẳn nên không còn sanh lại cõi Dục nữa. Nhưng còn sanh vào cõi Sắc và Vô sắc. Tứ quả, dịch : Sát tặc, Ứng cúng và Vô sanh (ba nghĩa). Vị này đã đoạn hẳn Kiến hoặc và Tư hoặc trong ba cõi. Vì Kiến, Tư hai hoặc đã đoạn, nên gọi quả này là "Sát tặc" (giết giặc phiền não). Quả này là cùng tột trong bốn quả của Thanh-văn thừa (Tiểu thừa giáo), bậc này đáng thọ của người và trời cúng dường nên gọi là "Ứng cúng". Vị này quả báo đã hết và chứng vào Niết- bàn vĩnh viễn nên gọi là "Vô sanh" vì không còn sanh tử luân hồi trong ba cõi nữa.

102 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 60 MƯỜI HAI HẠNH ĐẦU ĐÀ

Tiếng Phạm nói Đầu-đà cũng nói Đỗ-đa. Tiếng
Trung Hoa gọi là Đẩu tẩu, nghĩa là phủi giũ tất cả phiền não nghiệp chướng.
Mười hai hạnh Đầu-đà :
1- Thường đi khất thực.
2- Ở chỗ vắng vẻ (A-lan-nhã)
3- Theo thứ lớp đi khất thực (không lựa giàu nghèo).
4- Đúng như pháp mỗi ngày ăn một bữa.
5- Ăn cho có chừng đỗi.
6- Quá giờ ngọ không ăn.
7- Mặc cái y chầm vá.
8- Chỉ sắm ba y.
9- Thường ở những chỗ gò mả ( mồ hoang).
10- Ngồi nơi gốc cây.
11- Ngồi giữa đất trống.
12- Ngồi nhiều nằm ít.
LỜI PHỤ.- Ba y : Y năm điều, y bảy điều và y hai mươi lăm điều.
Ở chỗ gò mả : Là để tu tập theo pháp quán Bất tịnh và theo pháp quán Vô thường.
Y chầm vá : Là y bá nạp, nghĩa là những vải vụn người ta bỏ, đem về giặt sạch rồi chầm lại làm y bá nạp,
PHAÀN I 103

để che thân làm việc đạo và cũng là một hạnh diệt trừ cái chấp ngã (ta) để lần đi đến quả vị Vô ngã. Ăn có chừng đỗi là : vừa đủ ăn mặc không thọ quá nhiều. Mùa tu hạnh Đầu-đà; mùa Đông, mùa Hạ ngồi thiền kiết hạ an cư, thường dùng mười tám món : ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, lư hương, bọc lượt nước, khăn tay, dao cạo, ống quẹt, nhành dương (tăm xỉa răng), xà bông, giường dây (võng), Kinh luật, tượng Phật và

tượng Bồ-tát. Trong Luật dạy mười ba món vật dụng của thầy Tỳ-kheo, hay mười tám món là đời sau các Tổ chế thêm. Khi đi Đầu-đà đến trăm ngàn dặm thì mười tám món này phải mang theo cho đủ. Thời gian đi hạnh Đầu-đà : từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba; Rằm tháng Tám đến Rằm tháng Mười. Trong hai khoảng thời gian ấy, mười tám món này phải đem theo bên mình như chim có hai cánh. Trong hàng đệ tử của Phật, có ngài Đại Ca-diếp tu hạnh Đầuđà thứ nhứt.

104 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 61 VĂN THÙ, DI LẶC, BA THÂN, NĂM CĂN, NĂM LỰC

Văn-thù-sư-lợi là tiếng Phạm. Hán dịch : Diệu Cát Tường, vì ngài là bậc trí huệ rộng lớn cho nên gọi là Đại Trí Văn Thù. Di-lặc. Họ Từ. Tên A-dật-đa. Hán dịch : Vô Năng Thắng. Ba thân : Pháp thân, Báo thân và Ứng thân. Năm căn, Năm lực : Tín, tấn, niệm, định và huệ. LỜI PHỤ.- Văn-thù : Là một vị đệ tử lớn của Phật về hàng Bồ-tát, ngài là bậc Thượng thủ, trí huệ đệ nhứt. Di-lặc : Là vị Bồ-tát cực quả về ngôi Đẳng giác, hiện ở nội viện cung trời Đâu Suất, sẽ được làm Phật kế ngôi Giáo chủ Đức Bổn Sư Thích Ca tại cõi Ta-bà này. Ngài là họ Từ, vì vị Bồ-tát này sanh trong nhà họ Từ, lấy theo họ mà đặt tên là Từ Thị. Xưa nói Từ Thị có hai nhân duyên : 1- Gặp được Đức Từ Phật mà phát tâm. 2- Tu chứng đặng pháp Từ tâm Tam muội (Tam muội là chánh định). Và cũng gọi là Từ Vô Năng Thắng, (nghĩa là lòng từ không ai hơn). Đức Phật Di Lặc ra đời nhằm kiếp hiện tại, vị Phật thứ năm, kế Đức Phật Bổn Sư Thích Ca của chúng ta vậy. Ngài thuyết pháp trong ba hội. Trong Kinh Di Lặc Đại Thành Phật nói : Khi đó, Đức Di Lặc xuất gia học đạo, ngồi dưới gốc cây trang nghiêm đạo tràng, trong

PHAÀN I 105

ngày ấy, đầu hôm Ngài hàng phục (trừ dẹp) được bốn ma (Phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma và thiên ma (ma Ba tuần), chứng được quả Vô thượng Bồ-đề Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, có vị Đế Thích Đề Hoàn Nhơn, Hộ Thế Thiên vương và có vô số các vị Thiên tử đến nơi vườn Huê Lâm, đầu diện lễ bái dưới chân Phật, chắp tay khuyến thỉnh Ngài chuyển pháp luân, khi đó Đức Phật Di Lặc nhận lời thỉnh (bằng cách làm thinh). Trong khi thuyết pháp hội ban đầu có 96 ức người chẳng còn bị các pháp buộc ràng, lậu tận ý thông, chứng đặng quả A-la- hán, và đặng pháp Tam minh, pháp Lục thông và có 36 vạn vị Thiên tử, 20 vạn vị Thiên nữ phát tâm Vô thượng Bồ-đề Chánh đẳng Chánh giác. Đại hội thứ hai : Bấy giờ, ở cõi Nam Diêm-phù-đề, các thành ấp tụ lạc, các vị Tiểu vương, các bậc Trưởng giả và cả trong bốn họ. Tất cả đều đi đến vườn Huê Lâm, dưới cây đạo tràng Long Hoa. Khi đó Đức Phật thuyết lại những pháp Tứ đế : Khổ, Tập, Diệt và Đạo, pháp Thập nhị nhân duyên : Vô minh duyên hành, hành duyên thức v.v... có 94 ức người đắc quả A-la-hán. Thuyết pháp Đại hội lần thứ ba : Thì có 92 ức người chứng quả A-la-hán và cũng có 34 ức vị Thiên Long Bát bộ, đều phát tâm Bồ-đề Chánh đẳng Chánh giác (Trong quyển Pháp Hoa Nghĩa Sớ có giải rõ). Sở dĩ Đức Di Lặc thuyết pháp có phân làm ba hội ấy, là ý Ngài để độ chúng sanh nào v.v... có thượng trung hạ ba căn lành mà Đức Phật Thích Ca độ còn thừa lại, nghĩa là chúng sanh ấy đối với khi Đức Phật Thích Ca ra đời đã có giữ gìn năm giới, thì hội đầu tiên được

đắc đạo; còn người thọ trì Tam quy thì hội thứ hai mới đắc đạo; còn những người xưng hiệu Phật một tiếng Nam mô Phật thì qua Đại hội thuyết pháp lần thứ ba mới đắc đạo quả. Pháp thân : Cái thân thanh tịnh cùng khắp pháp giới. Báo thân : Cái thân viên mãn cùng khắp pháp giới. Ứng thân : Cái thân do sự sanh đẻ, cho nên cũng gọi là Sanh thân v.v... Ngũ căn : Mà tu tăng thượng đắc lực, thì gọi là Ngũ lực, Ví như : Tín căn, là tự mình tin sâu, gọi là tự lợi, chẳng những tin sâu một mình mà lại còn dạy kẻ khác tin sâu, là lợi tha vậy, cũng gọi là tăng thượng đắc lực ...



BÀI THỨ 62 NHỊ THỪA, HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC

Nhị thừa : 1- Thanh-văn thừa (A-la-hán) bậc này nghe tiếng tăm thuyết pháp của Phật mà ngộ đạo. 2- Duyên-giác thừa (Bích-chi-Phật) bậc này quán xét mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Hữu học là gì ? Bậc Sơ quả, Nhị quả, Tam quả A-nahàm còn phải học tập (vì chưa hết hoặc). Thế nào là Vô học ? Tức là bậc Tứ quả của A-la-hán và Bích-chi-Phật không còn phải học nữa, (vì những hoặc, nghiệp đã dứt sạch, nên không còn luân hồi nữa). LỜI PHỤ.- Nhị thừa hai bậc (Thanh-văn và Duyêngiác) hai bậc này còn phải học, cũng như còn phải tu tập, còn phải tiến lên. Vô học cũng như Vô lậu : không còn ô nhiễm, cũng gọi là Vô sanh, nghĩa là không còn luân hồi sanh trở lại trong ba cõi : Dục, Sắc và Vô sắc. Mười hai nhân duyên : 1) Vô minh Duyên hành, 2) Hành duyên Thức, 3) Thức duyên Danh sắc, 4) Danh sắc duyên Lục nhập v.v... đều là những pháp do nhiều duyên hòa hợp, không thật thể, vô thường giả dối, nhận được nó là pháp như huyễn, tức đạo lý chơn thật tự nhiên tỏ bày. Bích-chi-Phật : Dịch Duyên-giác, vì quán mười hai pháp nhân duyên mà được giác ngộ. Ngoài ra, cũng còn bậc Độc-giác, bậc này không gặp Phật ra đời, không được nghe tiếng Phật thuyết pháp, mà tự mình quán



mười hai pháp nhân duyên giả hợp, như chiêm bao, như bọt nước mà ngộ đạo, nên gọi quả Độc-giác... A-la-hán : Dịch Vô sanh, vì không còn sanh trở lại trong ba cõi này nữa, như trên đã nói. Nghĩa là hết luân hồi sanh tử.



BÀI THỨ 63 CHÁNH TRI KIẾN

Chúng ta học Phật, nhứt là chỗ hiểu biết và thấy cho chánh đáng, sự hiểu biết và thấy không chánh đáng, thì dầu cho sự tu hành chơn chánh đến đâu, rốt cuộc cũng trở về ma đạo. Nên nay đem ra những việc tà, chánh, phân biệt như sau, để hầu mong tránh cái nạn hiểu lầm. A.- Hiểu biết và thấy theo lối tà có hai mươi điều kiện như sau : 1- Xem tướng đoán số mạng, 2- Rút xâm coi quẻ, 3- Cầm cơ thả chim loan, 4- Coi sao cúng hạn, 5- Bói đất lựa chỗ tốt, 6- Bái thần thờ quỷ, 7- Luyện khí xuất thần, 8- Luyện đơn uống để được trường sanh bất tử, 9- Tin lý tự nhiên ở nơi mạng trời, 10- Nói giàu sang do số mạng, 11- Cho là thượng đế tạo ra muôn vật, 12- Tin số mạng ở trời, 13- Chấp cho thế gian thường trú, 14- Chấp cho chết rồi là mất hẳn, 15- Xem cảnh cuộc lợi hại, 16- Mê

tín quỷ thần yêu quái, 17- Truyền nước thơm (nước thánh), 18- Bắt cầu lên thiên đường, 19- Tống bè dời bếp, 20- Tin vẽ bùa ếm đối. Hai mươi điều nói trên do những người tà tri kiến, cũng như nói người mê tín theo lối tà ma ngoại đạo. B.- Chánh tri kiến, cũng như những kẻ chánh tín kia; nhận biết tất cả sự vật trong thế gian là vô thường, đều do nhân duyên giả hợp, hết thảy trong ba cõi, chỉ có cái tâm là ông chủ tể tạo ra muôn vật và muôn pháp giữa này chỉ có một cái thức biến hiện ra mà thôi vậy.

110 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

LỜI PHỤ.- Câu “Dù tu hành cho mấy rốt cuộc cũng thành ma nghiệp” : Là ý nói cái thân tuy làm việc đạo; mà cái tâm đạo không thật làm, cũng như con trâu kéo cày nhưng cái nghiệp trâu chưa hết, thì dầu có kéo đến đâu, rốt cuộc cũng hoài công vô ích. Chim loan : Các phù thủy hồi xưa vẽ hình chim loan để cúng thần, cũng nói là đồ thế. Ngày nay các thợ mã bện những con bù nhìn, nhà minh khí, đồ thế v.v... là di truyền của sự mê tín ngày xưa.

PHAÀN I 111

BÀI THỨ 64 CHÁNH TƯ DUY

Tư duy tức là Tư tưởng. Chúng ta học Phật, tư tưởng nếu không chánh đáng; dù cho thông minh đến đâu, tất cũng phải sa về đường ác. Lời nói đây đúng hay không đúng sẽ rõ ở sau, để mà tư duy cho chánh đáng. Chánh tư duy : Là suy nghĩ chơn chánh, suy nghĩ chơn chánh có chia ra mười điều như sau : 1) Đói, suy nghĩ việc ăn. 2) Lạnh, suy nghĩ việc mặc. 3) Bệnh, suy nghĩ việc trị. 4) Nghèo, suy nghĩ việc giúp đỡ. 5) Khổ, suy nghĩ việc cứu độ. 6) Phật, suy nghĩ được thành 7) Đạo, suy nghĩ phải tu hành. 8) Phiền não, suy nghĩ phải đoạn trừ. 9) Oán thù, suy nghĩ phải cởi mở. 10) Nghiệp chướng, suy nghĩ phải dứt sạch. Đấy là mười món Chánh tư duy nên làm, trái lại mười món trên là Tà tư duy, không nên làm, kể ra như sau : 1) Suy nghĩ của cải, sắc đẹp, tiếng khen và miếng ăn ngon 2) Suy nghĩ thăng quan, phát tài. 3) Suy nghĩ con cháu được giàu sang.

112 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

4) Suy nghĩ buông lung để hiếp đáp người. 5) Suy nghĩ cần chức quyền hơn người. 6) Suy nghĩ cho kẻ nam người nữ tiếp xúc nhau. 7) Suy nghĩ tìm cách trốn tránh cho yên thân. 8) Suy nghĩ tìm cách để trả cựu thù. 9) Suy nghĩ tìm cách để dua nịnh với nhà giàu sang. 10) Suy nghĩ học đàn hát ca xướng cho vui chơi. Mười điều suy nghĩ này là tà vạy, ta không nên làm. LỜI PHỤ.- Trong Khế Kinh, Đức Phật thường dạy : “Các đệ tử muốn cúng dường ta, thì dùng tâm Chánh tư duy đó, tức là cúng dường ta”. Ý nói : Phật là bậc chơn chánh, mình phải lấy sự chơn chánh mà cúng dường Ngài, mới là nhằm pháp.

PHAÀN I 113

BÀI THỨ 65 CHÁNH NGỮ

Bài trước răn các việc nói vọng thì đây gọi là Chánh ngữ. Tổ Linh Hựu Đại sư ở non Quy Sơn nói : Người xuất gia mỗi khi thốt lời cần phải nhằm theo Kinh điển, nói ra một

tiếng gì, cần phải ăn hợp bậc Thánh hiền. Thế nào là Chánh ngữ ? Như mười điều kể như sau đây : 1) Không nói những lời giả dối. 2) Không nói những lời chê bai. 3) Không nói những lời khen mình chê người. 4) Không nói những lời dua nịnh. 5) Không nói những lời dối gạt. 6) Không nói những lời xảo trá. 7) Không nói những lời phản chánh trị. 8) Không nói những lời thô tháo mắng nhiếc. 9) Không nói những lời đâm thọc phải quấy. 10) Không nói những lời tốt xấu của người bạch y. LỜI PHỤ.- Chánh ngữ : Lời nói chơn thật, ngay thẳng, đáng làm uy tín cho mọi người và mọi người có thể tin cậy nơi mình. Bạch y : Người thế gian theo tục, ưa mặc áo trắng, nên gọi là bạch y. Người xưa bảo : Một lời nói phải nên nước nên nhà, một lời không phải làm cho hư hại gia sản, là ý đây vậy.



Thì cũng như thế đó, một lời nói mà được người sống, và cũng một lời nói mà người phải chết. Cũng chẳng ngoài lời nói chánh và bất chánh mà thôi. Người thế thường gọi : “Lưỡi không xương nhiều đường lắc léo” là ý đây vậy.

PHAÀN I 115

BÀI THỨ 66 CHÁNH NGHIỆP

Chánh nghiệp : Là sự hành động chơn chánh của thân; thân nghiệp có ba : Sát, đạo và dâm. Sát, đạo, dâm chính là ba nghiệp dĩ nhiên của thân vậy. Nay muốn ngừa những nghiệp như thế, thì phải giữ gìn nơi sáu căn, như đức Khổng Tử nói : “Sắc phi lễ đừng ngó, tiếng phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, việc phi lễ đừng làm”. Nhưng trong Phật pháp có thêm hai món nữa : “Mùi phi lễ đừng ngửi, điều phi lễ đừng nghĩ”, nghĩa là không đắm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp vậy. LỜI PHỤ.- Chánh nghiệp : Sự hành động tạo tác của thân được chơn chánh. Dĩ nhiên : Là sự như thế rồi. Sáu căn : Là chỗ để cho sáu thức nương vào tạo nghiệp thiện hay ác, (sáu căn không lỗi). Tội lỗi hay không là do nơi sáu thức mà thôi. Nhưng trong khi sáu thức còn mê, thì không nên buông thả sáu căn, có hại, nghĩa là phải giữ gìn sáu căn cũng như ngăn ngừa sáu tên giặc. Nói về bên đường ác, bậc thượng trí không làm ác cũng như trước khi chưa móng; bậc trung trí sắp làm nhưng lại thôi; bậc hạ trí đang làm lại ăn năn; bậc hạ hạ trí làm rồi mới ăn năn; còn bậc vô trí vẫn thành một thứ si mê, nhắm mắt đưa chân, tới đâu hay tới đó. Rốt cuộc phải sa vào lưới pháp luật, chừng ấy ăn năn thì chuyện



đã rồi : đây là nói về đường ác, nếu trái lại, là con đường thiện.

PHAÀN I 117

BÀI THỨ 67 CHÁNH MẠNG

Chánh mạng : Nghĩa là làm ăn nuôi thân mạng cho được sống còn, nhưng cần phải chánh đáng. Ngày xưa Đức Phật ta còn ở đời, chế ra đi khất thực để nuôi sắc thân cho được sống còn. Bây giờ nước ta phong tục đã khác tuy là đi khất thực khó khăn, nhưng cũng phải xa lánh bốn món tà mạng, mà vẫn hoằng pháp lợi sanh, thì mới có thể gọi là

Chánh mạng. Bốn món Tà mạng thực : 1- Hạ khẩu thực : như cày, bừa sát hại loài có sanh mạng. 2- Ngưỡng khẩu thực : như xem sao, cầu đảo v.v... 3- Phương khẩu thực : như dua nịnh các nhà quyền thế v.v... 4- Duy khẩu thực : như bói toán, xem tướng đoán mạng v.v... Chánh mạng của người Phật tử, có bốn món như sau : 1- Bồi dưỡng tòng lâm (rừng cây, vườn của chùa). 2- Làm thuốc chữa bệnh. 3- Dạy vẽ cho các con em. 4- Gắng làm những việc thiện.



Trong bộ Tổng Trì nói : Lợi sanh là sự nghiệp, hoằng pháp là bổn phận, đó là chánh mạng của các Phật tử. LỜI PHỤ.- Hạ khẩu thực : Cúi xuống mà làm ăn. Ngưỡng khẩu thực : Ngước lên làm ăn nuôi sống (như ngó lên trời xem sao v.v..) Phương khẩu thực : Đi rảo bốn phương để kiếm ăn (như dua nịnh người này người kia v.v...) Duy khẩu thực : Đi khắp bốn phương để hỏi làm ăn (như mấy thầy bói v.v...) Chánh mạng : Nuôi sống thân mạng bằng cách chánh đáng, thanh liêm v.v... Phong tục : Thói quen của người đời từ lâu, thành ra tục lệ, nề nếp v.v... Lợi sanh : Làm lợi ích cho chúng sanh. Hoằng pháp : Mở rộng Chánh pháp của Phật truyền bá cho tất cả dân chúng được thấm nhuần v.v...



BÀI THỨ 68 CHÁNH TINH TẤN

Chánh tinh tấn : Chúng ta phát tâm làm công việc gì tất phải cùng Chánh mạng, Chánh niệm và Chánh định tương ứng, thế mới gọi là Chánh tinh tấn. Nếu không như thế thì dù cho thức suốt đêm, tối ngày miệng tụng (Kinh) tay gõ (mõ) đi nữa cũng gọi là giải đãi vì không phải hành vi chánh đáng, cho nên không xa lìa được các sự khổ, an hưởng những việc vui. LỜI PHỤ.- Chánh tinh tấn : Là một trong Bát Chánh đạo, mà "chánh" nào cũng cần phải có tinh tấn mới thành tựu. Song Chánh tinh tấn, trái với tà tinh tấn, vì ngoài đạo tu khổ hạnh cũng có tinh tấn nhưng tinh tấn theo lối tà đạo, chứ không như cái đạo Bát Chánh của Phật, như trên đã nói, Miệng tụng tay gõ. (Nguyên văn : "Khẩu đồ thủ cứ"). Tương ứng : Ăn nhịp với nhau, Giải đãi : Dật dựa, sắp sửa đi làm mà bị nghiệp lười nó kéo lại.



BÀI THỨ 69 CHÁNH NIỆM

Chánh niệm có hai :
1- Chánh ức niệm. Ức niệm : Ghi nhớ những việc đã qua, nhưng có chánh ức niệm và tà ức niệm như bản đồ
sau :
nieäm
ÖÙc
Chaùnh
Taø hoái truy Taø

1- Nhôù nghó nhöõng saéc, thinh, höông, vò, xuùc, Taø öùc toát ñeïp vaø söï cöøu oaùn. Khoâng neân nieäm 2- Nhôù nghó nhöõng töôùng maïo vaø tieáng taêm cuûa nhôù nghó caùc böïc anh huøng vaø baïn beø aùc trong tieåu thuyeát. 5- Nhôù nghó boán ôn chöa traû. 6- Nhôù nghó ñöùc haïnh cuûa Phaät ñaày ñuû vaø giaùo Chaùnh Phaûi neân lyù cuûa Ngaøi raát nhieäm maàu. öùc nieäm nhôù nghó 7- Nhôù nghó nhöõng ñaøn traøng trong khi thoï giôùi vaø hình daïng tieáng taêm cuûa Giôùi sö truyeàn giôùi. Chaùnh 8- Hoái haän ñaõ laøm nhöõng söï loãi laàm töø tröôùc. Phaûi neân truy 9- Hoái haän nhöõng söï töø thieän töø tröôùc laøm maø PHAÀN I hoái haän hoái chöa thaønh töïu.

122 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 70

2- Chánh quán niệm : Quán xét những sự vật trước mắt. Nay phân biệt cái nào là tà, chánh như bản đồ dưới đây :

Maét thaáy saéc. Neân khôûi ra loøng
Tai nghe tieáng. tham, saân, si vaø
Taø Muõi ngöûi höông. kieâu maïn.
Löôõi neám vò. Ñoù laø
Thaân ñuïng chaïm Taø quaùn nieäm.
Quaùn Bi quaùn: Thaáy nhöõng nieäm ngöôøi ngheøo heøn, moà coâi, khoå sôû, ñau oám, nguy hieåm v.v... maø khôûi ra taâm töø bi. Ñoù laø Chaùnh Chaùnh quaùn Hueä quaùn: Quaùn xeùt nieäm muoân söï muoân vaät trong vuõ truï ñeàu nhaän roõ, ñoù laø do nhaân duyeân giaû hôïp maø thaønh.

PHAÀN I 123

BÀI THỨ 71 CHÁNH ĐỊNH

Thiền định rất là vi tế, nếu không dự biết trước, thì dễ chạy theo con đường tà. Cho nên phải phân biệt rạch ròi như cái biểu ở sau :

Thuû khieáu.
Vaän khí.
Ñoù laø
Taø tu Luyeän ñôn.
Taø ñònh
Voâ töôûng.
Thuû khaûm v.v...
Tu
Thieàn Heä duyeân chæ.
ñònh Soå töùc quaùn.
Baát tònh quaùn.
Cöûu töôûng quaùn.

Nhôn duyeân quaùn. Ñoù laø
Chaùnh tu
Nieäm Phaät quaùn. Chaùnh ñònh
Tích khoâng quaùn.
Theå khoâng quaùn.
Nhöùt taâm tam quaùn v.v...
124 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

LỜI PHỤ. – Thiền định : Gọi Thiền-na. Hán dịch : Tịnh lự, bặt dứt những sự tư lự, cũng là nghĩa Định. Thủ khiếu hay Cửu khiếu : Là chín lỗ cho thân mình, như tai, mắt, mũi, lưỡi, miệng v.v... giữ gìn không cho bài tiết những nước mắt, nước mũi, nước miếng v.v... Vận khí : Là vận chuyển hơi thở từ óc đến ngực, bụng, lưng, thấu chỗ tam quan, chạy vòng xuống rún, hớp lấy những khí âm dương, kết thành Thánh thai, theo lối tu của ngoại đạo. Luyện đơn : Là luyện thuốc trường sinh của đạo tiên. Vô tưởng : Là tu cách diệt hết tâm tưởng, để cầu sanh lên cõi Vô tưởng, cách tu thiền định này không khác như cây đá, cái bệnh này rất nặng, gọi là chứng bệnh "tử tâm" thiệt khó cho thuốc; tâm chết sửng như cây đá v.v... Thủ khảm : Là tu theo lối chiếm quẻ, coi bói, nham độn v.v... Chữ thủ là dùng tay lấy. Chữ Khảm v.v... là một trong tám quẻ (bát quái) : Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, như trên đó là tu, (tu theo lối tà đạo). Thế nào là Chánh tu ? Hệ duyên chỉ : Là buộc tâm chuyên về một cảnh, cũng là nghĩa Định. Sổ tức quán : Là pháp quán đếm hơi thở ra vào, từ một đếm tới mười, rồi mười đếm trở lại một; hay một đếm tới một trăm, rồi một trăm đếm trở lại một; cho đến ngàn, vạn ức, cũng vậy, chỉ cần chuyên chú nhớ kỹ. Giả sử đếm gần tới trăm mà quên, cũng phải bỏ, bắt đầu đếm lại. Đây cũng là một phương pháp tu Thiền định.

PHAÀN I 125

Bất tịnh quán : Quán thân này không sạch sẽ gì, để tập lần, bớt lòng tham muốn và dần dần dẹp trừ ngã ái (chấp ta). Cửu tưởng quán : Chín cách quán : 1- Quán thân người sau khi chết, mình mẩy xanh bầm. 2- Phình chương lên. 3- Dần dần tan rã. 4- Máu mủ chảy ra. Cho đến tiêu tan ra đất, nước; thì trả lại cho đất, nước, lửa, gió cũng vậy. Ấy là pháp quán thứ chín v.v... cũng như quán thân bất tịnh nhưng pháp quán này là quán sau khi thân này đã chết, nó có những hình trạng như thế đó. Để dẹp trừ lòng ham muốn và lần hồi đi đến quả vị vô ngã, cũng là phương pháp Thiền định chánh đáng vậy. Nhân duyên quán : Quán tất cả sự vật, trong trời đất đều là nương nhờ nhân này, duyên nọ, giả hợp tạo thành một cái như huyễn; một cái đã như huyễn thì tất cả cái gì có hình tướng cũng đều là như huyễn không có thật thể, như bóng trong gương, như trăng dưới nước, sanh diệt vô thường, không nên chấp đắm, đó tức là tu Thiền định. Niệm Phật quán : Có nhiều cách như : ngồi yên một chỗ mà niệm gọi là quán tưởng niệm Phật; hoặc đối trước tượng Phật quán xét mà niệm, cũng gọi là quán tưởng niệm Phật. Nếu nhận rõ Phật là tâm, tâm là Phật, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không thấy có mình niệm, và ông Phật bị niệm, thế gọi là quán ông Phật thật tướng mà niệm Phật vậy. Những pháp quán niệm như thế, để cho tâm chuyên chú về một cảnh, cũng gọi là Định.

126 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

Tích không quán : Dùng trí huệ phân tích các pháp giữa này không có thật thể, nên gọi tất cả các pháp đều là không, nhận được cái không tướng ấy tức là Định. Thể không quán : Pháp quán trực nhận được lý Chơn không của các pháp, không còn có tánh cách phân biệt "năng" với "sở" nữa, tức là Định. Nhứt tâm tam quán : Trong một cái tâm gồm đủ cả ba pháp quán : quán Không, quán Giả, quán Trung. - Quán không : Quán các pháp giữa này toàn thể là như huyễn, như hóa, như bọt nước như chiêm bao, nên gọi là không, không có thật thể, và là như huyễn. - Quán giả : Quán sát các pháp giữa này đều là giả tạm, mượn nhiều duyên hợp lại mà thành. Nên phải nói là có, nhưng cái có ấy không thật có; vì nó có bằng cách giả hợp, rốt cuộc cũng hoàn không, nhưng "không", không thể nói là không, vì nó còn có cái giả hợp như huyễn. - Quán trung : Quán hai pháp trên, chẳng phải "không", chẳng phải "có", pháp quán này không chênh lệch bên nào, mà bên nào cũng không chấp, và bên nào cũng có, nhưng có mà "có" bằng cách như huyễn, nên đặt tên "Trung đạo quán"; thế gọi là một tâm mà đầy đủ cả ba quán vậy.

PHAÀN I 127

BÀI THỨ 72 TỨ ĐẾ

Chữ Đế là chắc thật. Đức Thích Tôn thuyết pháp 49 năm, đều dùng pháp Tứ đế làm giềng mối, như sau này : 1- Khổ đế : Trong ba cõi sáu đường v.v... chắc chắn là khổ; đây là cái quả khổ ở thế gian. 2- Tập đế : Những tham, sân, si, v.v... hai mươi sáu món phiền não, chắc chắn là nguyên nhân để chịu khổ; đây là cái nhân khổ của thế gian. 3- Diệt đế : Như những bậc A-la-hán v.v... đã chứng được quả Niết-bàn, chắc chắn là vui; đây là quả vui của xuất thế gian. 4- Đạo đế : Tu Bát Chánh đạo và Ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... chắc chắn là cái nhân để hưởng cái vui, đây là cái nguyên nhân vui của xuất thế gian.

LỜI PHỤ.- Tứ đế : Là bốn điều chắc thật, Khổ, Tập, Diệt, Đạo theo lẽ phải hiểu trở lại : Tập, Khổ, Đạo, Diệt, vì có nhân chứa nhóm các phiền não nên mới có kết quả khổ; đó là cái nhân quả của thế gian. Vì có biết đạo tu hành, nên mới diệt trừ được các phiền não, ra ngoài ba cõi; đó là nhân quả của pháp xuất thế gian vậy. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo không ngoài những pháp : Tứ niệm xứ; Tứ chánh cần; Tứ như ý túc; Ngũ căn; Ngũ lực; Thất giác chi và Bát Chánh đạo v.v...

128 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 73 LỤC CĂN, LỤC TRẦN, LỤC THỨC, LỤC ĐỘ

Nhaõn
Nhó
Tyõ
Luïc caên Caê
Thieät
Thaân

YÙ
Saéc
Thanh
Höông
Luïc traàn Traàn
Vò
Xuùc
Phaùp
Boá thí ñoä xan tham.
Trì giôùi ñoä phaù giôùi.
Nhaãn nhuïc ñoä saân nhueá.
Luïc ñoä
Tinh taán ñoä giaûi ñaõi.
Thieàn ñònh ñoä taùn loaïn.
Baùt-nhaõ ñoä ngu si.
PHAÀN I 129

LỜI PHỤ-

CĂN : THỨC : TRẦN :

Mắt ..... Thấy .....Sắc Tai ..... Nghe .....Tiếng Mũi ..... Ngửi .....Mùi Lưỡi ..... Nếm .....Vị Thân ..... Cảm xúc.....Trơn, nhám Ý..... Biết (phân biệt).....Sự vật

130 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 74 MƯỜI HAI DUYÊN NHÂN

Vô minh sanh ra hành, Hành làm duyên sanh ra thức, Thức duyên danh sắc, Danh sắc duyên sanh ra lục nhập, Lục nhập duyên sanh ra xúc, Xúc duyên sanh ra thọ, Thọ duyên sanh ra ái, Ái duyên sanh ra thủ, Thủ duyên sanh ra hữu. Hữu duyên sanh ra sanh, Sanh duyên sanh ra lão tử. Như vậy xoay vần không thôi. Hoặc : Tức ngu si mê hoặc. Nghiệp : Tức là nghiệp lực của thiện ác. Khổ : Tức là khổ lạc quả báo.

LỜI PHỤ.- Vô minh : Là không sáng suốt, vì bị các phiền não như tham, sân, si v.v... Hành : Là chỉ cho sự máy động sanh diệt trong tâm, hành tức là hành nghiệp, là món tạo thành nghiệp lực phải luân chuyển trong ba cõi sáu đường. Thức : Là tâm phân biệt hiểu biết. Danh sắc : Danh là chỉ cho tâm; còn sắc là chỉ cho thân, vì có hình tướng. Lục nhập : Là sáu căn xúc đối với sáu trần. Xúc : Là căn và trần tiếp xúc nhau. Thọ : Là lãnh thọ những hoàn cảnh khổ hoặc vui và không khổ không vui (xả thọ).

PHAÀN I 131

Ái : Chỉ cho lòng tham ái. Thuû : Tạo thành xác thân tứ đại. Sanh : Khi đầu thai cho đến lúc sanh ra thì bấy giờ là đủ cả : Thức, Danh sắc, Lục nhập v.v... mười hai nhân duyên đây xoay vần trong ba đời, làm nhân quả cho nhau mãi mãi; nếu chưa giác ngộ thì sự sanh tử nào ngừng... !





BÀI THỨ 75 NGŨ ẤM CŨNG GỌI LÀ NGŨ UẨN

Sắc : Tức là căn thân và khí thế giới. Thọ : Tức là khổ, vui, lo, mừng và xả. Tưởng : Tức là tư tưởng việc quấy phải. Hành : Tức là sự hành động trong lúc suy nghĩ, và sự hành động sau khi suy nghĩ. Thức : Tức là phân biệt mình và người. Chữ Ấm có nghĩa là che lấp, tức là nó che lấp bản tánh sáng suốt của chúng ta vậy. Chữ Uẩn có nghĩa là nhóm họp từng nhóm loài. Năm Uẩn tức là năm khối hay loài. LỜI PHỤ.- Căn thân : Là thân tứ đại. Khí thế giới : Là những sự vật có hình tướng trong vũ trụ như : Sơn hà, đại địa v.v... Xả : Là xả thọ, không khổ không vui gọi là xả.



BÀI THỨ 76 ĐẠO ĐỨC

Đời nhà Tống có ngài Minh Giáo Tung Hòa thượng nói rằng : Tôn quý nhất không gì bằng tôn quý đạo. Sự tốt đẹp nhất không gì tốt bằng đức. Đạo đức nếu còn, thì dù cho kẻ thất phu đi nữa cũng không phải người cùng vậy. Đạo đức nếu không còn thì dù làm vua trị cả thiên hạ, cũng chẳng phải người thông vậy. Kìa như ông Bá Di và Thúc Tề là người chết đói ngày xưa; thế mà nay đem hai người đó để so sánh thì ai cũng vui mừng. Còn bậc vua chúa như : vua Kiệt, vua Trụ, vua U, vua Lệ, làm vị nhân chúa của mọi người ngày xưa; nhưng bây giờ đem so sánh thì người ta đều tức giận mắng rủa. Nên kẻ học giả chỉ là lo đạo đức không đủ ở nơi mình thôi, chớ đừng lo quyền thế và địa vị chẳng có ở nơi mình vậy. LỜI PHỤ.- Có câu : Hoạn kỷ bất tài, hà hoạn vô dụng : Lo là lo cho mình không có tài, chứ đừng lo gì sự không có ai dùng. Lại có câu : Hủ mộc bất khả điêu giả. Nghĩa là : Cây mục không thể chạm được vậy. Hòa thượng : Dịch là Lực sanh, là người có năng lực làm cho đệ tử phát sanh trí huệ, như giảng Kinh thuyết pháp v.v... Kẻ thất phu : Cũng như kẻ ngu phu, là kẻ nghèo hèn dốt nát.



Bá Di, Thúc Tề : Thấy sách Nho nói là hai vị quan thanh liêm ở nước Hán ngày xưa, thà nhịn đói mà chết, chớ không thèm hối lộ và chầu rìa, không ham địa vị mà chỉ trọng đạo đức nên được đức Khổng Tử khen ngợi ! Kiệt, Trụ, U, Lệ : Là bốn vị vua ngày xưa rất tàn bạo, dâm lung, hút máu đồng bào nghe tới tên ai cũng bắt giận, rủa ! Học giả : Cũng như học sinh, là người học thức cao.



BÀI THỨ 77 HỌC VẤN

Ngài Minh Giáo Tung lại nói : Sự học của Thánh hiền, vẫn không phải một ngày mà đủ được. Nếu ngày không đủ thì phải nói đến đêm; chứa dồn qua năm tháng tự nhiên được thành. Cho nên nói : Học dĩ tụ chi, vấn dĩ biện chi. Học mỗi khi mỗi ít, chứa dồn lại thành nhiều. Có hỏi qua hỏi lại, cần biện bạch mới rành. Cứ theo lời đây, thì sự học nếu không biện giỏi, thì không do đâu mà phát minh ra được. Chí như kẻ học giả ngày nay, ít khi mở ra một lời gì để mà hỏi qua biện lại với ai hết, thì tôi không hiểu họ sẽ đem lại những cái gì để giúp đỡ cho tinh thần, thành tựu mỗi ngày mỗi thêm mới mẻ, nữa ư ? Ngài Đại Giác Liên Hòa thượng nói : Ngọc mà không trau giồi thì không thành món đồ tốt, người mà không học vấn tức là người không hiểu đạo. Ngày nay sở dĩ hiểu được ngày xưa, đời sau sở dĩ hiểu được đời trước, người lành có thể bắt chước làm theo, kẻ dữ có thể coi gương răn tránh, đều nhờ sự học vấn. Xem qua các bậc tiền bối, họ lập thân, nổi tiếng đương thời đó, ít ai không nhờ sự học vấn mà thành đạt được. LỜI PHỤ.- Chép theo sách Nho : Sự học của người quân tử vào nơi tai để nơi lòng, nhuần ích nơi thân tâm, ra làm việc đạo đức. Còn sự học của kẻ tiểu nhơn, nghe

PHAÀN I 137

vào nơi tai nói ra nơi miệng, khoe khoang nơi mình, dóc láo với ai không biết... Tiền bối : Chữ Tiền là trước. Chữ Bối là bọn, là bậc, là lớp. Tiền bối là trước. Câu người lành ta bắt chước; người không lành ta không bắt chước; thế là đành rằng người lành là thầy ta, mà người dữ cũng là thầy ta. Hay nói ngược lại ta là thầy; nghĩa là : Ta làm thầy cho ta. “Tam nhơn đồng hành tất ngã hữu sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi”.

138 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 78 GIÀNH CỦA THÍ BỊ ĐUỔI

Đời nhà Tống ngài Đại Giác Liên Hòa thượng, trụ trì chùa Dục Vương, nhân có hai ông thầy giành tài lợi của người thí chủ cúng. Người Chủ sự không thể quyết đoán được. Ngài Đại Giác kêu đến quở trách : Ngày xưa ông Bao Công trấn nhậm đất Khai Phong, trong nhân dân có người tự trình bày một trăm lượng bạch kim và nói : : Người gởi cho tôi đã chết rồi bây giờ tôi muốn trả lại cho nhà đó, nhưng người con nhà đó không nhận, mong ông đòi người con nhà đó để trả giúp cho”. Ông Bao Công khen ngợi chuyện lạ (chuyện chưa từng có). Liền đòi người con nhà đó bảo lấy lại, nhưng người con nhà đó vẫn từ chối không chịu nhận và nói rằng : “Trước kia ngày cha tôi còn sống, không có bạch kim riêng gởi cho nhà khác”. Hai người vẫn nhường cho nhau mãi. Đã lâu, ông Bao Công bất đắc dĩ, mới lấy đem trao cho các Tự quán trong thành, nhờ làm việc minh phước để cầu siêu cho người chết. Chính mắt ta xem thấy việc đó, họ là người ở trong cảnh trần lao, còn được xa tài lợi và mến ân nghĩa như thế; huống các người là đệ tử Phật, lại còn không biết việc liêm sỉ như vậy hay sao ? Rồi ngài y theo pháp của Tòng lâm mà đuổi đi. LỜI PHỤ.- Bị tẫn : Là bị đuổi. Bạch kim : Bạc

PHAÀN I 139

Minh phước : Là làm việc phước để cầu siêu độ cho vong giả thoát khỏi sự giam cầm ở chốn minh phủ. Chủ sự : Là ông Tri sự đứng ra phân phát của người Thí chủ dâng cúng

cho chúng Tăng. Quyết đoán : Là xử đoán giải quyết một việc gì cho rành rẽ. Phép Tòng lâm : Là kỷ luật của nhà chùa. Liêm sỉ : Người biết thanh liêm, biết xấu biết hổ; trái lại với người không biết xấu hổ, là kẻ không thanh liêm. Thanh liêm : Là trong sạch vậy. Vong giả : Là người đã chết rồi vậy.

140 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 79 TỰ CAM ĐẠM BẠC

Đời nhà Tống, ngài Ngũ Tổ hiệu Pháp Diễn Thiền sư nói : Sư ông tôi trước kia ở xứ Dương Kỳ, trong một cái nhà đã dột, cột xiêu, chỉ che gió che mưa, gặp lúc đêm Đông, tuyết rơi xuống ướt giường, ở không yên một chỗ nào. Có kẻ nạp tử tâm thành muốn sửa sang lại, Sư ông tôi từ chối nói : "Đức Phật ta có dạy : Thời nay nhằm về kiếp giảm, dù núi cao hang thẳm còn phải đổi dời không chừng, đâu được muốn cho hoàn toàn như ý, tự cầu vừa đủ. Chúng ngươi là kẻ xuất gia học đạo, buông tay chân bước đi chưa vững, là đã đến năm mươi tuổi đầu rồi, đâu có thì giờ rỗi mà lo việc (công phu) sửa sang nhà cửa cho tốt đẹp ư ?". Rốt cuộc Sư ông không nghe theo; sáng ngày Sư ông lên giảng đường ngâm kệ rằng : "Đất Dương Kỳ tạm ở nhà vách thưa, đầy giường đều rải tuyết như mưa; rút cổ co giò âm thầm tủi, trực nhớ người xưa thế cũng thừa". (Bài kệ này không lấy bình trắc). LỜI PHỤ.- Nạp tử : Là người mặc áo vá (áo bá nạp) vì ngày xưa người tu, lượm những giẻ rách người ta bỏ, chầm vá che thân hình có nhiều điều kiện : 1- Vì đã nhận thấy thân này giả dối, nhưng không hủy hoại nó, nên chỉ che thân hình cho vừa kín ấm, mượn cái thân để hành đạo, cũng như mượn cái nhà để làm việc. 2- Mặc như thế là để bẻ dẹp lòng se sua, tâm chấp ngã…

PHAÀN I 141

3- Và mặc như thế, là để bớt cái tâm giữ của, sợ trộm cắp lấy, nên gọi là đồ mặc giải thoát… Chữ Nạp tử : Ý nói kẻ bần đạo là lời khiêm nhường. Chữ bần ở đây là nghĩa nghèo, là nghèo sự ham muốn cũng như không ham muốn những sự ngũ dục ở đời… Bần đạo là người thực hành theo đạo thì không còn ham muốn danh lợi theo thế gian, cũng gọi người thanh liêm hay thanh tịnh.

142 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 80 LẬP CHÍ LÂU BỀN

Đời nhà Tống ở đất Phù Sơn có ngài Pháp Viễn Thiền sư nói : Vả như trong trời đất, quả có vật dễ sanh, nhưng một ngày thì nắng mà mười ngày lại mưa, cũng chưa từng thấy nó có thể sanh được. Huống chi đạo mầu Vô thượng nó rực rỡ ở trong tâm mục của chúng ta, vẫn không phải khó thấy, chỉ cần lập chí cho bền, làm cho đắc lực, thì khi đi, khi ngồi, đứng cũng có thể đợi chờ. Còn như hoặc một ngày tin, mà mười ngày nghi đó, buổi mai thì siêng mà buổi chiều lại biếng nhác, như thế đâu không ở trước mắt khó thấy, mà ta e cho trọn đời cũng hỏng nữa vậy. LỜI PHỤ.- Trong trời đất cũng như trong vũ trụ. Đạo mầu rỡ rỡ trong tâm mục là ý nói trong mỗi người ai cũng vẫn sẵn có Phật tánh, nhưng có siêng tu mới thành Phật. Còn biếng nhác thì Phật tánh tuy vẫn có, nhưng luân hồi nghiệp quả phải mang. Bởi vậy, ta với Đức Phật Thích Ca cũng đồng

thời có, mà Đức Thích Ca Ngài thành Phật đã bao giờ, còn chúng ta bao giờ cũng còn mang lớp chúng sanh, si mê lầm lạc, là vì chúng ta biếng tu nhác học vậy.

PHẦN THỨ NHỨT - HẾT

SƠ ĐẲNG PHẬT HỌC
GIÁO KHOA THƯ
PHẦN II
BÀI THỨ 1
NĂM GIÁNG SANH CỦA ĐỨC THÍCH CA,
KHỔNG TỬ VÀ GIA TÔ

Thời kỳ Đức Phật giáng sanh, người ta thường bảo nhằm năm thứ 26 vua Chiêu Vương đời nhà Châu (tức là trước Dân Quốc kỷ nguyên 2938 năm (nước Hán). Song, y theo bộ Thánh Chúng Điểm Ký mà suy tính thì trước Dân Quốc kỷ nguyên 2476 năm. Gần đây, người nước Anh ở Ấn Độ đào được một trụ đá của vua A-dục, cứ theo trong năm đời đó đã khắc mà suy tính thì cũng đúng như trong bộ Thánh Chúng Điểm Ký đã nói. Thế nên biết thời kỳ Phật giáng sanh, chắc nhằm trước Dân Quốc kỷ nguyên 2476 năm, vào ngày mùng 8 tháng 4 vậy. LỜI PHỤ.- Kỷ nguyên : Nguyên văn là : Dân nguyên. Chữ Dân là Dân quốc hay Dân chủ. Chữ Nguyên là Nguyên niên, là năm đầu, tức là năm đầu của chế độ dân chủ bên Trung Hoa. Chúng Thánh Điểm Ký : Là các hàng đại đệ tử của Phật, có một cuốn tập để ghi cho nhớ, từ lúc Phật giáng sanh cho đến khi nhập diệt và về sau nữa, cứ qua một



năm là lật bộ sổ ra chấm vào trong đó một chấm, để cộng số Phật lịch là bao nhiêu năm v.v... (mấy năm gần đây thì theo Phật lịch của Phật giáo Quốc tế v.v...) .



BÀI THỨ 2

Kế đây, lại nói rõ năm giáng sanh của đức Khổng Tử là trước Dân Quốc kỷ nguyên 2463 năm. Xem đó, đủ biết hai vị Thánh phương Đông và phương Tây vẫn đồng ra đời một thuở v.v... Ngày mà đức Khổng Tử ở chốn Hạnh Đàn (Hán) mở mang giáo hóa, chính là thời Đức Thích Ca ngự tại vườn Lộc Uyển bên nước Xá Vệ chuyển đại Pháp luân. Kịp đến đời sau, khi ngài Ma Đằng và ngài Trúc Pháp Lan ở Ấn Độ đến Trung Hoa năm ấy, chính là trước Dân Quốc kỷ nguyên 1844 năm. Còn thời kỳ đức Gia-tô giáng sanh, cũng trước Dân Quốc kỷ nguyên 1911 năm. Như thế, cách nhau không xa, cũng đồng ra đời một thuở. Thì Phật giáo đối với Gia-tô giáo và Khổng giáo đâu không quan hệ lẫn nhau ? LỜI PHỤ.- Hạnh Đàn : Là Hạnh lâm (rừng cây hạnh) cũng là tên của một xứ sở của đức Thánh Phu Tử giảng giáo cho đồ đệ. Lộc uyển : Là chỗ vườn xưa kia các nhà vua để nuôi loài Lộc. Cũng gọi là Lộc Giã, là tên một xứ sở bên nước Ấn Độ. Sau khi Đức Phật thành đạo, đến giảng dạy pháp Tứ đế cho năm anh em Kiều-trần-như tại đó. Chuyển đại pháp luân : Chữ Luân là bánh xe cũng như chiếc xe có bánh chuyên chở hành khách, từ chỗ này đến chỗ kia. Nay nói chuyển đại Pháp luân là đem bánh

xe Chánh pháp Đại thừa của Phật mà tuyên truyền chỗ này chỗ khác, xứ nọ xứ kia, để cho mọi người đều được giác ngộ, đều được giải thoát v.v... Hai vị Thánh Đông, Tây : Tây là Tây càn, là gốc trời bên Tây, hướng mặt trời lặn, ở về xứ Ấn Độ, là xứ của Đức Thích Tôn ở; Đông là Đông chấn, là hướng mặt trời mọc, chỉ cho nước Hán ở hướng Đông, là nước của Khổng Tử giảng đạo; đây cũng là phương hướng tương đối mượn mà kêu thôi, chớ chẳng có thiệt nghĩa. Như Kinh Lăng Nghiêm nói : Cặm một cây nêu, qua hướng Đông ngó, thì cây nêu ở về hướng Tây, qua hướng Nam xem thì cây nêu ấy chạy về hướng Bắc v.v...

PHAÀN II 147

BÀI THỨ 3 NÓI VỀ BỘ CHÚNG THÁNH ĐIỂM KÝ

Đời nhà Lương có kẻ ẩn sĩ tên là Triệu Bá Hưu. Một hôm ở tại Lô Sơn gặp vị Sa-môn tên là Hoằng Độ. Ông được bộ Chúng Thánh Điểm Ký, trong ấy nói : Sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ưu-ba-ly kiết tập Luật tạng, năm ấy ngày Rằm tháng Bảy sau khi tự tứ xong; đối trước Luật tạng chấm một chấm, năm nào năm nào cũng như thế. Từ ngài Ưu-ba-ly về sau thầy trò nối nhau, cho đến ngài Tăng-già Bạc-đà-la, khi ngài này đem bộ luật Thiện Kiến đến xứ Quảng Châu, năm ấy nhằm năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Minh nước Tề, năm Canh Ngọ, ngày Rằm tháng Bảy, sau khi tự tứ xong, cũng chấm xuống một chấm; và năm đó cộng được 975 chấm. Ông Bá Hưu hỏi rằng : Từ niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy về sau, vì sao mà không chấm ? Ngài Hoằng Độ trả lời : Về trước đều là tay của bậc Thánh giả chấm xuống, còn chúng ta là phàm phu, chỉ có thể phụng trì mà thôi. Ông Bá Hưu cứ theo bộ Điểm Ký ấy, suy tính đến năm thứ 9, niên hiệu Đại Đồng nhà Lương, cộng được 1218 năm. LỜI PHỤ.- Ngày Tự tứ : Tức là ngày mãn hạ. Tứ tự có nghĩa là tùy ý; là tùy ý chúng Tăng chỉ cho ta ba điều lỗi



: Thấy, nghe, nghi để ta nghiệm xét lại trong ba tháng hạ có lỗi về điều nào, để sám hối cho được thanh tịnh, đặng lãnh thọ một tuổi đạo. Người đời chỉ lỗi, thì giận hờn, mà trái lại người tu thì muốn cho mình được thanh tịnh, nên ai chỉ lỗi thì đều hoan hỷ, và sửa đổi những lỗi lầm, trở thành người tốt trong sạch. Cũng như vua Thang nghe ai nói lời lành thì lạy. Vua Võ nghe ai chỉ lỗi thì liền cải quá tự tâm. Chúng ta thường khi thấy ai chỉ lỗi chẳng những không cải quá mà còn oán thù nữa là khác. Nếu kẻ xuất gia mà còn oán hận như thế, thù hiềm như thế, thời chưa phải người nhẫn nhục và tinh tấn.

PHAÀN II 149

BÀI THỨ 4 PHẬT NHIÊN ĐĂNG THỌ KÝ

Trong Kinh Nhân Quả nói : Đời quá khứ, thời kỳ Đức Phật Nhiên Đăng, có một người tiên tên là Thiện Huệ; thấy kẻ thanh y nhà vua, cầm bảy cành hoa sen đi qua, với hỏi : Hoa ấy có bán không ? Kẻ ấy trả lời : Tôi sẽ đem đến cung vua muốn để dâng cúng Phật. Ông Thiện Huệ liền dùng năm trăm đồng tiền mua năm cành hoa sen để dâng cúng Phật. Kẻ thanh y vâng lịnh và gởi thêm hai cái hoa sen nữa cũng để dâng cúng

Phật. Sau đó, khi vua và đại thần lạy Phật rải hoa, hoa đều rơi xuống đất, còn năm cành hoa của ông Thiện Huệ đều đứng vững giữa không trung và hóa thành đài hoa sen. Còn hai cái rải sau, thì đứng ở hai bên Phật. Phật tán thán ông Thiện Huệ : Ngươi trải qua vô số kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

LỜI PHỤ.- Thanh y : Áo xanh, những kẻ hầu hạ trong cung, thường cho mặc áo xanh, nên gọi những hạng đó là Thanh y, cũng như người thế gian thường ưa mặc áo trắng, gọi là người Bạch y v.v...



BÀI THỨ 5 PHÁT NGUYỆN THÀNH PHẬT

Thuở đó, ông Thiện Huệ thấy một dải đất ướt át dơ nhớp, liền cởi áo Lộc bì dùng để lót đất và trải tóc phủ lên thêm, cho êm đợi Phật đi qua. Khi Phật đi ngang qua, Ngài thọ ký cho rằng : "Ngươi qua đời sau sẽ làm Phật và sẽ ở trong đời ngũ trược ác thế độ cho các chúng sanh cõi trời người". Khi đó, ông Thiện Huệ cầu Phật xuất gia. Phật dạy : "Hay thay ! Đến đây Tỳ-kheo !". Và cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca sa, liền thành bậc Sa-môn. Ông Thiện Huệ liền chắp tay đọc bài kệ để khen ngợi Phật : "Nay con thấy Phật dìu dắt thế gian, nay con nhờ Ngài khai huệ nhãn, nay con được Ngài nói pháp thanh tịnh, nay con nhờ Ngài mà được xa lìa tất cả tham đắm. Ngày nay được gặp đấng Thiên Nhơn Tôn, nay con được pháp Vô sanh, nguyện sau này con được chứng quả, phước huệ đầy đủ như đấng Lưỡng Túc Tôn !". LỜI PHỤ.- Áo Lộc bì : Là thứ áo làm bằng da nai. Ngũ trược : Là Kiếp trược, Kiến trược, Phiền não trược, Chúng sanh trược và Mạng trược. Trược là : Nhiễm ô nhơ nhớp, dơ đục tam tánh, chẳng được sáng suốt. Ca-sa : Áo nhuộm màu hoại sắc. Thiên Nhơn Tôn : Là bậc Thầy cõi người, cõi trời. Lưỡng Túc Tôn : Là phước và huệ đầy đủ.



Chữ Tôn là tôn trọng hay chữ Tôn là lớn. Ở trong loài người thì làm lớn trong loài người. Ở loài trời thì làm lớn trong loài trời. Cho đến ở trong hàng Thanh- văn, Duyên-giác và Bồ-tát cũng lại như thế.



BÀI THỨ 6 ĐẢN SANH DƯỚI GỐC CÂY

Trong Kinh Bổn Hạnh có nói : Bà Ma-gia Thánh mẫu khi mang thai sắp đủ mười tháng, lúc gần sanh, dắt các thể nữ dạo chơi trong vườn hoa Lâm-tỳ-ni, trên đất đại cát tường, thong thả dạo bước, xem coi mọi chỗ. Trong vườn đó có cây Đại thọ tên là Ba-la-xoa, nhánh lá mềm mại sà xuống, bà Phu nhơn liền đưa tay bên hữu, vịn lấy cành cây, liền sanh Thái tử, phóng ra hào quang rực rỡ; khi đó các cõi trời và trong thế gian, thảy đều soi khắp. Bấy giờ, trời Thiên Đế Thích liền đem áo Kiều-thica, là một thứ áo rất tế diệu trên trời, quấn vào tay mình, để nâng đỡ Thái tử. LỜI PHỤ.- Đản sanh : Cũng như giáng sanh. Thể nữ : Tức là cung nữ, những con gái hầu trong cung vua.

BÀI THỨ 7 BÀ DI MẪU NUÔI NẤNG

Bấy giờ, Thái tử đã đản sanh vừa được bảy ngày; thì bà Ma-gia phu nhơn, thân hình gầy ốm, rồi thì mạng chung, liền đặng sanh lên cõi trời Đao Lợi. Vua Tịnh Phạn liền đem Thái tử phó thác cho Di mẫu là bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề và bảo : "Người là Di mẫu của Thái tử phải nên nuôi nấng và khéo trông nom giữ gìn". Lúc bấy giờ, bà Di mẫu kính vâng lời sắc của vua, không dám trái cãi, nuôi nấng Thái tử cho đến khi trưởng thành. LỜI PHỤ.- Di mẫu : Di là dì, Mẫu là mẹ. Như chị hay em gái của mẹ, ta gọi là dì. Người đời thường gọi dì như mẹ; chú như cha, là lấy đồng thể tạm nói thôi. Ở đây nói Di mẫu là dì cũng là mẹ nuôi của Thái tử Sĩ-đạt-ta, chúng ta là đệ tử của Phật cũng bắt chước kêu là Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề.

154 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 8 HỌC TẬP THƠ SỐ

Thái tử sắp lên học đường, ông Tỳ-xa-bà-mật-đa-la; ở xa trông thấy Thái tử, liền đứng dậy làm lễ, tự biết hổ thẹn. Thái tử hỏi : Sách phạm, sách tiên có tới sáu mươi bốn thứ, chưa biết Tôn sư dạy tôi thứ nào ? Khi đó, ông Tỳ-xa-bà nghe nói tên sách, lại càng ôm lòng hổ thẹn, liền dẹp hẳn tánh cao mạn, và nói một bài kệ khen ngợi rằng : Thiệt là người trí huệ thanh tịnh hiếm có, khéo thuận theo các pháp của thế gian; chính mình đã thông thạo hết cả kinh luận, lại còn đến vào trong học đường của tôi, nhưng tên sách như vậy tôi chưa từng biết, ông nay thảy đều đọc tụng được; đó là bậc đại Tôn sư của cõi người cõi trời, nay lại còn muốn tìm học nơi thầy.

PHAÀN II 155

BÀI THỨ 9 TẬP THAO DIỄN VÕ NGHỆ

Bấy giờ vua Tịnh Phạn hỏi các quan Đại thần, ai biết chỗ nào có thầy dạy được nghề võ ? Một Đại thần tâu : Có ông Sằn-đề-đề-bà có thể dạy pháp binh nhung cho Thái tử, chỗ hiểu biết của ông, trong hai mươi chín món ông đều thông thạo. Vua nghe rồi mới sắc chỉ cho ông Đề-bà vào trong vườn dạy nghề võ. Thái tử thấy rồi, thảy đều bỏ qua; bảo rằng tôi đã tự hiểu, khỏi phải học lại... Khi đó, ông Sằn-đề phải dạy cho các người khác trong giòng họ Thích. LỜI PHỤ.- Binh nhung : Cũng là nghề võ, những phép trong khi giàn binh trận, chỉa mũi giáo để đánh giặc.

156 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 10 CÁC VƯƠNG TỬ ĐẤU SỨC

Một bữa nọ, vua Tịnh Phạn và Đại thần Ta-ha-đề-bà, bảo với các đồng tử trong giòng họ Thích rằng : Ở trong nghề võ, ai giỏi hơn hết ? Thì Đề-bà-đạt-đa, bắn lủng ba cái trống (trong một mũi tên). Nan-đà tiếp bắn cũng lủng ba cái trống (trong một mũi tên). Có một ông quan dâng một cây cung, Thái tử thử sức cung chê yếu, rồi bảo lấy cung cho thật tốt. Thái tử kéo mạnh đưa ngang ngực mà bắn, thì lủng luôn bảy cái trống bằng sắt và mũi tên bay đi xa mười Câu-lô-xá, kế đó lại lập bày một hàng heo sắt, Thái Tử bắn một mũi tên, cũng lủng luôn bảy con heo bằng sắt và tên kia ghim vào đất, liền thành

một cái giếng sâu; nên ngày nay nhân dân thường gọi chỗ đó là giếng tiên. LỜI PHU.- Câu-lô-xá : Trong Luận Tỳ Đàm nói : Bốn cánh trỏ là một cây cung, năm trăm cây cung là một Câu-lô-xá, nay gọi là hai dặm; tám Câu-lô-xá gọi là một Do-tuần. Một do-tuần nay gọi là mười sáu dặm. Nói một dặm không nhứt định, có chỗ nói đứng xa ngó con trâu bằng con dê, là một dặm v.v... ước cỡ chừng trên dưới một cây số ngàn bây giờ. Một mũi tên bắn lủng bảy con heo bằng sắt. Hỏi : Một mũi tên như thế này mà bắn lủng bảy con heo bằng sắt, còn ghim vào đất sâu thành cái giếng ... ? Đáp...( ? ? ?)

PHAÀN II 157

158 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 11 DẠO XEM CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG

Trong Kinh Phổ Diệu nói : Khi ấy Thái Tử tuổi đã trưởng thành, thưa với Phụ vương, cùng quần thần để dạo chơi trong làng xóm, xem người đánh trâu cày, việc làm mệt nhọc, thấy mỗi khi cày đất lật lên, các loại trùng theo đất nhoi ra, rồi lại có bao nhiêu chim quạ tìm theo ăn; Thái tử thấy thế phát khởi tâm từ bi, thương cho người đời, Ngài ôm lòng lo sợ, bồi hồi không yên, mạng người quá ngắn, lo sợ không lường, ngày tháng trôi qua, một hơi thở ra mà không tiếp vào, thì đã qua đời khác. Trong cõi trời, cõi người, những nỗi khổ trước sau trong ba đường ác không chép hết được; sự sanh tử trong năm thú xoay vần không cùng, chìm đắm mãi mà nào có hay có biết, sự đau đớn thật là khó dụ... Ngài lại thấy trong vườn có cây đại thọ Diêm-phù nhánh lá sum suê, Ngài lại kiết-già dưới gốc cây ấy, chuyên lòng thiền định tư duy, lấy pháp Tam muội chánh thọ làm bậc nhứt. LỜI PHỤ.- Thái tử ra dạo chơi bốn cửa thành, thấy cảnh người già, bệnh, chết, mà trực nhớ lại mình, dù hưởng ngai vàng sung sướng tột bậc, rốt cuộc cũng không sao tránh khỏi cảnh như trên. Xét mình rồi nghĩ đến người cũng thế, không ai tránh khỏi. Nên động mối từ tâm, đâm ra chí hướng xuất gia, tìm đạo giải thoát, để đem lại sự giải thoát cho mọi loài : thấy cái khổ về thân

PHAÀN II 159

tuy là khổ; song cái khổ về tinh thần lại càng nguy ngập hơn, như đói cơm rách áo, có thể còn sống được vài ngày, nhưng có những việc khẩn bách về tinh thần chỉ trong vài phút đã thấy quyên sinh... Kiết-già : Hai lưng bàn chân để lên hai bắp vế, lưng tay mặt chồng trong lòng bàn tay trái, hai đầu ngón tay cái đụng nhau, để trên chỗ giáp mí hai gót chân, ngay dưới rún, ngồi ngay thẳng, hơi thở điều hòa, mắt thì hơi nhắm, tâm không loạn tưởng, đó là nói sơ qua cách ngồi, còn cách quán tưởng và cách định, xin đợi chỗ khác sẽ giải rõ, ở đây không tiện chép nhiều. “Kiết-già và Ấn tam muội xin học riêng, chớ đây không rõ”.

160 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 12 GIỮA ĐƯỜNG GẶP MỘT NGƯỜI GIÀ

Trong Kinh Bổn Hạnh nói : Bấy giờ, Thái tử từ cửa thành phía Đông đi ra, thấy một người già lụm khụm, tóc bạc như tuyết, bốn vóc run rẩy, bước đi không vững, chỉ nhờ sức cây gậy, người tướng mạo như thế, cứ trước mặt Thái tử thuận đường mà đi. Thái

tử thấy thân thể của ông già kia quá đỗi ốm o suy nhược, trong lòng thương xót và bảo người đánh xe (Xa-nặc) rằng : Ta nay không muốn đến trong vườn cây để dạo chơi, phải quay xe về gấp. Khi Ngài đã vào trong cung, lòng tự nghĩ rằng : Phải tìm phương tiện gì, để thoát cái tướng già yếu kia ? !

PHAÀN II 161

BÀI THỨ 13 GIỮA ĐƯỜNG THẤY NGƯỜI BỆNH NẰM

Một hôm, Thái tử ngồi xe ra chơi, thấy một người bệnh, thân mình gầy ốm, nhan sắc tiều tụy (sắc mặt võ vàng) hơi thở yếu ớt, tánh mạng chỉ còn trong giây lát. Ngài hỏi người đánh xe rằng : Đây là người nào ? Người đánh xe trả lời : Đó là người bệnh, oai đức đã hết, cùng khốn không còn sức, giờ chết sắp đến, không chỗ nương tựa. Thái tử nghe rồi, tự nghĩ thân này, cũng không khỏi bệnh ấy, khó mà yên ổn, liền bảo trở về cung. Ngài lặng ngồi suy nghĩ, chăm lòng buộc niệm muốn khỏi khổ ấy v.v...

162 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 14 GIỮA ĐƯỜNG THẤY MỘT THÂY CHẾT

Có một hôm nọ, Thái Tử ra dạo chơi đi giữa đường thấy một thây chết; Ngài hỏi vị Đại thần rằng : Đó là vật gì ? Đại thần tâu rằng : Đó là người đã chết, cũng đồng như cây, đá, bỏ hết bà con thân thuộc họ hàng, và tất cả người quen biết, chỉ còn tinh thần, tự đi đến đời sau, không còn thấy cha, mẹ, vợ, con, anh, em, và bà con. Nghĩa là người đó với bà con bị sự sống chết làm chia rẽ (biệt ly) nên không thấy lại nữa. Thái tử nghe xong, trong lòng rất thương xót, Ngài lại nghĩ tất cả người đời, không phân biệt kẻ sang người hèn, không lựa chọn kẻ hiền người ngu; đều không tránh khỏi cái chết, suy nghĩ rồi bỏ đi...

PHAÀN II 163

BÀI THỨ 15 VƯỢT THÀNH ĐI XUẤT GIA

Trong Kinh Trang Nghiêm nói : Bấy giờ, Bồ-tát (Thái tử) ở trong điện âm nhạc ngồi ngay thẳng suy nghĩ : Các Đức Phật về đời quá khứ, Ngài nào cũng phát bốn lời đại nguyện : 1- Nguyện ta đời sau chứng được pháp tánh, đối với các pháp được tự tại, được làm vua trong tất cả pháp; đem trí huệ tinh tấn, cứu vớt chúng sanh bị ràng buộc trong vòng khổ não của ba cõi, là do lòng ân ái nhiều đời. 2- Có những chúng sanh, mắc phải rừng sầu tối đen của sanh tử này, sợ họ ngu si bị vô minh chóa mắt; ta dùng pháp Không, pháp Vô tướng, pháp Vô nguyện, để làm đèn soi sáng, làm liều thuốc trị lành hết những chứng bệnh tối lầm, trừ những nghiệp chướng nặng nề của họ, thành tựu được những trí môn phương tiện như thế. 3- Nếu có chúng sanh nào, móng lòng cao mạn khởi lên những tâm tưởng chấp trước, ngã và ngã sở, những kẻ chấp trước sai lầm đó, ta sẽ vì họ nói Chánh pháp; để cho họ được giác ngộ.

164 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 16 (tiếp theo)

4- Thấy những chúng sanh ở chỗ không tịch tịnh, trôi lăn trong ba đời, như vòng lửa quây, cũng như cuộn tơ rối, tự trói, tự buộc; ta sẽ vì kia mà nói pháp, để cho được giải thoát. Suy nghĩ xong, Thái tử bảo Xa-nặc rằng : Ngươi nên thắng con ngựa Kiền-trắc đem đến đây. Xa-nặc tâu : Bây giờ mới nửa đêm, khớp ngựa để làm gì ? Thái tử lại bảo : Ta nay muốn xuất gia ngươi đừng trái ý ta. Xa-nặc khớp ngựa xong. Thái tử liền cỡi lên vượt thành mà ra, Ngài đến chỗ tiên Bạc-đà đang tu khổ hạnh trong rừng liền xuống ngựa ngồi ngay thẳng...

PHAÀN II 165

BÀI THỨ 17 GẠN HỎI CÁC VỊ TIÊN TU TRONG RỪNG

Trong Kinh Nhân Quả nói : Bấy giờ, Thái tử đến trong rừng của vị tiên Bạc-đà. Vị tiên ấy ở xa thấy Thái tử, tưởng đó là vị Thiên thần, rồi cùng các đồ đệ ra đón tiếp và mời ngồi. Thái tử xem xét tướng mạo của các vị tiên, hoặc có người mặc áo bằng cỏ mềm; hoặc có người mặc áo bằng lá cây, dùng các thứ đó làm y phục; hoặc ăn hoa, quả, rau rác; hoặc ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, ba ngày một bữa; hoặc thờ nước, thờ lửa; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng; hoặc đứng có một chân, hoặc nằm trên đất bụi, chông gai; hoặc nằm bên nước lửa v.v... Thái tử hỏi lý do. Các vị tiên trả lời : Vì muốn sanh lên cõi trời. Thái tử bảo các vị tiên rằng : Các cõi trời tuy vui sướng, nhưng phước hết phải sa vào vòng luân hồi sáu đạo, rốt cuộc cũng phải chịu khổ. Nay ta học đạo, là vì để dứt hết gốc khổ. Thái tử cùng các vị tiên bàn bạc những điều này, nói qua nói lại đã nhiều phen, cho đến khi mặt trời đã lặn. Thái tử liền ở lại nghỉ một đêm, sáng ngày mới đi qua nơi khác...

166 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 18 HÀNG PHỤC HAI VỊ TIÊN

Thái tử đi đến chỗ ông A-la-la, Ngài hỏi rằng : Cội gốc sanh tử làm thế nào mới dứt được ? Vị tiên trả lời : Phải trì giới, nhẫn nhục, và tu pháp thiền định mà còn có giác có quán, thì được lên Sơ thiền; trừ hết giác quán, thiền định sanh vào hỷ tâm, thì được lên Nhị thiền; bỏ hỷ tâm, được chánh niệm, đủ lạc thọ thì được Tam thiền; dứt hết khổ vui, được tịnh niệm, nhập vào xả thọ, thì được Tứ thiền và được phước báu sanh lên cõi trời Vô tưởng. Như thế, cho đến được quả báo Phi tưởng và Phi phi tưởng, đến đó là tột, liền được quả Giải thoát. Thái tử hỏi : Cõi Phật phi tưởng là còn có Ngã ư ? Hay là không ngã ư ? Nếu bảo là không Ngã, thì không nên nói là Phi tưởng và Phi phi tưởng (Vì đã vô ngã rồi kia mà). Còn nếu bảo rằng : Có Ngã, thì Ngã đó là có biết ? Hay Ngã đó là không biết ? Ngã đó nếu không biết (không có tánh biết) thời đồng như loài cỏ cây; còn như Ngã đó mà có biết, thì có phan duyên; đã có phan duyên thì có sự nhiễm trước; mà đã có sự nhiễm trước thì cố nhiên chưa phải quả giải thoát...

PHAÀN II 167

BÀI THỨ 19 (tiếp theo)

Song, về phần thô kiết tuy ông đã hết, nhưng về phần tế kiết kia vẫn còn, thế mà ông không biết. Do vì duyên cớ ấy, mà ông tưởng là đã cứu cánh (rốt ráo). Nếu tế kiết phiền

não khi trưởng thành, thì lại phải sanh xuống (đầu thai sanh trở lại cõi Dục giới). Do vì duyên cớ ấy, nên chưa phải là đã qua bờ bên kia (bờ giải thoát). Còn như trừ được cái ngã và ngã tưởng, tất cả đều xả hết, thì đó mới gọi là chơn giải thoát vậy. Các vị tiên ngồi yên lặng tâm tự suy nghĩ những lời Thái tử nói hết sức nhiệm mầu. Khi đó, Thái Tử vì cầu thắng pháp, nên từ biệt mà đi. Các vị tiên thưa : Nếu ông được thành đạo, xin độ tôi trước. Thái tử đáp : Lành thay ! Kế đó Ngài tới chỗ ở của ông Gia-lang, luận nghị vấn đáp, cũng vẫn như thế... Thái tử bèn từ tạ mà đi, vị tiên ấy tiễn đưa cho đến khi hết thấy dạng mới trở về.

168 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 20 SÁU NĂM TU KHỔ HẠNH

Trong Kinh Phổ Diệu nói : Bấy giờ, Thái tử suy nghĩ như vầy : Phải trải qua trong sáu năm, thị hiện những việc đại cần khổ và tu hành hết sức tinh tấn. Nhân đó, ngài thị hiện tu định Tứ thiền, đếm hơi thở ra thở vào, là cho tâm ý được mở mang, không tưởng không niệm, không có hy vọng, cốt để thu nhiếp tâm niệm, lòng không nương tựa. Muốn hiện ra trong thế gian, để khai hóa cho kẻ ngoại học (học theo ngoại đạo). Biết bao nhiêu phẩm pháp, để chỉ dạy hàng chư Thiên, nói rõ chỗ tội phước, và rạch ròi quả báo công đức. Ngài thị hiện thân, khẩu, ý, phải tu hành thanh tịnh; mỗi ngày ăn một hột mè, một hột đậu trong sáu năm; Ngài tu tập hạnh cần khổ, không ai sánh kịp...

PHAÀN II 169

BÀI THỨ 21 (tiếp theo)

Trong sáu năm trường, Ngài ngồi kiết già, những oai nghi lui tới, chưa từng có thiếu sót, cũng không có gì che lợp, không tránh gió mưa, không đứng dậy kinh hành, và đại tiểu tiện cúi ngước, oai nghi lui tới, thân không nương tựa, không kể lạnh nóng, thoạt vậy vững ngồi, nếu gặp các tai nạn, chưa từng đưa tay để che đỡ, các căn không rối loạn, tâm không sợ hãi... Những kẻ chăn ngựa hái củi, đi ngang qua làm nổi bụi, cũng không lấy làm tức bực. Nếu bị ném những cỏ cây, không biết đau nhức, cũng không bỏ đi, hàng Thiên long, Bát bộ, mắt họ tự thấy công đức của vị Bồ-tát, đạo đức cao vọi, thường qua lại bên Ngài để cúng dường phụng sự, Thái tử ngồi thiền định sáu năm, thị hiện chuyên cần tu khổ hạnh, để dạy vẽ giáo hóa cho các hàng Nhơn, Thiên v.v... lập thành ba thừa. Vì duyên cớ ấy, nên Ngài phải ngồi sáu năm...

170 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 22 NÀNG MỤC NỮ DÂNG SỮA

Bấy giờ, Thái tử tự suy nghĩ : Ta nay ở trong non Già-xà sơn, thị hiện tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hột mè, một hột đậu, thân hình gầy ốm cũng như cây khô, tu hành cần khổ nay đã đủ sáu năm rồi, nếu ta đem thân gầy ốm này để chứng đạo; thì các hàng ngoại đạo kia, họ sẽ nói sự nhịn đói là nhân của Bồ-đề. Ngày nay thân thể của ta, tuy được đầy đủ sức lực như trời Na-la-diên đi nữa, nhưng cũng không lấy đó để chứng đạo quả. Ta nay phải ăn uống lại, vậy sau có thể độ sanh, Ngài sống như thế rồi mới đi đến bên sông Ni-liên ngồi giữa khoảng đất trống. Lúc đó ngoài rừng có hai người Mục ngưu

nữ (hai nàng chăn trâu) một nàng tên là Nan-đà và nàng thứ hai tên là Ba-la. Bấy giờ, chư Thiên ở cõi trời Tịnh Cư khuyến khích hai nàng chăn trâu rằng : Thái tử hiện ở trong rừng các người nên cúng dường...

PHAÀN II 171

BÀI THỨ 23 (tiếp theo)

Nàng chăn trâu nghe xong, trong lòng rất vui vẻ; liền lựa những con trâu cái cho mập mạnh, rồi dắt xuống sông tắm rửa, chính tay mình nặn lấy sữa tốt, và đúng pháp để chưng nấu rồi dùng toàn sữa bột, đựng đầy cái bát bằng vàng, đem đến chỗ Thái tử, cúi đầu lạy dưới chân Ngài để dâng cúng. Thái tử bèn lãnh vật cúng dường của nàng ấy, rồi chú nguyện rằng : Nay người đem cho thức ăn, muốn cho người ăn, được khí lực đầy đủ (sức khỏe). Vậy ta phải làm cho người được đầy đủ sắc lực (sắc đẹp và sức khỏe) và được hỷ xả, an vui không bệnh, được hoàn toàn sống lâu, trí huệ đầy đủ. Ngài bèn nói như vậy : "Ta vì độ thoát cho tất cả chúng sanh, nên mới lãnh món ăn này". Chú nguyện xong, Ngài liền thọ thực, nhận thấy thân thể tươi sáng, vui vẻ, khí lực đầy đủ, có thể chứng được đạo quả Bồ-đề.

172 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 24 NGỒI PHÁP TỌA BỒ ĐỀ

Trong Kinh Trang Nghiêm nói : Bấy giờ, Bồ-tát đến nơi trường Bồ-đề thị hiện lấy cỏ trải khắp chung quanh, oai nghi của Ngài cũng như con Sư tử vương (chúa) đầy đủ thế lực, tinh tấn vững vàng, không có những sự lỗi lầm, tôn quý tự tại trí huệ giác ngộ, có danh xưng lớn lao, hàng phục bọn ma, xô dẹp ngoại đạo, đầy đủ bao nhiêu công đức như thế. Khi Ngài sắp chứng quả Bồ-đề, thì xoay mặt về hướng Đông, ở bên trên đám tịnh thảo, tréo chân mà ngồi, vững mình chánh niệm và phát lời đại nguyện rằng : "Ta nếu không chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề, thì thà tan nát thân này, chớ không bao giờ Ta đứng dậy khỏi pháp tọa này". Bấy giờ, Bồ-tát bước lên pháp tọa Bồ-đề, Ngài bèn chứng được pháp "Phương quảng thần thông du hý" và "Đại định Thủ lăng nghiêm" (hai pháp định tối cao chỉ có Phật chứng).

PHAÀN II 173

BÀI THỨ 25 THÀNH BẬC CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

Trong Kinh Phổ Diệu nói : Bồ-tát ngồi dưới gốc cây đa hàng phục các loài ma oán thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, dựng cờ đại Chánh pháp, độ thoát cho ba cõi. Ngài yên lặng ngồi dưới gốc cây, thị hiện tu định Tứ thiền, vì để làm con đường tắt tu học cho kẻ tương lai. Tâm ý đã thanh tịnh, thành hạnh Nhứt thiền. Yên lặng giữ một chỗ, tâm chuyên nhứt không dời đổi, thành hạnh Nhị thiền. Đã thanh tịnh thấy chỗ chơn thật, thành hạnh Tam thiền. Tâm không nương vào điều lành, cũng không nương tựa vào điều ác, không có chi khổ, vui, chánh tâm an trú vào trung gian (Trung đạo) yên lặng không dời đổi thành hành Tứ thiền; ấy là đạo Vô vi độ thế, để dứt gốc ác, không có tham, sân, si, sanh tử đã trừ, cội gốc phiền não đã đoạn, không còn gây nên tai nghiệt, việc làm đã xong, trí huệ đã tỏ, nên khi sao Mai vừa mọc, Ngài thản nhiên đại ngộ,

được đạo Vô thượng Chánh chơn là bậc Tối Chánh Giác (hoàn toàn quả Phật). Ngài chứng được mười món Trí lực, bốn món Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Đức Phật đã chứng được tất cả sự tri kiến của ý đạo, Ngài ngồi tự nghĩ rằng : "Đó là pháp chơn thật nhiệm mầu, rất khó mà chứng được vậy..."

174 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 26 (tiếp theo)

Ngày xưa Đức Phật Định Quang, thọ ký cho Ta làm Phật hiệu là Thích Ca Văn, ngày nay kết quả được thành, từ vô số kiếp, siêng, khổ, tìm cầu, đến nay mới thành được. Ngài tự nhớ lại bao nhiêu việc làm đời trước, nào là đạo đức, từ hiếu, nhân nghĩa, lễ, tín, trung tâm, chánh trực, giữ lấy chơn thật, và hết lòng học đạo Thánh, tâm ý mềm diệu, trong sạch, thực hành theo pháp Lục độ vô cùng, nào là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm (Thiền định), Trí huệ và tu bốn món tâm bình đẳng là : Từ, bi, hỷ, xả. Bốn ân tùy theo lúc mà đền đáp, nâng đỡ chúng sanh, thương như con đỏ, hầu hạ các Đức Phật, chứa dồn công đức không lường, nhiều kiếp siêng năng, chịu khó, công phu ấy thật không luống uổng.

PHAÀN II 175

BÀI THỨ 27 NGÀI LIỀN TRAO GIỚI ĐẠI THỪA

Trong Kinh Phạm Võng nói : Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mới thành bậc Chánh giác, bắt đầu Ngài kiết giới Ba-la-đề-mộc-xoa của Bồ-tát. Ngài dạy : Phải nên hiếu thuận cha mẹ và bậc Sư tăng Tam bảo. Hiếu thuận là phương pháp đi đến đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là ngăn ngừa. Ngài bèn phóng ra không lường hào quang sáng vì cả đại chúng, nói ra tất cả giới Đại thừa của chư Phật. Phật bảo các vị Bồ-tát rằng : Chúng ngươi tất cả các hàng Bồ-tát phát tâm, các Phật tử trong đại chúng, phải nên vâng giữ. Phật tử ! Hãy lóng nghe ! Nếu người thọ cấm giới của Phật, không luận là Quốc vương, Vương tử, Bá quan, Tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mười tám cõi trời Phạm thiên. Các bậc Thiên tử cõi trời Lục dục, thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, tôi tớ, Bát bộ quỷ thần, thần Kim cang, cho đến người biến hóa; nếu hiểu rõ lời nói của Pháp sư, thì đều được thọ giới...

176 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 28 ĐỘ NĂM THẦY TỲ KHEO

Trong Kinh Nhân Quả nói : Đức Thế Tôn đến nước Ba-la-nại, Ngài tìm đến chỗ năm anh em của Kiều-trần- như : Ma-ha Na-ma, Bạt-đề, A-xá, Bà-xà-bạt-đà-la-xà. Năm người ấy bất ngờ, thay đổi nhau đến hầu hạ. Phật xem căn cơ của năm người, có thể lãnh thọ được đạo pháp. Ngài dạy : Này Kiều-trần-như ! Các ông nên biết thân Ngũ ấm xí thạnh là khổ; Sanh là khổ; Già là khổ; Bệnh là khổ; Chết là khổ; Ân ái bị chia lìa là khổ; Sự oán ghét mà gặp mặt là khổ; Cầu việc gì không được là khổ và Mất sự vinh lạc là khổ. Vì tất cả chúng sanh không biết gốc khổ, nên đều phải chịu luân hồi. Này Kiều-trần-như ! Các ông, sự Khổ cần phải biết; Tập nhân cần phải đoạn; Tịch diệt cần phải chứng; Đạo pháp cần phải tu. Đức Thế Tôn kêu năm người ấy : Lành thay ! Đến đây các Tỳ-kheo. Thì các

ông ấy tóc râu tự rụng (tự cạo) áo casa mặc vào mình, liền thành Sa-môn...

PHAÀN II 177

BÀI THỨ 29 (tiếp theo)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi năm người ấy (Kiều-trầnnhư v.v...) : Tỳ-kheo các ông có biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là thường hay vô thường ? Là khổ hay không khổ ? La không hay chẳng phải không ? Là ngã hay không phải ngã ? Khi đó, năm ông Tỳ-kheo nghe Phật nói năm ấm là vô thường thì các lậu nghiệp hết, tâm ý mở mang, thành quả A-la-hán. Liền trả lời rằng : Thưa Thế Tôn ! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thật vô thường, khổ, không, và vô ngã. Lúc đó, các vị Địa thần vui vẻ, xướng lên rằng : Đức Như Lai ngày nay ở chỗ này, chuyển bánh xe diệu pháp, cứ lần lượt xướng lên; tiếng ấy vang lên đến ba mươi ba cõi trời. Từ đây, trong thế gian mới có ngôi Tam Bảo. Đức Như Lai đại Thánh là ngôi Phật bảo. Năm vị A-la-hán là ngôi Tăng bảo. Pháp luân Tứ đế là ngôi Pháp bảo. Đó là ruộng phước thứ nhứt của cõi trời cõi người vậy.

178 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 30 ĐỘ BA ÔNG CA DIẾP

Trong Kinh Phổ Diệu nói : Phật, Ngài tự nghĩ : Ở trong thế gian này, ông Ưu-vi Ca-diếp v.v... là người rất có danh tiếng, Ngài muốn đến giáo hóa, khiến cho ông được hiểu đạo pháp. Nghĩ xong, Ngài mới đến chỗ ông Ca-diếp, ngủ tạm lại trong nhà thờ thần lửa của ông một đêm, trong nhà ấy có con Độc long. Đức Phật bèn hàng phục nó. Còn đệ tử ông Ca-diếp nhúm lửa không cháy, Đức Phật làm cho cháy đỏ, cất búa mà không hạ xuống, đức Phật làm cho xuống, và Đức Phật rạch nước bay bụi (bày đất) rồi Ngài đi vào chính giữa của hai bên nước (nghĩa là vẹt nước ra hai bên, chính giữa bày đường đất), những phép thần thông như thế, có mười tám thứ biến hiện, ông Ca-diếp thấy, tự xét mình rất hổ thẹn, mới quyết chí theo Phật thọ giới và làm Sa-môn, cùng năm trăm đệ tử của ông cũng đều nguyện theo Phật luôn. Hai người em của ông Ca-diếp, ông thứ nhì tên là Na-đề và ông út tên là Kiệt-di, hai người này, mỗi người có hai trăm năm mươi đệ tử; làm Lô-xá (làm nhà ở để tu theo ngoại đạo) ở bên mé sông, thấy cái đồ thờ lửa của Phạm chí, theo dòng nước trôi xuống, sợ rằng : Anh mình và năm trăm người đệ tử bị kẻ tàn ác giết hại, hoặc bị nước lớn trôi đi, liền họp cả năm trăm đệ tử theo dòng nước mà tìm đến thì thấy thầy trò anh mình đều làm Sa- môn.

PHAÀN II 179

180 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 31 (tiếp theo)

Hai người lấy làm lạ mà hỏi rằng : Đại huynh đã 120 tuổi, trí huệ cao xa, Quốc vương và quan dân ai nấy đều tôn thờ, theo ý tôi cho Đại huynh là bậc A-la-hán; ngày nay trở bỏ đạo nghiệp của Phạm chí học theo hạnh Samôn. Như thế thì Đức Phật chắc lớn lắm sao ? Và đạo của Ngài thù thắng thế nào ? Ông Ca-diếp trả lời : Phải ! Đạo của Phật rất lớn, pháp của Ngài cũng không lường, ta tuy học đạo thế gian, nhưng chưa có chỗ đắc

đạo, và được thần thông trí huệ như Phật, pháp của Ngài thanh tịnh và từ tâm của Ngài độ người không cùng tột. Ngài đem ba việc mà giáo hóa : 1- Đạo định thần thông, biến hóa tự nhiên. 2- Đủ trí huệ biết rõ bổn ý của người. 3- Theo bệnh cho thuốc. Khi đó, hai người em và năm trăm đệ tử đồng thanh nói : Chúng tôi nguyện như Đại sư cầu làm Sa-môn. Phật dạy : Các Tỳ-kheo đến đây ! Hai người em và năm trăm đệ tử tóc râu tự cạo, mình mặc áo cà-sa. Từ đó Phật có một ngàn vị Sa-môn. Ngài liền vì họ nói pháp; không có một ai là không vui vẻ, đều chứng được quả A-la-hán.

PHAÀN II 181

BÀI THỨ 32 ĐỘ ÔNG XÁ LỢI PHẤT VÀ ÔNG MỤC KIỀN LIÊN

Trong Kinh Nhân Quả nói : Ở thành Vương Xá, có hai người Bà-la-môn, thông minh trí huệ. Một người tên là Xá-lợi-phất; một người tên Mục-kiền-liên; mỗi người đều có một trăm đệ tử, hai người kết bạn rất mến trọng nhau, cùng nhau lập lời thề rằng : Nếu ai được nghe pháp mầu trước, thì phải chỉ bày lẫn nhau. Một hôm, ông Xá-lợi-phất đang khi đi đường, gặp thầy Tỳ-kheo tên A-xá-bà-kỳ vào thành khất thực, oai nghi tề chỉnh. Ông bèn hỏi : “Thầy của ông là người nào, có dạy vẽ cho ông những điều gì, diễn nói những pháp gì ?” Tỳ-kheo đáp : “Thầy tôi là giòng Cam Giá, là thầy của cõi trời, cõi người, tướng tốt trí huệ, thần thông không ai bì kịp, tôi tuổi còn nhỏ, vừa mới học đạo, đâu có thể nói hết được pháp nhiệm mầu của Đức Như Lai. Nhưng tôi cũng xin đem chỗ hiểu biết hẹp hòi của tôi, để nói lại cho ông nghe”. Nói xong bèn đọc bài kệ rằng : “Cội gốc của tất cả các pháp, do nhân duyên mà sanh, không ai làm chủ, nếu ai hiểu được pháp này, thì chứng được đạo chơn thật”. Có chỗ nói : “Các pháp theo nhân duyên mà sanh và cũng theo nhân duyên mà diệt, bậc Đại Sa-môn là Đức Phật của chúng ta, Ngài thường nói ra như thế”.

182 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

PHAÀN II 183

BÀI THỨ 33 (tiếp theo)

Ông Xá-lợi-phất nghe xong, liền xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Khi đó, ông Xá-lợi-phất trở về đến chỗ ở. Bấy giờ, ông Mục-kiền-liên thấy ngài Xá-lợi-phất các căn yên lặng, bèn hỏi rằng : Chắc ngài được nghe pháp mầu ? Ngài Xá-lợi-phất thuật đủ những việc như trên. Ngài Mục-kiền-liên nghe xong, cũng được Pháp nhãn thanh tịnh, hai ngài liền đem hai trăm đệ tử đến Trúc Viên, ở xa trông thấy Đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm, sanh lòng vui vẻ, cầu xin xuất gia. Phật dạy : Hay lắm ! Đến đây; Ngài liền độ cho làm bậc Sa-môn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi người, ở nước Ma-kiệt-đà, rộng độ các chúng sanh.

184 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 34 ÔNG DA XÁ ĐƯỢC ĐỘ

Trong Kinh Nhân Quả nói : Ông Trưởng giả có một người con tên là Da-xá, rất có biện tài. Một hôm vào lúc nửa đêm, thấy giữa hư không có hào quang sáng lạ, liền theo hào

quang ấy đi đến vườn Lộc Giã, lạy Phật và thưa rằng : Cúi xin Đức Thế Tôn cứu độ cho con. Phật dạy : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, ông có biết không ? Da-xá thưa : Thật như vậy ! Nghe xong ông liền chứng được Pháp nhãn thanh tịnh, thành bậc A la hán và cầu xin Phật cho đi xuất gia. Phật dạy : Hay lắm đến đây Tỳ-kheo ! Liền thành Sa-môn. Khi đó, người cha ông Da-xá tìm đến chỗ Phật liền thọ pháp Tam quy làm kẻ Ưu-bà-tắc đầu tiên. Lại có năm mươi người con của các ông Trưởng giả, là bầu bạn của ông Da-xá, nghe Da-xá xuất gia, cùng nhau đến chỗ Phật cũng xin xuất gia. Đức Phật dạy : Hay lắm ! Đến đây các Tỳ-kheo ! Chúng ngươi có thể làm ruộng phước vô thượng cho trong thế gian vậy, mỗi người phải nên đi ra các phương mà giáo hóa, đem lòng từ bi độ tất cả chúng sanh.

PHAÀN II 185

BÀI THỨ 35 TINH XÁ Ở KỲ VIÊN

Trong Kinh Hiền Ngu nói : Ông Tu-đạt bạch Phật rằng : Cúi xin Như Lai giáng lâm đến nước Xá-vệ, để cho chúng sanh trong đó, bỏ tà theo chánh. Đức Thế Tôn dạy : Nước ấy không có Tinh xá. Ông Tu-đạt thưa : Đệ tử có thể xây dựng được, xin Ngài nhận lời cho ! Đức Thế Tôn yên lặng. Khi đó, Phật bảo ông Xá-lợiphất cùng đi tìm kiếm khắp các nơi, chỉ có chỗ vườn cây của Thái tử Kỳ-đà, hẳn là chỗ tốt nên lập Tinh xá. Ông Tu-đạt tìm đến chỗ Thái tử thưa rằng : Tôi muốn vì Đức Như Lai dựng lập Tinh xá, vườn của Thái tử rất tốt, bây giờ tôi muốn mua. Thái tử đáp lời : Nếu ông có thể đem thứ huỳnh kim (vàng tốt) lót trên đất, làm cho không còn chỗ nào trống, tôi sẽ bán cho. Ông Tu-đạt sai người và voi, chở thứ huỳnh kim đến lót trong tám mươi khoảnh đất, giây lát gần giáp, chỉ còn thiếu chút ít. Thái tử bảo : Nếu ông chê mắc thì thôi đi. Ông Tu-đạt trả lời : Không phải thế, tôi đang suy nghĩ kho vàng nào có thể lót vừa đủ.

186 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 36 (tiếp theo)

Thái tử nghĩ rằng : Đức Phật chắc là bậc Đại đức, mới có thể làm cho người này khinh thường của báu như vậy. Nghĩ rồi mới bảo thôi đừng đem vàng ra nữa. Giờ đây đất vườn thuộc về khanh, còn rừng cây thuộc về tôi. Nhưng tôi cũng dâng lên Phật để cùng nhau lập Tinh xá. Ông Tu-đạt yên lặng, bèn ra công xây dựng Tinh xá, vì Phật làm điện, và lập mười hai Phù đồ, bảy mươi hai giảng đường, ba ngàn sáu trăm phòng xá, năm trăm lầu các, và phòng riêng để yên nghỉ. Ông lại tự nghĩ : Trên thì có Quốc vương, nên tâu lên để ngài biết. Rồi đến tâu với vua : Muôn tâu Đại vương, sai người thỉnh Phật và thỉnh chúng Tăng. Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng hào quang rúng động cả đại địa, đi đến nước Xá-vệ, tất cả đại chúng trong thành đều nhóm họp, Ngài vì họ nói pháp mầu, người có túc duyên thích hợp đều đặng đạo quả.

PHAÀN II 187

BÀI THỨ 37 BÀ DI MẪU CẦU ĐỘ

Trong Kinh Trung Bổn Khởi nói : Khi Đức Phật vào nước Ca-tỳ-la-vệ, Di mẫu tức là bà Đại Ái Đạo, liền tìm đến chỗ Phật bạch rằng : Bạch Đức Thế Tôn ! Tôi nghe hàng nữ

nhơn tinh tấn cũng có thể dự vào bốn đạo quả của bậc Sa-môn, vậy xin Ngài cho chúng tôi được lãnh giới pháp của Phật để xuất gia học đạo. Đức Phật dạy : Thôi đi ! Nếu hàng nữ nhơn vào trong pháp luật của Ta và mặc pháp y thì phải trọn đời thanh tịnh, tu hành phạm hạnh. Bà Di mẫu cầu xin tha thiết đến ba phen, Phật vẫn không nhận lời. Bà đứng ở ngoài cửa buồn rầu khóc lóc. Ngài A-nan xem thấy liền hỏi nguyên do. Bà trả lời : Vì không được xuất gia. Ông A-nan thưa : Bá mẫu cứ yên tâm, đợi tôi bạch Phật cho. Bèn vào bạch Phật. Đức Phật dạy : Nếu muốn làm bậc Sa-môn thì phải luôn tuân theo tám pháp kỉnh này không được vượt qua (trái bỏ), nên xét cho kỹ, nếu có thể giữ được thì cho làm Sa-môn. Di mẫu vâng lãnh, liền được thọ giới Tỳ-kheoni. Trong giới Tỳ-kheo-ni, bà là người trước nhứt. Tám pháp kỉnh : 1- Dù Tỳ-kheo-ni trăm tuổi, nhưng nếu thấy thầy Tỳkheo mới thọ giới, cũng phải tiếp rước lễ bái, trải tòa mời ngồi.

188 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

2- Tỳ-kheo-ni không được mắng nhiếc, chê bai Tỳkheo. 3- Không được cử tội Tỳ-kheo và nói sự lỗi lầm. Trái lại, Tỳ-kheo được nói lỗi Tỳ-kheo-ni. 4- Thức-xoa-ma-na đã học giới, phải đến chỗ đại Tăng để cầu thọ đại giới. 5- Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn, phải nửa tháng đến trong hai bộ Tăng chúng làm pháp Ma-na-đỏa (ý hỷ). 6- Cứ mỗi nửa tháng, Ni chúng phải đến bên đại Tăng cầu người dạy bảo (giáo thọ). 7- Tỳ-kheo-ni không được kiết hạ an cư ở chỗ không có Tỳ-kheo (phải gần biên giới để ủng hộ...) 8- Kiết hạ xong, Ni phải đến trong đại Tăng cầu người tự tứ (chỉ lỗi) cho.

PHAÀN II 189

BÀI THỨ 38 LỜI DẠY BẢO CUỐI CÙNG CỦA PHẬT ĐỂ LẠI

Trong Kinh Trường A Hàm nói : Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng : Các ông nên biết, Ta nhờ những pháp này, mà được tự chứng thành bậc Đẳng Chánh giác, tức là pháp Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và Bát Chánh đạo, đối trong những pháp này phải hòa đồng kính thuận nhau, đừng sanh sự tranh cãi. Nếu đồng thọ học một thầy, cũng như nước hòa với sữa. Đối trong pháp của Ta, phải siêng năng học hành, Ta đã nói ra mười hai phần giáo như : Khế Kinh, Kỳ Dạ Kinh, Thọ Ký Kinh, Kệ Kinh, Pháp Cú Kinh, Tương Ưng Kinh, Bổn Duyên Kinh, Bổn Sanh Kinh, Phương Quảng Kinh, Vị Tằng Hữu Kinh, Thí Dụ Kinh, Đại Giáo Kinh; các ông nên thọ trì, cân theo lượng mình mà phân biệt, tùy theo việc tu hành, Ta còn ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn.

190 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 39 (tiếp theo)

Các thầy Tỳ-kheo nghe xong, tự lăn mình xuống đất. Phật dạy : Các ông hãy thôi đi, chớ ôm lòng buồn rầu, nên biết trời đất nhơn vật, không có cái gì sanh ra mà không chết. Nếu muốn pháp hữu vi đừng có sự thay đổi; thì quyết định không có lẽ ấy, chính Ta cũng có nói trước sự ân ái không thường, có hội hợp thì có sự chia ly, thân này không phải sở hữu của mình, tánh mạng không còn lâu được, giờ đây tuổi Ta cũng đã già rồi, sự sống thừa không còn bao nhiêu nữa, công việc làm đã xong xuôi, bây giờ phải bỏ sự

sống. Tỳ-kheo các ông, phải tự dằn dẹp ý mình, giữ gìn tâm tánh, nếu ai đối với pháp của Ta không có sự buông lung, thì có thể dứt được gốc khổ, hết sanh, già, bệnh, chết. Phật lại bảo các Tỳ-kheo : Ta nay sở dĩ phải dạy bảo các ông như thế là vì bọn Thiên ma Ba Tuần đến thỉnh Ta mau vào Niết-bàn. Đức Thế Tôn không trả lời cầu thỉnh nhập Niết-bàn của bọn Thiên ma, nhưng đã mặc nhiên hứa thọ. LỜI PHỤ.- Hứa thọ : 1- Một là thời kỳ nhập diệt đã đến. 2- Ma nó có ngũ thông nó biết nó mừng nó đến thỉnh như vậy. Phật vẫn hứa thọ như vậy. 3- Hai là cái lẽ vô thường, dù không hứa thọ, sẽ cũng phải như vậy.

PHAÀN II 191

BÀI THỨ 40 LỜI DI GIÁO TRONG KHI LÂM CHUNG

Trong Kinh Di Giáo nói : Bấy giờ, Thế Tôn sắp vào Niết-bàn, lúc ấy vào khoảng nửa đêm yên lặng, không một tiếng động, Ngài vì các đệ tử lược nói lời pháp yếu : Này các Tỳ-kheo ! Các ông, sau khi Ta nhập diệt rồi, các ông phải tôn trọng giới Ba-la-đề-mộc-xoa, phải xem như tối gặp sáng, người nghèo đặng của báu, nên biết giới này tức là Đại sư của các ông, nếu Ta ở đời không khác gì giới này vậy. Người giữ gìn tịnh giới không được mua bán đổi chác, sắp đặt ruộng vườn, nuôi chứa nhân dân, tôi tớ, súc sanh, tất cả sự trồng tỉa và các của cải, đều phải xa lìa, phải cẩn thận như lánh hầm lửa, không được đốn chặt cỏ cây, cuốc vào đất cát, bào chế thuốc thang, xem tướng tốt xấu; ngửa xem tinh tú, thôi bộ dinh hư, xem lịch số, tính quẻ, đều không nên làm, phải tiết kiệm mà ăn (ăn cho có chừng đỗi), tự nuôi sống thân này một cách được thanh tịnh !

192 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

BÀI THỨ 41 (tiếp theo)

Không được tham dự việc đời, lãnh sứ mạng thông đến các chỗ, làm những điều chú thuật, thuốc tiên, kết bạn với người quý, gần với những kẻ khinh lờn, đều không nên làm, phải tự vững lòng chánh niệm, cầu độ thoát, không được giấu giếm tỳ vết, bàn việc lạ để gạt chúng, đối với bốn món cúng dường, biết lượng vừa đủ, khi được đồ chúng cúng dường, không nên chứa để. Đó là lược nói tướng trạng giữ giới, là gốc thuận theo đường giải thoát, nên gọi là : Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhờ nương giới này, được sanh các món thiền định và trí huệ diệt khổ. Phải giữ gìn tịnh giới chớ để hủy phạm thiếu sót. Nếu giữ được tịnh giới, thì có pháp lành, nếu không tịnh giới thì các công đức lành đều không sanh được. Ta gần diệt độ rồi, đây là lời dạy cuối cùng của Ta.

PHAÀN II 193

BÀI THỨ 42 NHẬP DIỆT NƠI SONG LÂM

Trong Kinh Niết Bàn về phần sau có nói : Bấy giờ, Phật ở trong thành Câu-thi-na, nơi rừng Ta-la Song thọ, ngày Rằm tháng Hai, Ngài sắp nhập Niết-bàn, Ngài đã vào thiền định và dạy bảo đại chúng rồi, ở trên giường thất bảo, nằm xoay hông về bên hữu, xoay mặt về hướng Tây, đến lúc nửa đêm, Ngài vào thiền định thứ tư, yên lặng không tiếng tăm, trong lúc ấy Ngài liền nhập Niếtbàn. Bấy giờ, nhân dân trong thành

Câu-thi-na, liền làm hòm vàng, trang sức bằng thất bảo, nào hương hoa, tràng phan, bảo cái, đem đến chỗ Phật, thể lòng kính trọng, đỡ xác Đức Như Lai vào trong hòm vàng, khi đó tám vị đại lực sĩ, đều không thể động đậy (không thể rinh nổi quan tài). Khi ấy, Đức Thế Tôn vì lòng Đại bi, liền cất nổi hòm; đi quanh bảy vòng, rồi để vào trong hương lầu. Khi đó, người ta đem đuốc quăng vào (để đốt) thảy đều tắt hết. Bấy giờ, Đức Như Lai dùng sức Đại bi, từ trong hông lửa tuôn ra ngoài hòm, đốt cháy bảy ngày mới hết. Tám vị quốc vương, cùng nhau chia Xá lợi và đều dựng tháp cúng dường. Vì oai thần của Phật, nên chỗ nào, chỗ nào cũng đều phóng hào quang sáng, giống như ban ngày không khác.

194 SÔ ÑAÚNG PHAÄT HOÏC GIAÙO KHOA THÖ

(PHẦN THỨ HAI – HẾT)

MỤC LỤC

Tựa dẫn .....5 VIỆT VĂN Phần I (từ bài 1 đến bài 80) .....7 Phần II (từ bài 1 đến bài 42) .....159 HÁN VĂN Quyển 6.....254 Quyển 5.....280 Quyển 4.....306 Quyển 3.....328 Quyển 2.....350 Quyển 1.....368

SƠ ĐẲNG PHẬT HỌC GIÁO KHÓA THƯ

Dịch giả : HT. THÍCH HÀNH TRỤ

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THANH XUÂN
Biên tập : NGUYỄN TƯỜNG LONG
Sửa bản in : HOÀNG MINH
Trình bày : KIM THỦY
Bìa : CHÁNH TÂM NGHIÊM
NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO Nhà số 4 - lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội ĐT : (04) 5566701 – FAX : (04).5566702

In : 1000 bản, khổ 14,5x20,5 cm
Tại : Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, 100 Lê Đại Hành
P.7 Q.11 TP. HCM - ĐT : (08) 8555812
Số xuất bản : 46-131/XB-QLXB ngày 3-2-2005
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2005

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*